

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỬ DỤNG TÀI LIỆU VỀ TIỀN SĨ ĐỊNH THỨC THÔNG
TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH LỚP 4
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở XÃ CHƯƠNG DƯƠNG (HÀ NỘI)
VÀ XÃ GIA TRẦN (NINH BÌNH)

Mã sinh viên: 2652020569

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

SỬ DỤNG TÀI LIỆU VỀ TIỀN SĨ ĐÌNH THỨC THÔNG
TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH LỚP 4
TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở XÃ CHƯỜNG DƯƠNG (HÀ NỘI)
VÀ XÃ GIA TRẦN (NINH BÌNH)

Mã sinh viên: 2652020569

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: TS. Đinh Văn Viễn

NINH BÌNH, 2026

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, các thầy cô khoa Sư phạm Trung học và khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non của trường Đại học Hoa Lư, cùng Ban Giám hiệu và các em học sinh trường Tiểu học Gia Trần đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp em hoàn thành khóa luận này.

Đặc biệt, em xin gửi lời tri ân sâu sắc tới TS. Đinh Văn Viễn, người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài “Sử dụng tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4 tại trường Tiểu học ở xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trần (Ninh Bình)”.

Dù đã rất cố gắng, nhưng bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026
Sinh viên

Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan những vấn đề và kết quả trong đề tài Khóa luận: “Sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4 tại trường Tiểu học ở xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trấn (Ninh Bình)” là kết quả nghiên cứu của chính bản thân em dưới sự hướng dẫn của TS.Đinh Văn Viễn. Những nguồn tài liệu được sử dụng đảm bảo có nguồn gốc xuất xứ cụ thể, rõ ràng và được trích dẫn đúng theo quy định. Nếu có bất cứ vấn đề liên quan đến gian lận trong bài khóa luận này thì em xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hình thức kỷ luật theo quy định của Nhà trường.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Sinh viên

Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài: “Sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4 tại trường Tiểu học ở xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trấn (Ninh Bình)” là công trình nghiên cứu của sinh viên Đỗ Đoàn Mỹ Huyền, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Người hướng dẫn

TS. Đinh Văn Viễn

BẢNG KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Viết đầy đủ
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
Nxb	Nhà xuất bản

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm	22
Bảng 1.2. Mức độ sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm.....	24
Bảng 1.3. Đánh giá của giáo viên về hiệu quả của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm.....	27
Bảng 1.4. Mức độ khó khăn khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm	27
Bảng 1.5. Những khó khăn của giáo viên trong quá trình tổ chức Hoạt động trải nghiệm.....	28
Bảng 1.6. Nhu cầu hỗ trợ của giáo viên.....	29
Bảng 1.7. Hình thức Hoạt động phù hợp nhất đối với học sinh lớp 4	30
Bảng 3.1. Thống kê kết quả thực hành đối chứng	72
Bảng 3.2. Tổng hợp kết quả thực hành đối chứng	73

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1.1. Mức độ hiểu biết của giáo viên về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông....	23
Biểu đồ 1.2. Các nguồn tài liệu giáo viên thường sử dụng khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm lịch sử địa phương	25
Biểu đồ 1.3. Các hình thức Hoạt động trải nghiệm được giáo viên sử dụng khi tổ chức cho học sinh tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương.....	25
Biểu đồ 1.4. Mức độ hứng thú của học sinh đối với các Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương.....	26

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	7
NỘI DUNG.....	8
CHƯƠNG 1:	8
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	
TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TIỂU HỌC.....	8
1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm	8
1.1.1. Khái niệm hoạt động trải nghiệm.....	8
1.1.2. Khái niệm hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử.....	9
1.1.3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	10
1.1.4. Vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển phẩm chất, năng	
lực học sinh	12
1.1.5. Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường tiểu	
học.....	13
1.2. Cơ sở lý luận về việc sử dụng tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương trong	
dạy học và trải nghiệm	15
1.2.1. Khái niệm tài liệu lịch sử và tài liệu địa phương.....	15
1.2.2. Ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong giáo dục	
tiểu học	16
1.2.3. Nguyên tắc lựa chọn và khai thác tài liệu lịch sử, văn hóa địa	
phương.....	18
1.3. Cơ sở thực tiễn của đề tài.....	19
1.3.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ	
Đình Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4.....	19

1.3.2. Kết quả khảo sát thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sỹ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 4	21
1.3.3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu: xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trản (Ninh Bình)	33
1.3.4. Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn.....	37
Tiểu kết chương 1	38
CHƯƠNG 2.....	39
ĐÓNG GÓP CỦA TIẾN SĨ ĐINH THỨC THÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC	39
2.1. Bối cảnh lịch sử thế kỷ XV	39
2.1.1. Bối cảnh đất nước	39
2.1.2. Bối cảnh vùng đất Ninh Bình.....	41
2.2. Nhân vật Đinh Thúc Thông	45
2.2.1. Tiểu sử.....	45
2.2.2. Sự nghiệp.....	47
2.2.3. Đóng góp của Đinh Thúc Thông với quê hương, đất nước	50
Tiểu kết chương 2.....	53
CHƯƠNG 3.....	54
MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM QUA VIỆC SỬ DỤNG TƯ LIỆU VỀ TIẾN SĨ ĐINH THỨC THÔNG.....	54
3.1. Cơ sở xây dựng hoạt động trải nghiệm	54
3.1.1. Mục tiêu và định hướng nội dung theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018.....	54
3.1.2. Nguyên tắc lựa chọn nội dung, hình thức trải nghiệm.....	55
3.1.3. Đặc điểm tâm lý học sinh lớp 4	55
3.2. Đề xuất các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cụ thể.....	56
3.2.1. Hoạt động tham quan – tìm hiểu di tích.....	56
3.2.2. Hoạt động Kể chuyện lịch sử – Sân khấu hóa	62
3.2.3. Hoạt động Sáng tạo nghệ thuật	66
3.3. Thực nghiệm sư phạm.....	70

3.3.1. Mục đích thực nghiệm	70
3.3.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm	70
3.3.3. Nội dung tiến hành thực nghiệm.....	71
3.3.4. Kết quả thực nghiệm và đánh giá.....	72
Tiểu kết chương 3.....	76
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	77
1. Kết luận	77
2. Kiến nghị.....	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	81
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, việc phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho người học được đặt lên hàng đầu. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã khẳng định vai trò của hoạt động giáo dục gắn với thực tiễn cuộc sống, trong đó hoạt động trải nghiệm là một trong những nội dung trọng tâm xuyên suốt, góp phần hình thành, phát triển nhân cách cho HS. Với cấp tiểu học - lứa tuổi HS bắt đầu hình thành thế giới quan và các giá trị sống cơ bản, hoạt động trải nghiệm giúp các em học mà chơi, chơi mà học, tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, sinh động và hiệu quả. Bên cạnh đó, giáo dục lịch sử địa phương trong các nhà trường hiện nay ngày càng có vai trò quan trọng, là cầu nối giúp HS gắn bó với quê hương, đất nước và con người xung quanh mình. Trong môi trường tiểu học, việc lồng ghép nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa, gắn với địa phương nơi các em sống chính là cách thiết thực để giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, khơi dậy ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với lịch sử, văn hóa dân tộc.

Tiến sĩ Đinh Thúc Thông - danh nhân lịch sử, văn hóa tiêu biểu thế kỷ XV, người có những đóng góp cho đất nước trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, giáo dục dưới triều đại Lê sơ. Ông không chỉ là niềm tự hào của quê hương Gia Trấn (Ninh Bình) mà còn có mối liên hệ mật thiết với vùng đất Thăng Long, nay là xã Chương Dương (Hà Nội) - nơi ông từng sống và để lại nhiều dấu ấn. Cuộc đời - sự nghiệp của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là tấm gương về tinh thần hiếu học, ý chí vượt khó, lòng trung quân, ái quốc, yêu dân - những phẩm chất rất cần được lan tỏa đến thế hệ trẻ hôm nay. Dù vậy, hiện nay tài liệu về ông chưa được khai thác hiệu quả trong dạy học bậc tiểu học, đặc biệt là các hoạt động trải nghiệm mang tính tích cực, chủ động và sáng tạo.

Mặt khác, thực tế tại các trường tiểu học hai xã Chương Dương (Hà Nội) và Gia Trấn (Ninh Bình) cho thấy: hoạt động trải nghiệm lịch sử địa phương nơi đây còn thiên về hình thức và thiếu chiều sâu, xuất phát từ việc tài liệu giáo dục địa phương còn hạn chế về tư liệu, sự kết nối giữa nội dung giáo dục với

nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa cụ thể gắn với địa phương chưa được quan tâm chú trọng đúng mức. Việc chưa khai thác đầy đủ thông tin từ những nhân vật lịch sử như Tiên sĩ Đinh Thúc Thông trong chương trình giáo dục và hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học là việc làm có ý nghĩa thiết thực.

Từ những lý do trên tôi đã chọn đề tài “*Sử dụng tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông trong hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại Trường Tiểu học ở xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trấn (Ninh Bình)*” làm khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu liên quan đến Hoạt động trải nghiệm và giáo dục lịch sử địa phương

Trong những năm gần đây, cùng với định hướng đổi mới giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, vấn đề tổ chức hoạt động trải nghiệm và giáo dục lịch sử địa phương cho HS tiểu học đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và nhà giáo dục. Các công trình nghiên cứu không chỉ tập trung làm rõ cơ sở lý luận của hoạt động trải nghiệm mà còn đề xuất nhiều biện pháp vận dụng lịch sử, văn hóa địa phương vào quá trình dạy học nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, cụ thể:

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* đã xác định định hướng đổi mới giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học [1]. Trong đó, HĐTN được xem là nội dung giáo dục bắt buộc, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, hợp tác và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS. Mặt khác, trong Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2018) đã quy định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở các cấp HS [2]. Chương trình đặc biệt nhấn mạnh việc tăng cường sự gắn kết giữa nhà trường, gia đình và địa phương nhằm tạo môi trường giáo dục toàn diện cho HS.

Sách giáo khoa và sách giáo viên môn HĐTN lớp 4 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) chính là công cụ cụ thể hóa các mục tiêu, yêu cầu cần đạt

của chương trình giáo dục phổ thông mới [17] [18]. Trong đó, cuốn Sách giáo khoa môn HDTN lớp 4 đóng vai trò định hướng nội dung hoạt động, gợi mở các chủ đề gần gũi nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho HS. Đồng thời, là tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, cung cấp các phương pháp, quy trình tổ chức mạch lạc cho GV tiểu học. Việc phân tích cấu trúc nội dung của hai tài liệu này là cơ sở thực tiễn cốt lõi giúp xác định được các khoảng trống và các chủ đề phù hợp, từ đó lồng ghép, thiết kế các hoạt động trải nghiệm gắn với tài liệu lịch sử về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông một cách khoa học, khả thi.

Bên cạnh các văn bản định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp dạy học lịch sử và lịch sử địa phương cũng đã được công bố. Tiêu biểu là công trình *Phương pháp dạy học Lịch sử*, tập 2 của Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi và Trịnh Đình Tùng (2010), NXB Đại học Sư phạm. Công trình đã trình bày cơ sở lí luận về các hình thức tổ chức dạy học lịch sử, đồng thời đề cập đến hoạt động ngoại khóa và công tác lịch sử địa phương trong trường phổ thông. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo quan trọng cho việc vận dụng tài liệu lịch sử địa phương vào các hoạt động giáo dục và các hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học [13].

Ở hướng nghiên cứu gắn với giáo dục địa phương, Mai Thị Lê Hải (2020) với luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục: *Dạy học tích hợp lịch sử, địa lí địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí cho HS tiểu học tỉnh Phú Yên*, bảo vệ tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đã tập trung nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc tích hợp nội dung lịch sử, địa lí địa phương trong dạy học ở tiểu học. Tác giả đồng thời đề xuất các quy trình và biện pháp tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực HS thông qua việc khai thác tài liệu địa phương. Công trình là nguồn tài liệu tham khảo có ý nghĩa đối với việc vận dụng lịch sử địa phương trong HDTN ở trường tiểu học [9].

Ngoài ra, Hoàng Văn Định (2018) với luận văn Thạc sĩ: *Tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS các trường tiểu học huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn*, Trường Đại học Sư phạm (Đại học Thái Nguyên), đã nghiên cứu việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong điều kiện thực tiễn địa phương. Công trình đề xuất

một số biện pháp và hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm HS tiểu học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trải nghiệm trong nhà trường [6].

Cuốn sách *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam của Đinh Thị Kim Thoa đã cung cấp nền tảng lý luận vững chắc về đặc điểm tâm sinh lý HS Tiểu học (lớp 4), phương pháp dạy học phát triển năng lực và cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm [16].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đây đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động trải nghiệm cũng như việc vận dụng lịch sử địa phương trong giáo dục HS tiểu học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các nhân vật lịch sử tiêu biểu đã quen thuộc trong sách giáo khoa hoặc các di tích lịch sử lớn. Việc khai thác tài liệu về những nhân vật lịch sử địa phương tuy ít được biết đến ở phạm vi rộng nhưng có giá trị giáo dục sâu sắc đối với cộng đồng địa phương vẫn còn chưa được quan tâm đầy đủ. Vì vậy, nghiên cứu việc sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 không chỉ góp phần làm phong phú hình thức giáo dục lịch sử địa phương mà còn giúp HS hiểu rõ hơn về truyền thống văn hóa, lịch sử và tinh thần hiếu học của quê hương.

2.2. Các nghiên cứu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông

Hiện nay, tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông chủ yếu được biết đến qua những ghi chép lịch sử địa phương, bia ký, tài liệu truyền miệng, và một số bài viết trên các ấn phẩm văn hóa - lịch sử địa phương, cụ thể như:

Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận năm thứ 4 (1463) dựng tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội), dưới triều Lê Thánh Tông, trong đó có khắc tên Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.

Cuốn *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)* của Ngô Đức Thọ chủ biên đã cung cấp những thông tin cơ bản về thân thế, quê quán, khoa cử và chức vụ của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong hệ thống khoa bảng thời Lê [15]. Đây là nguồn tài liệu có giá trị trong việc tìm hiểu về nhân vật lịch sử địa phương. Tuy nhiên, công trình chủ yếu mang tính chất tra cứu và thống kê tài liệu lịch sử, chưa đi sâu khai thác ý nghĩa giáo dục cũng như việc vận dụng các giá trị

lịch sử của nhân vật vào hoạt động giáo dục thực tiễn cho HS.

Như vậy, có thể thấy, đến nay tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vẫn còn khá khiêm tốn. Các thông tin về ông chủ yếu tồn tại dưới dạng địa chí, bia ký, tài liệu truyền miệng và một số bài viết ngắn trên các ấn phẩm văn hóa - lịch sử. Có thể thấy rõ một thực trạng: đến nay vẫn chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách chuyên biệt, có hệ thống và sâu sắc về thân thế, sự nghiệp cũng như những giá trị giáo dục di sản của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, đặc biệt là hướng nghiên cứu tích hợp tài liệu về ông vào các hoạt động giáo dục trải nghiệm cho HS tiểu học - nhất là tại hai địa bàn có sự gắn kết mật thiết với Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là xã Gia Trấn (Ninh Bình) và xã Chương Dương (Hà Nội) - hiện vẫn là một khoảng trống lớn chưa được khai thác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Đề tài nhằm mục đích khai thác và sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông để thiết kế các hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại Trường Tiểu học xã Chương Dương (Hà Nội) và Trường Tiểu học xã Gia Trấn (Ninh Bình).

3.2. Nhiệm vụ

Đề tài tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

Tìm hiểu cơ sở lí luận về việc sử dụng tài liệu nhân vật lịch sử và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học ở tiểu học.

Tìm hiểu, sưu tầm tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, làm rõ cuộc đời, sự nghiệp, những đóng góp của ông đối với quê hương và đất nước, cũng như giá trị giáo dục của những tài liệu này đối với HS tiểu học.

Đề xuất các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 dựa trên tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của đề tài bao gồm:

Tiến sĩ Đinh Thúc Thông - thân thế, sự nghiệp và đóng góp của ông.

Khai thác, sử dụng tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 ở trường tiểu học.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về phạm vi địa bàn nghiên cứu:* Đề tài khảo sát tại Trường Tiểu học Gia Trấn và Trường Tiểu học Chương Dương. Tiến hành thực nghiệm tại trường Tiểu học Gia Trấn.

- *Về phạm vi nội dung:* Đề tài tập trung vào việc khai thác, hệ thống hóa và thực hiện "sur phạm hóa" các nguồn tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phối hợp nhiều phương pháp nghiên cứu sau:

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Nghiên cứu, thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu khoa học có liên quan đến vấn đề sử dụng tài liệu nhân vật lịch sử, hoạt động trải nghiệm và giáo dục địa phương trong trường tiểu học.

Hệ thống hóa cơ sở lí luận về vai trò, ý nghĩa, quy trình, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm hình thành phẩm chất, năng lực cho HS lớp 4.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra: Tiến hành khảo sát, điều tra bằng các hình thức khác nhau đối với GV để tìm hiểu thực trạng sử dụng tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại trường Tiểu học ở xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trấn (Ninh Bình).

5.3. Phương pháp phân tích - tổng hợp và thống kê

Tổng hợp kết quả khảo sát, xử lý dữ liệu, vẽ biểu đồ, phân tích để rút ra nhận xét, kết luận và đề xuất giải pháp phù hợp.

5.4. Phương pháp nghiên cứu lịch sử

Nghiên cứu, khai thác các nguồn tài liệu lịch sử liên quan đến Tiên sĩ Đinh Thúc Thông như sách sử, gia phả, thần tích, tài liệu địa phương, công trình nghiên cứu khoa học và các tư liệu lưu trữ nhằm tái hiện tương đối đầy đủ về thân thế, sự nghiệp, đóng góp của nhân vật lịch sử. Trên cơ sở đó, làm rõ giá trị

lịch sử, giáo dục của nhân vật để vận dụng vào tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại trường tiểu học.

5.5. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Trực tiếp quan sát và tổ chức thực nghiệm một số hoạt động trải nghiệm cho HS về nội dung Tiên sĩ Đinh Thúc Thông để đánh giá tính hiệu quả của các giải pháp đề xuất.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần bổ sung và hoàn thiện tài liệu khoa học về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông, qua đó khẳng định vai trò của ông trong lịch sử Việt Nam.

Cung cấp cơ sở lý luận cho việc ứng dụng các nhân vật lịch sử - văn hoá địa phương vào hoạt động trải nghiệm ở tiểu học, góp phần phát triển lý thuyết giáo dục trải nghiệm theo hướng gắn với di sản và địa phương.

Tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo về giáo dục lịch sử địa phương thông qua hoạt động trải nghiệm và trải nghiệm sáng tạo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể áp dụng trực tiếp trong công tác giảng dạy và tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại các trường tiểu học, đặc biệt là trong nội dung giáo dục địa phương.

Góp phần giúp GV có nguồn tài liệu cụ thể, gần gũi, sinh động để xây dựng bài học, hoạt động hoặc dự án học tập về danh nhân quê hương.

Hỗ trợ cơ quan quản lý giáo dục và địa phương trong việc gìn giữ, phát huy giá trị di sản lịch sử - văn hoá thông qua con đường giáo dục.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HS TIỂU HỌC

1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động trải nghiệm

1.1.1. Khái niệm hoạt động trải nghiệm

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay HĐTN được xem là một trong những nội dung giáo dục quan trọng nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS. Nếu như trước đây việc dạy học chủ yếu chú trọng truyền thụ kiến thức thì Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 hướng tới việc giúp HS biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua quá trình tham gia, khám phá và trải nghiệm trực tiếp các hoạt động trong đời sống.

Thực chất, hoạt động trải nghiệm không phải là hình thức giáo dục hoàn toàn mới. Trước đây, trong nhà trường phổ thông đã tồn tại nhiều hình thức mang tính trải nghiệm như hoạt động ngoại khóa, tham quan, lao động công ích, sinh hoạt tập thể hay các câu lạc bộ học tập. Tuy nhiên, ở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 HĐTN được xác định là một lĩnh vực giáo dục bắt buộc, có mục tiêu, nội dung và phương pháp tổ chức riêng, giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách HS. HĐTN được nhà giáo dục định hướng và tổ chức, tạo cơ hội cho HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn của nhà trường, gia đình và xã hội. Trong quá trình đó, HS được huy động kiến thức, kỹ năng của bản thân để giải quyết nhiệm vụ học tập và các vấn đề trong cuộc sống, từ đó hình thành tri thức mới, kỹ năng mới và những giá trị sống tích cực.

Dưới góc độ giáo dục hiện đại, HĐTN nhấn mạnh vai trò chủ thể của người học. HS không còn tiếp thu kiến thức một cách thụ động mà được trực tiếp quan sát, tìm tòi, thực hành, khám phá và rút ra bài học từ chính quá trình hoạt động của mình. Điều này giúp các em phát triển tư duy sáng tạo, khả năng hợp tác, kỹ năng giải quyết vấn đề và năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Như vậy, có thể hiểu HĐTN là quá trình giáo dục trong đó HS được trực tiếp tham gia vào các hoạt động thực tiễn dưới sự hướng dẫn của GV nhằm khám phá tri thức, hình thành kỹ năng, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân. Đây không chỉ là môi trường để HS “học đi đôi với hành” mà còn là cơ hội để các em phát triển toàn diện về nhận thức, cảm xúc, thái độ và hành vi.

1.1.2. Khái niệm hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử

Đối với HS tiểu học, hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi ở lứa tuổi này, các em có nhu cầu về khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh thông qua các hoạt động trực quan và thực hành. Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử và văn hóa địa phương sẽ giúp HS tiếp cận kiến thức một cách sinh động, gần gũi, bồi dưỡng tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị truyền thống địa phương.

Đối với môn Lịch sử, hoạt động trải nghiệm có vai trò đặc biệt trong việc giúp HS hình thành nhận thức lịch sử, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa dân tộc. Nếu như việc dạy học lịch sử theo phương pháp truyền thống chủ yếu cung cấp kiến thức thông qua sách giáo khoa và lời giảng của GV thì hoạt động trải nghiệm tạo cơ hội để HS được trực tiếp quan sát, tìm hiểu, khám phá và cảm nhận lịch sử thông qua các hoạt động thực tế như tham quan di tích, tìm hiểu nhân vật lịch sử, sưu tầm tài liệu, sân khấu hóa hay tham gia các trò chơi học tập lịch sử.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông có thể được tổ chức dưới hai hình thức cơ bản: hoạt động trải nghiệm như một nội dung giáo dục độc lập và hoạt động trải nghiệm gắn với từng môn học cụ thể. Trong đó, hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử giúp HS liên hệ kiến thức lịch sử với thực tiễn đời sống, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức và phát triển tư duy lịch sử.

Tiếp thu và cụ thể hóa các tư tưởng lý luận trên dưới góc độ phương pháp dạy học, tôi cho rằng: hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử là quá trình tổ chức cho HS trực tiếp tham gia vào các hoạt động học tập gắn liền với thực tiễn, được triển khai linh hoạt qua các giờ học nội khóa hoặc ngoại

khóa (trong hoặc ngoài khuôn viên nhà trường), từ đó tự mình khám phá, tái hiện và lĩnh hội tri thức lịch sử thông qua trải nghiệm cá nhân. Trong tiến trình này, người học đóng vai trò trung tâm, chủ động huy động vốn sống, phát huy các kỹ năng quan sát, tìm kiếm thông tin, phân tích để giải quyết các nhiệm vụ học tập mang tính thực tế. Nhờ vậy, HS không chỉ khắc sâu kiến thức lịch sử một cách tự nhiên mà còn phát triển mạnh mẽ các phẩm chất, kỹ năng học tập tích cực, đặc biệt là năng lực hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Lúc này, người thầy không còn là người truyền tải thông tin độc quyền, mà giữ vai trò định hướng nhiệm vụ, khơi gợi phương pháp và đồng hành cùng HS, kích thích tối đa tính chủ động, sáng tạo của các em để hình thành các năng lực đặc thù môn Lịch sử.

1.1.3. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Trong dạy học, hoạt động trải nghiệm cần được tổ chức phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhận thức của HS. Các hoạt động phải đảm bảo tính trực quan, sinh động, gần gũi và gắn với môi trường sống của HS để tạo hứng thú học tập. Đặc biệt, việc khai thác tài liệu lịch sử địa phương và các nhân vật lịch sử quê hương trong hoạt động trải nghiệm không chỉ giúp HS hiểu sâu sắc hơn về lịch sử dân tộc mà còn góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

Một trong những đặc điểm cốt lõi phân biệt hoạt động trải nghiệm với các hoạt động giáo dục truyền thống chính là tính chủ động và quyền tự quyết của người học. Hoạt động trải nghiệm không phải là một tiến trình được áp đặt sẵn từ phía GV, mà là không gian để HS tự kiến tạo kinh nghiệm. Phân tích sâu về đặc điểm này, tác giả Bùi Ngọc Diệp trong công trình “Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông” đã khẳng định: “HS được chủ động tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động: từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của bản thân; HS được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng; được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá” [5, tr.37].

Các hoạt động trải nghiệm phải mang những đặc điểm riêng, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi 6 đến 10 tuổi - lứa tuổi “học mà chơi, chơi mà học”, tư duy trực quan, hình ảnh chiếm ưu thế, và nhu cầu vận động, khám phá là rất cao. Có thể khái quát một số đặc điểm nổi bật sau:

- Tính trực quan và hành động: HS tiểu học học bằng tất cả các giác quan. Các em tiếp thu kiến thức tốt nhất khi được nhìn thấy, sờ vào, ngửi, nếm, và tự tay thao tác. Do đó, HĐTN phải ưu tiên những hoạt động thực hành, tham quan, quan sát trực tiếp. Ví dụ, thay vì chỉ đọc về cây lúa, các em sẽ được ra đồng quan sát, nghe bác nông dân kể về quy trình, thậm chí tham gia một số công đoạn đơn giản như gieo mạ, nhổ cỏ. Đặc điểm này đòi hỏi việc tổ chức phải chú trọng đến hiện vật, môi trường thực tế và các thao tác cụ thể.

- Tính tích hợp và liên môn: HĐTN ở tiểu học không bị ràng buộc bởi ranh giới của từng môn học. Một hoạt động tham quan di tích lịch sử địa phương có thể tích hợp kiến thức của lịch sử (sự kiện, nhân vật), địa lý (vị trí, đặc điểm địa hình), tiếng Việt (kể chuyện, miêu tả), mỹ thuật (vẽ tranh về di tích), đạo đức (giáo dục lòng biết ơn, ý thức bảo vệ di sản). Tính tích hợp này giúp HS có cái nhìn toàn diện về vấn đề, phát triển năng lực giải quyết vấn đề một cách tổng hợp.

- Tính cá thể hóa và xã hội hóa: HĐTN tôn trọng sự khác biệt của mỗi HS. Trong cùng một hoạt động, em có năng khiếu hội họa có thể vẽ tranh, em có khả năng diễn đạt tốt có thể làm hướng dẫn viên nhỏ, em khéo tay có thể làm mô hình. Đồng thời, hoạt động trải nghiệm luôn tạo ra môi trường tương tác xã hội phong phú. HS phải học cách làm việc nhóm, phân công nhiệm vụ, lắng nghe ý kiến bạn bè, thuyết trình trước đám đông nhỏ. Đây chính là quá trình xã hội hóa quan trọng, giúp các em hình thành kỹ năng giao tiếp, hợp tác – những năng lực không thể thiếu trong cuộc sống.

- Tính mở và linh hoạt: Khác với giờ học chính khóa có thời khóa biểu cố định HĐTN có tính mở rất cao về nội dung, hình thức, không gian và thời gian. Nội dung có thể xuất phát từ nhu cầu, hứng thú của HS hoặc từ những vấn đề thời sự của địa phương. Hình thức tổ chức vô cùng đa dạng: sinh hoạt dưới cờ,

sinh hoạt lớp, câu lạc bộ, tham quan, dã ngoại, tổ chức sự kiện, lao động công ích... Không gian có thể trong lớp, trong sân trường, tại thư viện, hoặc ở các địa điểm bên ngoài như bảo tàng, di tích, làng nghề. Thời gian có thể là một tiết học, một buổi sinh hoạt, hoặc cả một ngày.

- Tính trải nghiệm và cảm xúc: Điểm then chốt làm nên sự khác biệt của hoạt động trải nghiệm chính là yếu tố cảm xúc. Hoạt động không chỉ nhằm cung cấp kiến thức mà quan trọng hơn là tạo ra những trải nghiệm cảm xúc sâu sắc cho HS. Cảm giác xúc động khi nghe bà cựu chiến binh kể chuyện, niềm tự hào khi được giới thiệu về danh nhân quê hương, sự thích thú khi tự tay làm ra một sản phẩm thủ công... chính là những dấu ấn tình cảm khó phai, có sức mạnh giáo dục lâu bền hơn bất kỳ bài học lý thuyết nào.

1.1.4. Vai trò của hoạt động trải nghiệm trong phát triển phẩm chất, năng lực HS

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 lấy việc hình thành và phát triển 5 phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 10 năng lực cốt lõi (trong đó có các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù như ngôn ngữ, tính toán...) làm mục tiêu [1]. HĐTN chính là "mảnh đất màu mỡ" nhất để ươm mầm và nuôi dưỡng những phẩm chất, năng lực này.

Đối với phát triển phẩm chất:

- Yêu nước, nhân ái: Các hoạt động như thăm hỏi gia đình chính sách, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu về các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa địa phương trực tiếp bồi đắp lòng biết ơn, tình yêu quê hương, đất nước và tấm lòng nhân ái, sẻ chia với cộng đồng.

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm: Khi tham gia các hoạt động lao động, sản xuất (dù ở quy mô nhỏ), các dự án học tập, các em HS học được đức tính chăm chỉ, kiên trì. Việc phải báo cáo kết quả trải nghiệm một cách trung thực, cũng như hoàn thành phần việc được giao trong nhóm, rèn luyện cho các em tính trung thực và ý thức trách nhiệm.

-

Đối với phát triển năng lực:

Hoạt động trải nghiệm có tác dụng phát triển năng lực nhận thức, năng lực hành động và năng lực thái độ cho HS. Cụ thể:

- Năng lực tự chủ và tự học: Hoạt động trải nghiệm đòi hỏi HS phải chủ động lập kế hoạch nhỏ, tự tìm tòi tài liệu, tự ghi chép, quan sát và rút ra bài học cho bản thân. Đây chính là nền tảng của năng lực tự học suốt đời.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đây là năng lực được rèn luyện thường xuyên nhất trong hoạt động trải nghiệm. Từ việc thảo luận nhóm, phỏng vấn người dân địa phương, đến thuyết trình sản phẩm trước lớp, tất cả đều giúp HS nâng cao khả năng diễn đạt, lắng nghe và làm việc cùng người khác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Khi đối mặt với một tình huống thực tế trong hoạt động, HS buộc phải động não, đề xuất các giải pháp và lựa chọn cách thức sáng tạo nhất để thực hiện.

- Các năng lực đặc thù khác: Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương giúp phát triển năng lực ngôn ngữ (qua việc kể chuyện, viết bài thu hoạch), năng lực thẩm mỹ (qua vẽ tranh, sắp xếp triển lãm), năng lực thể chất (qua các hoạt động dã ngoại, lao động).

1.1.5. Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường tiểu học

Căn cứ vào Chương trình giáo dục phổ thông môn Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2018), các hoạt động này được tổ chức với bốn loại hình chủ yếu bao gồm [2, tr.44]:

- *Sinh hoạt dưới cờ*: Đây là loại hình tổ chức có quy mô toàn trường, thường diễn ra vào đầu tuần. Nội dung có thể lồng ghép giáo dục lịch sử địa phương thông qua các hoạt động ngắn gọn, ý nghĩa như: kể chuyện về một nhân vật lịch sử địa phương (do giáo viên hoặc học sinh kể), diễn tiểu phẩm tái hiện một sự kiện lịch sử gắn với quê hương, giao lưu với nhân chứng lịch sử (cựu chiến binh, gia đình liệt sĩ), giới thiệu về một di tích trên địa bàn, trao quà cho gia đình chính sách...

- *Sinh hoạt lớp*: Được tổ chức hàng tuần dưới sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm và cán bộ lớp. Đây là loại hình linh hoạt, gần gũi để triển khai các

hoạt động trải nghiệm nhỏ. Có thể tổ chức: trò chơi ô chữ, đồ vui về lịch sử địa phương; thảo luận nhóm về ý nghĩa của một di tích; vẽ tranh và triển lãm nhỏ các sản phẩm sưu tầm được (tranh ảnh, bài viết, hiện vật sao chép) về chủ đề lịch sử quê hương.

- *Hoạt động giáo dục theo chủ đề*: Đây là loại hình cốt lõi, mang tính tổng hợp và được thực hiện linh hoạt dưới nhiều quy mô (nhóm, lớp, khối lớp, toàn trường). Để triển khai loại hình này, các nhà trường thường áp dụng đa dạng các phương thức tổ chức thực tiễn như:

+ Hoạt động tham quan, dã ngoại, khám phá: Trải nghiệm trực tiếp tại các di tích lịch sử - văn hóa (đình, chùa, bảo tàng), địa điểm cách mạng hoặc làng nghề truyền thống. Khi tổ chức cần chuẩn bị kỹ lưỡng về mục tiêu, nội dung học tập tại điểm đến (không thuần túy là đi chơi) và đảm bảo an toàn.

+ Hoạt động hướng nghiệp, lao động công ích: Gắn việc học với lao động, rèn ý thức cộng đồng như chăm sóc, quét dọn nghĩa trang liệt sĩ, đền thờ địa phương dịp lễ tết; hoặc trải nghiệm các công đoạn đơn giản tại làng nghề truyền thống.

+ Tổ chức các sự kiện giáo dục: Là những hoạt động có quy mô lớn hơn, thường tổ chức nhân dịp các ngày lễ lớn hoặc chào mừng sự kiện của địa phương. Có thể tổ chức trò chơi với đa dạng các hình thức như trò chơi "Rung chuông vàng" tìm hiểu lịch sử,...

- *Hoạt động câu lạc bộ*: Là loại hình tự nguyện, dựa trên sở thích của học sinh. Việc thành lập các Câu lạc bộ "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học nhỏ tuổi", "Tìm về cội nguồn"... là rất phù hợp. Trong khuôn khổ câu lạc bộ, học sinh có thể cùng nhau sưu tầm tài liệu (ảnh chụp di tích, ghi chép truyền thuyết), chia sẻ hiểu biết, làm báo tường, chế tạo mô hình di tích, hoặc tập làm hướng dẫn viên nhí cho các bạn trong trường khi tham quan.

Việc lựa chọn và phối hợp các loại hình trên cần dựa trên mục tiêu cụ thể, điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, thời gian của nhà trường cũng như đặc điểm, nhu cầu của học sinh để mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất.

1.2. Cơ sở lý luận về việc sử dụng tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương trong dạy học và trải nghiệm

1.2.1. Khái niệm tài liệu lịch sử và tài liệu địa phương

Trong nghiên cứu và dạy học lịch sử, tài liệu lịch sử giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi đây là cơ sở để con người nhận thức, tái hiện và lý giải các sự kiện, hiện tượng đã diễn ra trong quá khứ.

Có thể hiểu, tài liệu lịch sử là toàn bộ những nguồn sử liệu chứa đựng thông tin về quá khứ của con người và xã hội, được lưu giữ dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập và giáo dục lịch sử. Các tài liệu này phản ánh đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng như các sự kiện, nhân vật và quá trình phát triển của lịch sử dân tộc và nhân loại.

Như vậy, đối với đề tài này, các tài liệu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông chính là một dạng tài liệu lịch sử địa phương tiêu biểu. Các nguồn tài liệu như gia phả dòng họ, thần tích, văn bia, sách địa chí, tài liệu khoa bảng, di tích thờ tự và những câu chuyện dân gian liên quan đến Tiên sĩ Đinh Thúc Thông không chỉ phản ánh cuộc đời, sự nghiệp và truyền thống hiếu học của nhân vật mà còn góp phần tái hiện lịch sử, văn hóa và truyền thống khoa bảng của địa phương. Đây là nguồn tài liệu có giá trị trong việc tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học, giúp các em tiếp cận lịch sử quê hương một cách trực quan, sinh động và gần gũi hơn.

Dựa vào Sách giáo khoa môn *Lịch sử và Địa lí 6 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, tài liệu lịch sử thường được chia thành các loại cơ bản sau:

- *Tài liệu hiện vật*: Là những di tích, công trình kiến trúc, đồ vật (như văn bia, trống đồng, đồ gốm, công cụ lao động, vũ khí...) do người xưa để lại. Đây là bằng chứng vật chất quan trọng nhất để tìm hiểu và dựng lại lịch sử, đồng thời dùng để kiểm chứng tính xác thực của các loại tài liệu khác [8, tr.11]

- *Tài liệu chữ viết* : là những bản ghi chép, tài liệu chép tay, sách in, hoặc các bản khắc chữ (như nhật kí, sắc phong, thư tịch cổ, báo chí...) ghi lại các sự kiện, hoạt động của con người và xã hội trong quá khứ [8, tr.12]

- *Tài liệu truyền miệng*: là những câu chuyện, lời kể, truyền thuyết, thần thoại, ca dao, tục ngữ... được truyền từ đời này qua đời khác bằng lời nói. Chúng lưu giữ những nét văn hóa và sự kiện lịch sử mang dấu ấn của từng thời kỳ [8, tr.13].

- “*Tài liệu lịch sử địa phương*: là những ghi chép về những sự kiện, hiện tượng đã xảy ra trong quá khứ của một vùng, một khu vực nào đó trên lãnh thổ của quốc gia dân tộc. Những ghi chép ấy phần nào phác họa nên cuộc đấu tranh bền bỉ của nhân dân địa phương trong tiến trình phát triển chung của lịch sử dân tộc, là nền tảng vững chắc cho việc xây dựng nên lịch sử dân tộc” [11, tr.4].

“Tài liệu lịch sử địa phương gồm: tài liệu thành văn, tài liệu hiện vật hay tài liệu vật chất, tài liệu dân tộc, tài liệu ngôn ngữ, tài liệu truyền miệng” [11, tr.4]

So với tài liệu lịch sử dân tộc mang tính khái quát rộng lớn thì tài liệu lịch sử địa phương có ưu thế ở tính cụ thể, trực quan và gần gũi với đời sống HS. Việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học không chỉ giúp HS hiểu sâu sắc hơn về lịch sử quê hương mà còn góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương.

1.2.2. Ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong giáo dục tiểu học

Bên cạnh việc đổi mới hình thức tổ chức, việc khai thác đa dạng các nguồn sử liệu cũng là một yếu tố then chốt. Theo tác giả Nguyễn Thị Côi (2006) trong công trình *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, một trong những biện pháp quan trọng nhất để khắc phục tình trạng HS chán học Lịch sử là phải biết gắn kết kiến thức lịch sử dân tộc với lịch sử địa phương. Lịch sử không chỉ là những sự kiện vĩ mô, xa xôi mà còn hiện hữu ngay tại quê hương, qua các di tích và nhân vật cụ thể [4, tr.115-117]. Từ quan điểm này, có thể thấy việc đưa tài liệu về một nhân vật lịch sử có thật, gần gũi với địa bàn sinh sống của HS như Tiến sĩ Đinh Thúc Thông thông qua con đường trải nghiệm thực tiễn chính là một giải pháp sư phạm tối

ưu, giúp “mềm hóa” kiến thức và khơi dậy hứng thú học tập tự nhiên của các em

Việc đưa tài liệu lịch sử địa phương, đặc biệt là tài liệu về các nhân vật lịch sử, vào HĐTN ở tiểu học mang lại những ý nghĩa giáo dục to lớn, phù hợp với định hướng của Chương trình mới:

- *Tạo sự gần gũi, cụ thể, dễ hiểu và hấp dẫn*: Đối với HS tiểu học, những khái niệm lịch sử trừu tượng, những sự kiện, nhân vật ở tầm quốc gia đôi khi xa lạ. Nhưng khi các em được nghe kể về một vị tướng, một nhà văn hóa, một liệt sĩ sinh ra ở chính làng mình, xã mình, được nhìn thấy ngôi nhà, ngôi đền thờ, tấm bia đá gắn với cuộc đời họ ngay trên mảnh đất quen thuộc, thì lịch sử bỗng trở nên sống động, gần gũi và dễ hình dung hơn rất nhiều.

- *Khơi dậy và nuôi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc*: Tình yêu nước bắt nguồn từ tình yêu những gì nhỏ bé, cụ thể nhất: yêu con đường đến trường, yêu cánh đồng lúa, yêu tiếng nói của bà, của mẹ. Việc được tìm hiểu về những tấm gương hy sinh, cống hiến của các bậc tiền nhân ngay trên quê hương mình sẽ thắp lên trong các em niềm tự hào sâu sắc về mảnh đất "chôn nhau cắt rốn". Từ tình yêu và niềm tự hào về quê hương cụ thể, các em sẽ dần hình thành tình yêu đất nước rộng lớn. Đây chính là nền tảng vững chắc của phẩm chất "Yêu nước".

- *Phát triển năng lực tìm tòi, khám phá, nghiên cứu khoa học sơ đẳng*: Quá trình sưu tầm, tìm hiểu tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương chính là một dự án học tập nhỏ. HS được rèn luyện các kỹ năng: quan sát (di tích, hiện vật), phỏng vấn (các cụ cao tuổi, cán bộ văn hóa), ghi chép, chụp ảnh, phân loại và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Đây là những kỹ năng nền tảng của năng lực nghiên cứu.

- *Gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng*: Để có được nguồn tài liệu địa phương phong phú, nhà trường buộc phải mở cửa, phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân xã, Trung tâm Văn hóa), với các tổ chức đoàn thể (Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi), với các gia đình

chính sách, dòng họ... Sự phối hợp này tạo nên môi trường giáo dục thống nhất, nơi mà mọi thành tố trong xã hội cùng tham gia giáo dục thế hệ trẻ.

- Bổ sung, làm phong phú và sinh động nguồn học liệu cho nhà trường:

Các tài liệu địa phương là một kho tàng học liệu sống mà không có bất kỳ sách giáo khoa nào có thể thay thế hoàn toàn. Chúng bổ sung những mảnh ghép cụ thể, độc đáo cho bức tranh lịch sử dân tộc. Việc khai thác nguồn học liệu này giúp nội dung giáo dục trở nên đa dạng, phong phú, tránh được sự khô khan, giáo điều.

Hơn thế nữa, đối chiếu với Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học) (ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT), việc đưa nhân vật lịch sử địa phương vào giảng dạy là một yêu cầu bắt buộc. Cụ thể, trong mạch nội dung “Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)” dành cho Lớp 4, phần “Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương” đã đặt ra yêu cầu cần đạt đối với học sinh là phải: “Kể lại được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương” [3, tr.10]. Do đó, việc khai thác và sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông không chỉ mang ý nghĩa bổ trợ ngoại khóa mà còn trực tiếp đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình, giúp học sinh hình thành nhận thức về thời gian, không gian lịch sử ngay trên chính mảnh đất quê hương

1.2.3. Nguyên tắc lựa chọn và khai thác tài liệu lịch sử, văn hóa địa phương

Không phải bất kỳ tài liệu lịch sử địa phương nào cũng có thể đưa vào Hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học. Việc lựa chọn và khai thác cần tuân thủ những nguyên tắc sau để đảm bảo tính khoa học, giáo dục và an toàn:

- Nguyên tắc khoa học và chính xác: Đây là nguyên tắc hàng đầu. Tài liệu sử dụng phải có độ tin cậy cao, thông tin phải chính xác. Cần tham khảo, đối chiếu từ nhiều nguồn (văn bản chính thống của địa phương, ý kiến của các nhà nghiên cứu lịch sử địa phương, các công trình đã được xuất bản) để kiểm chứng, tránh sử dụng những thông tin đồn đoán, thiếu căn cứ, đặc biệt là đối với tài liệu truyền miệng. Trong cuốn sách Phương pháp dạy học Lịch sử, Tập 2, (2010) do Phan Ngọc Liên chủ biên cũng nhấn mạnh đến việc phải đảm bảo tính chân

thực của tài liệu khi tổ chức công tác lịch sử địa phương [13, tr.143].

- *Nguyên tắc giáo dục và tính vừa sức*: Tài liệu được lựa chọn phải mang tính giáo dục cao, hướng tới việc bồi dưỡng các phẩm chất tốt đẹp, nuôi dưỡng tình cảm tích cực. Đồng thời, nó phải phù hợp với nhận thức và tâm lý lứa tuổi HS tiểu học. Cần tránh những chi tiết quá bạo lực, phức tạp, bi quan hoặc nhạy cảm về chính trị, tôn giáo. Nên chọn những câu chuyện về lòng dũng cảm, trí thông minh, đức hy sinh, tình yêu lao động, sự hiếu học... của các nhân vật. Ngôn ngữ chuyên tải phải trong sáng, dễ hiểu, có thể kể dưới dạng một câu chuyện sinh động.

- *Nguyên tắc trực quan và sinh động*: Ưu tiên khai thác các tài liệu hiện vật, hình ảnh, phim tài liệu ngắn (nếu có). Một bức ảnh chụp ngôi nhà cũ, một mảnh vũ khí gỉ sét, một bức tượng... có sức hút và gây ấn tượng mạnh mẽ hơn nhiều so với một đoạn văn miêu tả dài dòng. Nên tổ chức cho HS được tiếp xúc trực tiếp với di tích, với nhân chứng (nếu sức khỏe và điều kiện cho phép) để tăng tính chân thực và cảm xúc.

- *Nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS*: Tài liệu không nên chỉ được GV cung cấp một chiều. Cần thiết kế các hoạt động để HS tự mình khám phá tài liệu. Ví dụ: giao nhiệm vụ cho các nhóm sưu tầm ảnh về di tích, phỏng vấn ông bà về nhân vật lịch sử của làng, vẽ tranh minh họa câu chuyện, viết lời bình cho một bức ảnh, sắp xếp một góc triển lãm nhỏ... Khi HS là chủ thể của quá trình tìm tòi, khám phá tài liệu, thì kiến thức và tình cảm các em thu nhận được sẽ sâu sắc và bền vững hơn.

- *Nguyên tắc đảm bảo an toàn*: Khi tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài trường học liên quan đến tài liệu địa phương (tham quan di tích, phỏng vấn...), phải lập kế hoạch an toàn chi tiết, có sự phối hợp và đồng ý của phụ huynh, đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần cho HS.

1.3. Cơ sở thực tiễn của đề tài

1.3.1. Khái quát về quá trình khảo sát thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4

a. Mục tiêu khảo sát

Nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương, đặc biệt là Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, trong tổ chức HĐTN cho HS lớp 4 tại các trường tiểu học, tôi tiến hành khảo sát với những mục tiêu cụ thể sau:

- Đánh giá nhận thức và hiểu biết của GV về vai trò của tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4.
- Khảo sát các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử địa phương mà GV đã và đang thực hiện.
- Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn của GV trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm liên quan đến lịch sử địa phương.
- Đánh giá mức độ hứng thú, sự tham gia và khả năng tiếp nhận của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử.

Thông qua kết quả khảo sát, tôi có cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp và hình thức sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong HĐTN cho HS lớp 4 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử địa phương theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

b. Đối tượng khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 và căn cứ vào điều kiện thực tế, tôi tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi đối với 30 GV tại trường Tiểu học Gia Trăn (Ninh Bình) [phụ lục 1].

Việc lựa chọn các trường trên nhằm đảm bảo tính phù hợp với phạm vi nghiên cứu của đề tài, đồng thời phản ánh được thực trạng sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm ở cả hai địa phương có liên quan đến quá trình tìm hiểu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.

c. Phương pháp khảo sát

Trong quá trình nghiên cứu, tôi sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả khảo sát.

- Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi

Tôi xây dựng phiếu khảo sát dành cho GV và HS với hệ thống câu hỏi gồm

các câu hỏi đóng và câu hỏi mở. Nội dung phiếu tập trung vào:

- + Mức độ hiểu biết về nhân vật lịch sử địa phương
- + Thực trạng sử dụng tài liệu lịch sử trong Hoạt động trải nghiệm
- + Những khó khăn, thuận lợi trong quá trình tổ chức hoạt động
- *Phương pháp thống kê toán học*

Các số liệu thu thập được từ phiếu khảo sát được tổng hợp, xử lý và phân tích bằng phương pháp thống kê nhằm đưa ra những nhận xét khách quan, khoa học về thực trạng nghiên cứu.

d. Nội dung khảo sát

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, tôi tập trung khảo sát một số nội dung cơ bản sau:

- Đối với GV

Nhận thức của GV về vai trò của hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử địa phương.

Mức độ hiểu biết của GV về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông và các nhân vật lịch sử địa phương.

Thực trạng sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4.

Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm mà GV đã thực hiện.

Những khó khăn, hạn chế trong quá trình khai thác và sử dụng tài liệu lịch sử địa phương.

Nhu cầu hỗ trợ về tài liệu, học liệu và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Đối với HS

Mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương.

1.3.2. Kết quả khảo sát thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4

Dựa trên kết quả điều tra từ 30 phiếu khảo sát được phát ra đối với GV trường Tiểu học Gia Trấn (Ninh Bình), tôi tiến hành tổng hợp, phân tích và

đánh giá thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4. Kết quả thu được như sau:

Để tìm hiểu nhận thức của GV về vai trò của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Theo thầy/cô, việc sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 là:”. Kết quả thu được được trình bày ở bảng 1.1.

Bảng 1.1. Nhận thức của GV về sự cần thiết của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm

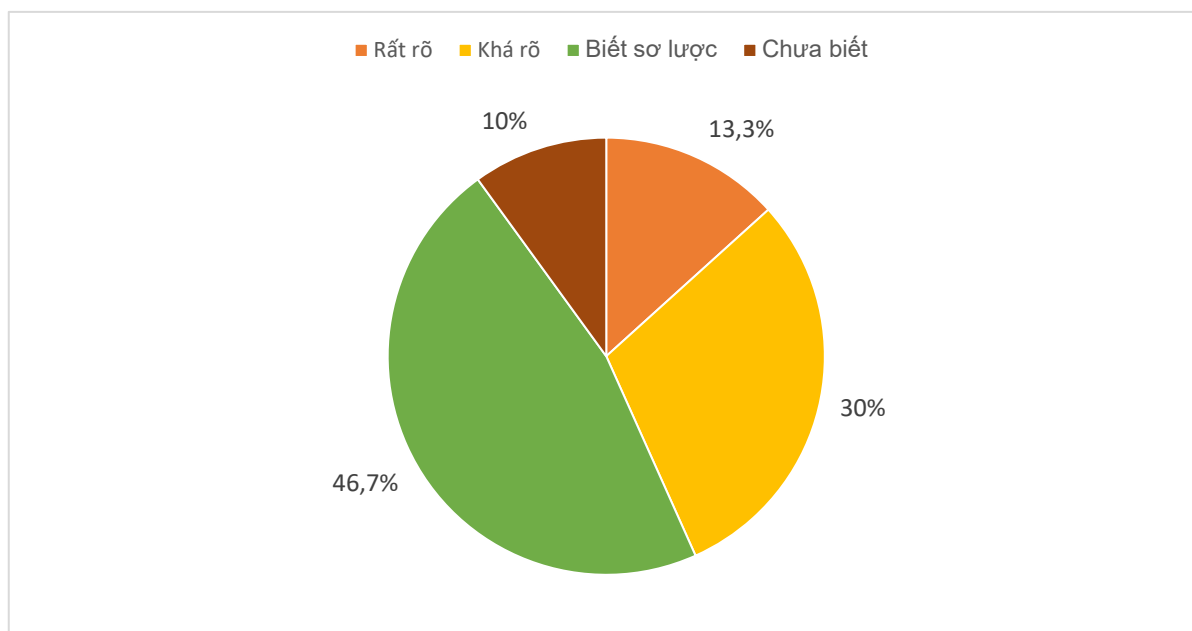
Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất cần thiết	18	60%
Cần thiết	10	33,3%
Bình thường	2	6,7%
Không cần thiết	0	0%

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đều nhận thức được vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong HĐTN cho HS lớp 4.

Phần lớn GV đánh giá rất cao vai trò của việc đưa tài liệu lịch sử địa phương vào tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS. Theo nhiều GV, việc sử dụng tài liệu về các nhân vật lịch sử địa phương như Tiến sĩ Đinh Thúc Thông không chỉ giúp HS hiểu biết thêm về truyền thống quê hương mà còn góp phần giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa lịch sử địa phương.

Từ kết quả khảo sát trên có thể thấy rằng GV đã bước đầu quan tâm đến việc khai thác tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN cho HS lớp 4. Đây là cơ sở thuận lợi để triển khai các biện pháp sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học.

Để tìm hiểu mức độ hiểu biết của GV về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Mức độ hiểu biết của thầy/cô về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là:”. Kết quả được trình bày ở Biểu đồ 1.1.



Biểu đồ 1.1. Mức độ hiểu biết của GV về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hiểu biết của GV về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông còn chưa đồng đều.

Phần lớn GV mới chỉ nắm được những thông tin cơ bản về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông như quê quán, học vị hoặc một vài đóng góp tiêu biểu, nhưng chưa thực sự hiểu sâu về cuộc đời, sự nghiệp và vai trò lịch sử của nhân vật này.

Ngoài ra, vẫn còn 3/30 GV lựa chọn mức “Chưa biết”, chiếm 10%. Điều này phản ánh thực tế rằng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông hiện nay chưa thực sự được phổ biến rộng rãi trong các trường Tiểu học.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV đã có sự quan tâm nhất định đối với nhân vật lịch sử địa phương, tuy nhiên mức độ hiểu biết vẫn còn hạn chế. Đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học hiện nay.

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong hoạt động trải nghiệm, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Thầy/cô có thường

xuyên sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm không?”. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.2.

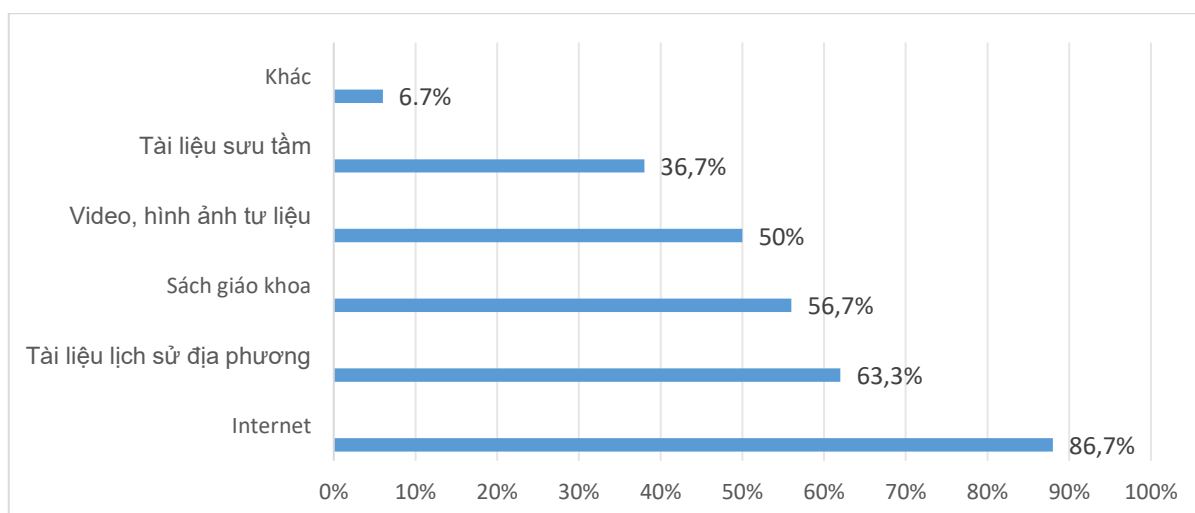
Bảng 1.2. Mức độ sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Thường xuyên	7	23,3%
Thỉnh thoảng	17	56,7%
Hiếm khi	5	16,7%
Chưa bao giờ	1	3,3%

Kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN đã được GV quan tâm thực hiện, tuy nhiên mức độ sử dụng chưa thực sự thường xuyên.

Từ kết quả khảo sát có thể thấy rằng việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong hoạt động trải nghiệm đã được triển khai bước đầu nhưng chưa đồng đều giữa các GV. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường hỗ trợ về tài liệu và hướng dẫn tổ chức hoạt động cho GV trong thời gian tới.

Để tìm hiểu về các nguồn tài liệu GV thường sử dụng khi tổ chức hoạt động trải nghiệm về nhân vật lịch sử địa phương, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Thầy/cô thường sử dụng những nguồn tài liệu nào khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm về nhân vật lịch sử địa phương?” Kết quả được trình bày Biểu đồ 1.2.

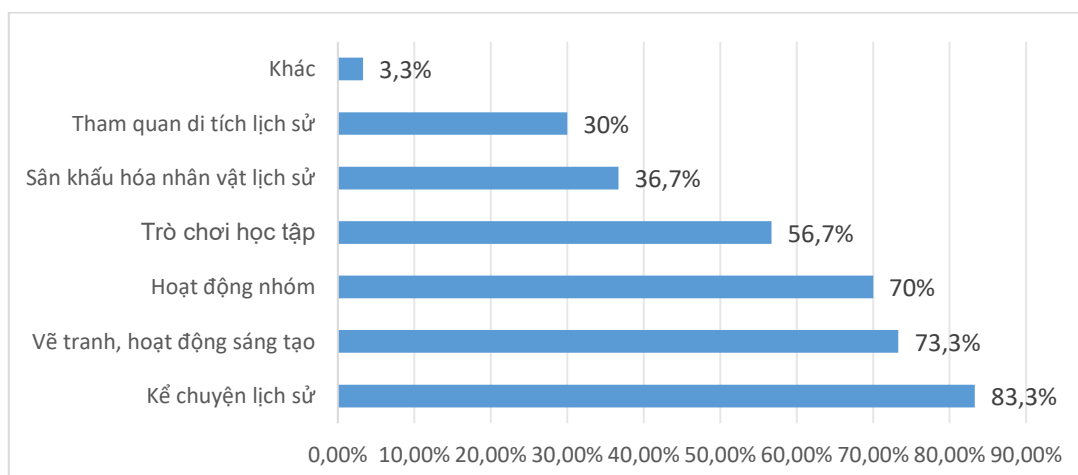


Biểu đồ 1.2. Các nguồn tài liệu GV thường sử dụng khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm lịch sử địa phương

Kết quả khảo sát cho thấy GV sử dụng khá đa dạng các nguồn tài liệu khi tổ chức HĐTN về nhân vật lịch sử địa phương.

Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh GV đã có sự chủ động trong việc khai thác nhiều nguồn tài liệu khác nhau để phục vụ tổ chức Hoạt động trải nghiệm. Tuy nhiên, nguồn tài liệu chuyên sâu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vẫn còn hạn chế, cần được bổ sung và hệ thống hóa nhiều hơn.

Để tìm hiểu các hình thức hoạt động trải nghiệm được GV sử dụng khi tổ chức cho HS tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Thầy/cô thường sử dụng những hình thức hoạt động trải nghiệm nào khi tổ chức cho HS tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương?”. Kết quả được trình bày ở Biểu đồ 1.3.

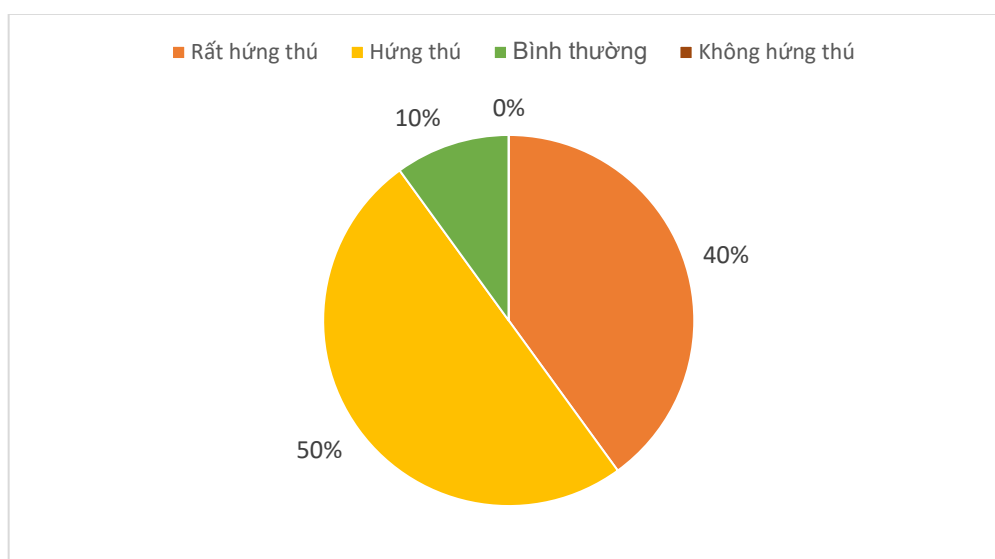


Biểu đồ 1.3. Các hình thức HĐTN được GV sử dụng khi tổ chức cho HS tìm hiểu nhân vật lịch sử

Kết quả khảo sát cho thấy GV đã sử dụng nhiều hình thức hoạt động trải nghiệm khác nhau khi tổ chức cho HS tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương.

Nhìn chung, GV đã bước đầu vận dụng nhiều hình thức hoạt động trải nghiệm khác nhau trong dạy học lịch sử địa phương. Tuy nhiên, các hoạt động trải nghiệm thực tế vẫn chưa được triển khai thường xuyên.

Để tìm hiểu mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Theo thầy/cô, mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương là?”. Kết quả được trình bày ở Biểu đồ 1.4.



Biểu đồ 1.4. Mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương

Kết quả khảo sát cho thấy đa số HS có thái độ tích cực đối với các Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương.

Từ kết quả khảo sát có thể thấy rằng HĐTN là hình thức giáo dục phù hợp và có hiệu quả trong việc tạo hứng thú học tập lịch sử cho HS lớp 4.

Để tìm hiểu hiệu quả của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm đối với HS lớp 4, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Theo thầy/cô, việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm mang lại hiệu quả như thế nào đối với HS?”. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.3.

Bảng 1.3. Đánh giá của GV về hiệu quả của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất hiệu quả	13	43,3%
Hiệu quả	14	46,7%
Ít hiệu quả	3	10%
Không hiệu quả	0	0%

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV đánh giá tích cực về hiệu quả của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm đối với HS lớp 4.

Hầu hết GV đều thừa nhận vai trò tích cực của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN cho HS lớp 4.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN có ý nghĩa thiết thực đối với quá trình giáo dục HS tiểu học hiện nay.

Để tìm hiểu mức độ khó khăn của GV trong quá trình tổ chức các Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương cho HS lớp 4, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Mức độ khó khăn khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương là:”

Kết quả khảo sát thu được được trình bày ở Bảng 1.4 dưới đây.

Bảng 1.4. Mức độ khó khăn khi tổ chức Hoạt động trải nghiệm

Mức độ	Số GV	Tỉ lệ
Rất khó	6	20%
Khó	15	50%
Bình thường	8	26,7%
Dễ	1	3,3%

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đều nhận thấy việc tổ chức Hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

Phần lớn GV cho rằng việc tổ chức các Hoạt động trải nghiệm tuy cần thiết nhưng còn gặp nhiều trở ngại trong thực tế triển khai như thiếu thời gian, thiếu học liệu và điều kiện tổ chức.

Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh rằng việc tổ chức HĐTN về lịch sử địa phương cho HS lớp 4 hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn và cần có thêm sự hỗ trợ từ phía nhà trường, địa phương và các cơ quan giáo dục.

Để tìm hiểu những khó khăn của GV trong quá trình tổ chức HĐTN gắn với nhân vật lịch sử địa phương, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Thầy/cô gặp những khó khăn nào khi tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử địa phương?”. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.5.

Bảng 1.5. Những khó khăn của GV trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm

Khó khăn	Số GV	Tỉ lệ
Thiếu tài liệu phù hợp	25	83,3%
Thiếu thời gian tổ chức	23	76,7%
Thiếu kinh phí tổ chức hoạt động	18	60%
Thiếu kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	16	53,3%
HS chưa thực sự chủ động, tích cực	10	33,3%
Thiếu sự hỗ trợ từ nhà trường và phụ huynh	8	26,7%
Khác	1	3,3%

(ghi chú: GV có thể lựa chọn nhiều ý khó khăn)

Kết quả khảo sát cho thấy GV gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức các Hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử địa phương cho HS lớp 4.

Trong đó, khó khăn được nhiều GV lựa chọn nhất là “Thiếu tài liệu phù hợp”. Điều này phản ánh thực tế rằng nguồn tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông và lịch sử địa phương hiện nay còn chưa phong phú, thiếu tính hệ thống và chưa thật sự phù hợp với đối tượng HS tiểu học.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV còn gặp nhiều khó khăn cả về tài liệu, thời gian, kinh phí và năng lực tổ chức hoạt động. Đây là những vấn đề

cần được quan tâm giải quyết nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học.

Để tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ của GV nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động trải nghiệm, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Thầy/cô mong muốn được hỗ trợ những nội dung nào để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động trải nghiệm?”. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.6.

Bảng 1.6. Nhu cầu hỗ trợ của GV

Nội dung hỗ trợ	Số GV	Tỉ lệ
Tài liệu giảng dạy	27	90%
Kịch bản tổ chức hoạt động trải nghiệm	24	80%
Tập huấn chuyên môn	22	73,3%
Học liệu điện tử, video minh họa	20	66,7%
Tổ chức tham quan thực tế	17	56,7%
Khác	1	3,3%

(ghi chú: GV có thể lựa chọn nhiều nội dung hỗ trợ)

Kết quả khảo sát cho thấy GV có nhu cầu khá lớn về việc được hỗ trợ các điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN gắn với lịch sử địa phương.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV có nhu cầu lớn về học liệu, tập huấn chuyên môn và hỗ trợ tổ chức hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học.

Để tìm hiểu hình thức hoạt động được GV đánh giá là phù hợp nhất đối với HS lớp 4 khi tìm hiểu lịch sử địa phương, tôi tiến hành khảo sát thông qua câu hỏi: “Theo thầy/cô, hình thức hoạt động nào phù hợp nhất với HS lớp 4 khi tìm hiểu lịch sử địa phương?”. Kết quả được trình bày ở Bảng 1.7.

Bảng 1.7. Hình thức hoạt động phù hợp nhất đối với HS lớp 4

Hình thức hoạt động	Số GV	Tỉ lệ
Tham quan thực tế	11	36,7%
Hoạt động sáng tạo	7	23,3%
Trò chơi học tập	6	20%
Kể chuyện lịch sử	4	13,3%
Sân khấu hóa	2	6.7%

Kết quả khảo sát cho thấy GV đánh giá khá đa dạng về các hình thức hoạt động trải nghiệm phù hợp đối với HS lớp 4 khi tìm hiểu lịch sử địa phương. Tuy nhiên, mỗi hình thức lại có mức độ lựa chọn khác nhau tùy theo đặc điểm tâm lý và khả năng tiếp nhận của HS tiểu học.

Cụ thể, có 11/30 GV lựa chọn “Tham quan thực tế”, chiếm tỉ lệ cao nhất là 36,7%. Điều này cho thấy phần lớn GV đánh giá cao hiệu quả của việc tổ chức cho HS trực tiếp tham quan các di tích lịch sử, đền thờ, nhà truyền thống hoặc các địa điểm gắn với nhân vật lịch sử địa phương. Theo GV, hình thức này giúp HS được quan sát thực tế, tạo cảm xúc chân thực, giúp các em ghi nhớ kiến thức lịch sử tốt hơn so với việc chỉ học qua sách vở.

Có 7/30 GV lựa chọn “Hoạt động sáng tạo”, chiếm 23,3%. Đây cũng là hình thức được nhiều GV quan tâm vì phù hợp với đặc điểm lứa tuổi HS lớp 4. Thông qua các hoạt động như vẽ tranh, làm mô hình, thiết kế sản phẩm hoặc viết cảm nhận, HS có cơ hội phát huy khả năng sáng tạo và bộc lộ hiểu biết của bản thân về nhân vật lịch sử địa phương.

Bên cạnh đó, có 6/30 GV lựa chọn “Trò chơi học tập”, chiếm 20%. Điều này cho thấy trò chơi học tập vẫn là hình thức có khả năng tạo hứng thú và thu hút HS tham gia hoạt động. Các trò chơi như ô chữ lịch sử, rung chuông vàng hay thi kể chuyện giúp tiết học trở nên sinh động và giảm cảm giác khô khan của nội dung lịch sử.

Ngoài ra, có 4/30 GV lựa chọn “Kể chuyện lịch sử”, chiếm 13,3%. Mặc dù tỉ lệ không cao nhưng đây vẫn là hình thức phù hợp với HS tiểu học vì giúp

HS tiếp cận lịch sử thông qua ngôn ngữ kể chuyện gần gũi, dễ hiểu và giàu cảm xúc.

Ít được lựa chọn nhất là hình thức “Sân khấu hóa” với 2/30 GV, chiếm 6,7%. Nguyên nhân chủ yếu là do hình thức này đòi hỏi nhiều thời gian chuẩn bị, kỹ năng tổ chức và sự phối hợp giữa GV với HS. Bên cạnh đó, điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí tổ chức tại một số trường còn hạn chế nên GV chưa mạnh dạn triển khai thường xuyên.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy GV ưu tiên các hình thức hoạt động trải nghiệm mang tính trực quan, sinh động và tạo cơ hội cho HS được tham gia thực tế. Điều này phản ánh xu hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và trải nghiệm của HS trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy rằng đa số GV đã nhận thức được vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học.

Trước hết, về nhận thức, phần lớn GV đều đánh giá việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN là cần thiết và rất cần thiết. Điều này cho thấy GV đã có sự quan tâm nhất định đến việc giáo dục lịch sử địa phương cho HS theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Nhiều GV cho rằng việc đưa các nhân vật lịch sử địa phương như Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vào dạy học không chỉ giúp HS hiểu biết thêm về truyền thống quê hương mà còn góp phần giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa lịch sử.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy mức độ hiểu biết của GV về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông còn chưa đồng đều. Phần lớn GV mới chỉ biết sơ lược về nhân vật này, số GV hiểu biết sâu còn hạn chế. Điều đó phản ánh thực tế rằng nguồn tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông hiện nay chưa thực sự phong phú, chưa được phổ biến rộng rãi trong nhà trường tiểu học và chưa có nhiều tài liệu được biên soạn phù hợp với HS lớp 4.

Về thực trạng sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm, đa số GV đã bước đầu triển khai nhưng chủ yếu ở mức độ “thỉnh thoảng”, chưa thực sự thường xuyên và đồng bộ. Điều này cho thấy việc khai thác tài liệu lịch sử địa phương trong dạy học vẫn còn mang tính tự phát, phụ thuộc nhiều vào khả năng và sự chủ động của từng GV.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy GV sử dụng khá đa dạng các nguồn tài liệu khác nhau như internet, tài liệu lịch sử địa phương, sách giáo khoa, video và hình ảnh tư liệu. Trong đó, internet là nguồn tài liệu được sử dụng phổ biến nhất do tính thuận tiện và dễ tiếp cận. Tuy nhiên, điều này cũng phản ánh rằng GV còn thiếu những tài liệu chính thống, chuyên sâu và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS tiểu học.

Bên cạnh đó, GV đã sử dụng nhiều hình thức hoạt động trải nghiệm khác nhau như kể chuyện lịch sử, hoạt động sáng tạo, hoạt động nhóm, trò chơi học tập và tham quan thực tế. Các hình thức này bước đầu tạo được hứng thú học tập cho HS. Phần lớn GV đánh giá HS có thái độ tích cực, hứng thú và chủ động hơn khi tham gia các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương. Điều này chứng tỏ HĐTN có vai trò quan trọng trong việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở tiểu học theo hướng trực quan, sinh động và phát huy tính tích cực của HS.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, GV vẫn gặp nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức HĐTN. Khó khăn lớn nhất là thiếu tài liệu phù hợp phục vụ cho việc giảng dạy và tổ chức hoạt động. Ngoài ra, GV còn gặp hạn chế về thời gian, kinh phí tổ chức, kỹ năng tổ chức hoạt động cũng như điều kiện cơ sở vật chất. Một số GV cho rằng việc phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và địa phương trong tổ chức HĐTN còn chưa thật sự hiệu quả.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy GV có nhu cầu rất lớn về việc được hỗ trợ tài liệu giảng dạy, kịch bản tổ chức hoạt động trải nghiệm, tập huấn chuyên môn và học liệu điện tử. Điều này phản ánh mong muốn đổi mới phương pháp dạy học của GV nhưng đồng thời cũng cho thấy GV vẫn cần thêm nhiều điều kiện hỗ trợ để có thể tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch

sử, văn hóa địa phương.

Từ những kết quả khảo sát trên có thể khẳng định rằng việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề tài xây dựng hệ thống hoạt động trải nghiệm phù hợp nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học hiện nay.

1.3.3. Khái quát về địa bàn nghiên cứu: xã Chương Dương (Hà Nội) và xã Gia Trần (Ninh Bình)

a. Xã Chương Dương, thành phố Hà Nội:

- Vị trí địa lý:

Căn cứ theo Khoản 58 Điều 1 Nghị quyết 1656/NQ-UBTVQH15 năm 2025 (có hiệu lực từ 1/7/2025) nêu rõ việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã TP Hà Nội, cụ thể xã Chương Dương mới tại Hà Nội sau sáp nhập gồm những xã như sau: Tự Nhiên, Chương Dương (cũ), Lê Lợi, Thăng Lợi và một phần diện tích, dân số của các xã Tô Hiệu, Vạn Nhất [19].

Xã Chương Dương nằm ở phía Nam Thủ đô Hà Nội, cách trung tâm Thành phố khoảng 25 km theo tuyến đê hữu ngạn sông Hồng, xã có vị trí địa lý thuận lợi cả về giao thông đường bộ, đường thủy và đang có những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội.

Tại đây có bến đò Chương Dương (Chương Dương độ), bên bờ phải sông Hồng, đối diện với xã Hàm Tử (huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cũ).

- Điều kiện kinh tế - xã hội

Xã Chương Dương mang nét đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ, được bồi đắp bởi lượng lớn phù sa sông Hồng. Đất đai màu mỡ, bằng phẳng, kết hợp với hệ thống thủy lợi thuận tiện tạo điều kiện lý tưởng cho việc phát triển nông nghiệp hàng hóa. Nền kinh tế của xã phát triển mạnh mẽ theo hướng kết hợp nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ và thương mại dịch vụ. Địa bàn xã nổi tiếng với các làng nghề truyền thống lâu đời như thêu ren nghệ thuật, may cò Tổ quốc,... đem lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân địa phương [21].

- Hệ thống giáo dục và giáo dục Tiểu học:

Hệ thống các trường học với trang thiết bị hiện đại gồm các trường công lập như: Trường Mầm non Tô Hiệu, Trường Tiểu học Lê Lợi, Trường THCS Chương Dương, Trường THPT Tô Hiệu,... Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có các trường mầm non tư thục được trang bị cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục tốt, được nhiều phụ huynh trên địa bàn quan tâm như Trường Mầm non Xuân Mai, Trường Mầm non Hải Đăng [21].

Hệ thống giáo dục Tiểu học: trên địa bàn xã Chương Dương hiện có 6 trường Tiểu học, bao gồm: Tự Nhiên, Chương Dương, Lê Lợi, Thắng Lợi, Tô Hiệu và Trường Tiểu học Vạn Nhất. Cấp Tiểu học là cấp học được chính quyền địa phương đặc biệt chú trọng đầu tư trong giai đoạn chuyển giao. Hệ thống các trường Tiểu học tại đây đang từng bước đồng bộ hóa chuẩn Quốc gia. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được thực hiện triệt để, đảm bảo 100% quyền lợi học tập của con em trong toàn bộ vùng sáp nhập mới.

- Truyền thống lịch sử - văn hóa

Xã Chương Dương tự hào là vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn liền với di tích lịch sử Bến Chương Dương oai hùng - nơi ghi dấu chiến công hiển hách chống giặc Nguyên Mông thế kỷ XIII của quân dân nhà Trần.

Đời sống văn hóa tinh thần của cư dân rất phong phú với các lễ hội truyền thống được gìn giữ qua nhiều thế hệ. Tiêu biểu là hội làng gắn với nghi thức rước nước sông Hồng, tế lễ và đua thuyền (boi trái), qua đó tái hiện lại tinh thần thượng võ và sự gắn bó mật thiết với nền văn minh sông nước của cha ông.

Là một vùng quê giàu truyền thống văn hiến và cách mạng, Chương Dương có nhiều di tích lịch sử (đình, đền, miếu thờ các vị tướng, danh nhân), nhiều nhân vật lịch sử qua các thời kỳ mà tên tuổi, công trạng có thể chưa được biết đến rộng rãi ngoài địa phương.

b. Xã Gia Trấn, tỉnh Ninh Bình:

Theo Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh

Ninh Bình, xã Gia Trấn mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của ba xã: Gia Thanh, Gia Xuân và Gia Trấn (cũ) [21].

- Vị trí địa lý:

Xã Gia Trấn là xã mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã: Gia Thanh (cũ), Gia Trấn (cũ), Gia Xuân (cũ); có trụ sở nằm cách phường Hoa Lư (trung tâm tỉnh lỵ Ninh Bình) khoảng 10 km về phía Bắc. Xã có vị trí đặc địa khi án ngữ trên trục giao thông huyết mạch Quốc lộ 1A và tuyến đường 477C, đồng thời có dòng sông Đáy và sông Hoàng Long chảy qua [27].

Xã Gia Trấn có ranh giới tự nhiên: Phía Đông giáp xã Phong Doanh (qua ranh giới tự nhiên là sông Đáy); Phía Tây giáp xã Gia Vân; Phía Bắc giáp các xã Thanh Lâm và Phong Doanh. Sau sáp nhập, tổng diện tích tự nhiên của xã đạt 18,76 km² (xếp thứ 115/129 xã, phường của tỉnh Ninh Bình).

- Điều kiện kinh tế - xã hội

Điểm sáng kinh tế của địa phương là sự hiện diện của Khu công nghiệp Gián Khẩu. Khu công nghiệp này đang hoạt động rất sôi động và hiệu quả, thu hút mạnh mẽ các ngành nghề như: may mặc, chế biến thực phẩm, lắp ráp điện tử, công nghệ ô tô và sản xuất vật liệu xây dựng.

Hoạt động giao thương nội vùng vô cùng phát triển dựa vào hệ thống chợ truyền thống, tiêu biểu là Chợ Đò và Chợ Gián (hiện là chợ hạng 3 nông thôn, trong đó Chợ Đò đang được đầu tư khang trang để nâng lên chợ hạng 2). Cả hai chợ này đều sở hữu lợi thế lớn là nằm sát Quốc lộ 1A và tiếp giáp sông Đáy, tạo điều kiện cực kỳ thuận lợi cho việc luân chuyển, tiêu thụ nông sản và giao thương cả bằng đường thủy lẫn đường bộ.

- Hệ thống giáo dục và giáo dục Tiểu học:

Tại xã Gia Trấn có các trường Mầm non Gia Thanh, trường Mầm non Gia Xuân, trường Mầm non Gia Trấn, trường THCS Gia Thanh, trường THCS Gia Xuân, trường THCS Gia Trấn, và các trường Tiểu học. Trong lĩnh vực giáo dục, Gia Trấn là địa phương có truyền thống hiếu học và coi trọng việc học tập. Nhiều gia đình luôn quan tâm đầu tư cho con em học hành, góp phần nâng cao dân trí và phát huy truyền thống khoa bảng của quê hương.

Hệ thống giáo dục Tiểu học ở xã Gia Trấn bao gồm các trường Tiểu học Gia Thanh, trường Tiểu học Gia Xuân, trường Tiểu học Gia Trấn.

- Truyền thống lịch sử - văn hóa

Gia Trấn là vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa của tỉnh Ninh Bình. Nơi đây không chỉ nổi tiếng với bề dày lịch sử lâu đời mà còn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc gắn với vùng đất cổ đô Hoa Lư xưa. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, nhân dân Gia Trấn luôn thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết, cần cù lao động và hiếu học.

Về truyền thống lịch sử, Gia Trấn là vùng đất có lịch sử cư trú lâu đời, nằm trong không gian văn hóa - lịch sử của vùng đất Hoa Lư. Trong các thời kỳ đấu tranh dựng nước và giữ nước, nhân dân địa phương luôn tích cực tham gia bảo vệ quê hương, đóng góp sức người, sức của cho các cuộc kháng chiến của dân tộc. Đặc biệt, đây là quê hương gắn với danh nhân lịch sử Tiến sĩ Đinh Thúc Thông - người đỗ đại khoa dưới triều Lê sơ và có nhiều đóng góp cho quê hương, đất nước. Truyền thống hiếu học của địa phương cũng được hình thành và phát triển từ đó.

Về truyền thống văn hóa, Gia Trấn vẫn lưu giữ được nhiều nét đẹp văn hóa làng quê Bắc Bộ truyền thống. Người dân địa phương có đời sống văn hóa phong phú với các phong tục, tập quán, lễ hội dân gian và sinh hoạt tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Các hoạt động thờ cúng tổ tiên, tôn vinh các bậc tiền nhân và danh nhân địa phương được duy trì qua nhiều thế hệ.

Bên cạnh đó, địa phương còn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, đình, chùa, đền, miếu gắn với đời sống tâm linh của nhân dân. Đây không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng mà còn góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào quê hương cho thế hệ trẻ.

Ngày nay, cùng với quá trình đổi mới và phát triển của đất nước, xã Gia Trấn đang từng bước phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời chú trọng giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Những truyền thống lịch sử – văn hóa tốt đẹp đó chính là nền tảng quan trọng để giáo dục thế hệ trẻ, đặc biệt là HS tiểu học, về tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và ý thức

bảo tồn di sản văn hóa địa phương

1.3.4. Đánh giá chung về thuận lợi và khó khăn

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn đã phân tích, có thể tổng hợp lại những thuận lợi và khó khăn chính trong việc tổ chức Hoạt động trải nghiệm gắn với khai thác tài liệu nhân vật lịch sử địa phương ở tiểu học:

Thuận lợi:

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp Tiểu học. Văn bản pháp lý quan trọng này đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi, trao quyền chủ động cho các nhà trường và giáo viên trong việc linh hoạt lựa chọn, tích hợp các chủ đề về lịch sử, văn hóa và danh nhân quê hương vào Hoạt động trải nghiệm. Đây là cơ sở then chốt để giáo viên tự tin đưa các nhân vật lịch sử như Tiên sĩ Đinh Thúc Thông vào giảng dạy, giúp bài học trở nên gần gũi, thiết thực và đáp ứng đúng yêu cầu đổi mới.

Cả xã Chương Dương và xã Gia Trấn đều là những vùng đất giàu truyền thống, hứa hẹn có nhiều tài liệu về nhân vật lịch sử có thể khai thác.

Nhận thức xã hội ngày càng cao: Phụ huynh và cộng đồng ngày càng ủng hộ các hoạt động giáo dục trải nghiệm, gắn với thực tế cho con em.

Khó khăn:

Tài liệu về nhân vật ít được biết đến thường tản mạn, thiếu hệ thống, cần công sức lớn để sưu tầm, kiểm chứng.

GV thiếu kỹ năng nghiên cứu, xử lý tài liệu và thiết kế các hoạt động trải nghiệm chuyên sâu.

Hạn chế về kinh phí, thời gian, lo ngại an toàn, thiếu sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn của địa phương.

Thiếu các mô hình, quy trình bài bản và công cụ đánh giá hiệu quả cụ thể.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống cơ sở lý luận và phân tích thực tiễn làm nền tảng cho toàn bộ luận văn.

Về mặt lý luận, chương 1 đã làm rõ bản chất của Hoạt động trải nghiệm với tư cách là một lĩnh vực giáo dục bắt buộc, lấy HS làm trung tâm, nhấn mạnh các đặc điểm phù hợp với tâm lý lứa tuổi tiểu học. Vai trò của Hoạt động trải nghiệm trong việc hình thành phẩm chất, năng lực đã được khẳng định, cùng với việc giới thiệu đa dạng các hình thức tổ chức. Đặc biệt, chương đã đi sâu vào cơ sở lý luận của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương, khẳng định ý nghĩa to lớn của nó trong việc giáo dục tình yêu quê hương, phát triển năng lực và gắn kết nhà trường với cộng đồng. Các nguyên tắc lựa chọn và khai thác tài liệu đã được đề ra nhằm đảm bảo tính khoa học, giáo dục và phù hợp.

Về mặt thực tiễn, chương 1 đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác tổ chức Hoạt động trải nghiệm hiện nay, mà trọng tâm là việc chưa khai thác hiệu quả nguồn tài liệu về các nhân vật lịch sử địa phương ít được biết đến. Những khó khăn từ nguồn tài liệu, năng lực GV, điều kiện tổ chức và thiếu quy trình bài bản đã được phân tích, cho thấy một khoảng trống cần được lấp đầy trong thực tiễn giáo dục. Việc khái quát về hai địa bàn nghiên cứu tiêu biểu (Chương Dương và Gia Trấn) không chỉ cho thấy tiềm năng to lớn mà còn cụ thể hóa bối cảnh thực tiễn nơi các giải pháp sẽ được đề xuất và ứng dụng.

Những vấn đề lý luận và thực tiễn được trình bày trong chương 1 là cơ sở khoa học và thực tiễn quan trọng để khóa luận tiếp tục đi sâu nghiên cứu tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông – một danh nhân tiêu biểu của địa phương, từ đó đề xuất các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử địa phương cho HS tiểu học. Đây cũng chính là nội dung trọng tâm được triển khai trong các chương tiếp theo của khóa luận.

CHƯƠNG 2

ĐÓNG GÓP CỦA TIỀN SĨ ĐÌNH THỨC THÔNG VỚI QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC

2.1. Bối cảnh lịch sử thế kỷ XV

2.1.1. Bối cảnh đất nước

Thế kỷ XV là một trong những giai đoạn đặc biệt quan trọng trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Đây là thời kỳ chứng kiến nhiều biến động lớn về chính trị, quân sự, xã hội, đồng thời cũng là giai đoạn đánh dấu sự phục hưng mạnh mẽ của quốc gia Đại Việt sau ách đô hộ ngoại bang.

Thế kỷ XV mở đầu bằng một bi kịch đau thương của dân tộc khi nhà Hồ sụp đổ, nước ta rơi vào ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh (1407 - 1427). Năm 1407, sau khi đánh bại nhà Hồ, nhà Minh tiến hành đô hộ nước ta, thực hiện nhiều chính sách bóc lột tàn bạo: vơ vét tài nguyên, áp đặt văn hóa, xóa bỏ nền độc lập dân tộc. Điều này gây ra sự bất bình sâu sắc trong nhân dân. Chính trong hoàn cảnh "nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn", tinh thần yêu nước và ý chí quật cường của nhân dân ta đã trở nên mạnh mẽ. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo bùng nổ và giành thắng lợi rực rỡ, chấm dứt 20 năm dưới ách đô hộ tàn bạo của nhà Minh, mở ra thời kỳ độc lập lâu dài cho dân tộc sau gần 10 năm chiến đấu gian khổ, oanh liệt.

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra triều Lê sơ. Đây là một triều đại có nhiều chính sách tiên bộ, đặc biệt chú trọng xây dựng bộ máy nhà nước trung ương tập quyền, phát triển kinh tế nông nghiệp, đề cao giáo dục và khoa cử, trọng dụng nhân tài ... đưa chế độ quân chủ Đại Việt phát triển hưng thịnh. Đặc biệt, dưới triều đại Lê Thánh Tông (1460 - 1497) với các niên hiệu Quang Thuận và Hồng Đức, nước Đại Việt đã bước vào thời kỳ hoàng kim, phát triển đến đỉnh cao của chế độ phong kiến trung ương tập quyền. Trong giai đoạn này, tình hình đất nước có những đặc điểm nổi bật chi phối trực tiếp đến cuộc đời của các nho sĩ đương thời như Đình Thúc Thông:

Thứ nhất, về tư tưởng và thể chế chính trị: Nhà Lê sơ thiết lập một nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ. Vua Lê Thánh Tông

tiến hành cuộc cải cách hành chính quy mô lớn, chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên. Điểm đáng chú ý nhất là triều đình đã độc tôn Nho giáo, lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống, làm chuẩn mực đạo đức xã hội và nguyên lý trị quốc. Phật giáo và Đạo giáo bị hạn chế. Những giá trị của Nho giáo như "Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa", "Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ" trở thành lẽ sống của tầng lớp trí thức. Đây chính là môi trường tư tưởng đã nuôi dưỡng chí hướng học tập để ra làm quan, giúp đời, giúp nước của chàng thanh niên Đinh Thúc Thông.

Thứ hai, về kinh tế - xã hội: Nền kinh tế nông nghiệp được phục hồi và phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách quân điền. Xã hội thái bình, thịnh trị, quốc phòng an ninh vững mạnh. Đất nước thái bình là điều kiện thuận lợi để các sĩ phu, quan lại như Đinh Thúc Thông dốc toàn tâm toàn ý vào việc kiến thiết đất nước, xây dựng văn hóa, giáo dục thay vì phải cầm vũ khí chống giặc ngoại xâm như các thời kỳ trước.

Thứ ba, về nền giáo dục và khoa cử: Có thể khẳng định, thời Lê sơ là thời kỳ thịnh đạt nhất của giáo dục khoa cử phong kiến Việt Nam. Nhà nước coi trọng việc đào tạo nhân tài, coi "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia". Trường Quốc Tử Giám được mở rộng, trường học các lộ, phủ, châu được chú trọng. Việc thi cử được tổ chức quy củ, nền nếp với các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình. Chế độ đãi ngộ đối với người đỗ đạt rất trọng hậu (lễ xướng danh, ban áo mũ, ban yến, vinh quy bái tổ, khắc tên vào bia đá ở Văn Miếu). Sự coi trọng học vấn này đã tạo ra một bầu không khí thi đua học tập sôi nổi trong cả nước, thôi thúc những người con ở các vùng quê nghèo hiếu học quyết tâm dùi mài kinh sử. Khoa thi năm Quý Mùi (1463) mà Đinh Thúc Thông dự thi và đỗ đạt là một trong những khoa thi hùng vĩ nhất lịch sử với số lượng và chất lượng thí sinh cực kỳ xuất sắc.

- *Thứ tư, về pháp luật:* Việc ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) đã đưa xã hội vào kỷ cương, trật tự.

Như vậy, bối cảnh đất nước thời Lê Thánh Tông là một bối cảnh lý tưởng để những trí thức Nho học chân chính có thể phát huy tối đa năng lực của mình.

Tiền sử Đinh Thúc Thông chính là một sản phẩm tinh hoa được sinh ra và trưởng thành trong thời đại hoàng kim đó.

2.1.2. Bối cảnh vùng đất Ninh Bình

- Vị trí địa lý

Tỉnh Ninh Bình nằm ở cửa ngõ phía Nam của Đồng bằng sông Hồng, cách Thủ đô Hà Nội 90km, thời gian di chuyển sân bay Nội Bài khoảng 02 giờ; cách sân bay Cát Bi Hải Phòng 130km thời gian di chuyển 2,5 giờ. Có vị trí địa lý: Phía Bắc giáp Thủ đô Hà Nội; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Hưng Yên; Phía Đông Nam giáp biển Đông; Phía Tây Bắc giáp tỉnh Phú Thọ; Phía Tây Nam giáp tỉnh Thanh Hóa. Ninh Bình có diện tích 3.943km², có tổng dân số 4.4 triệu người; có 129 xã, phường. Trung tâm chính trị đặt tại phường Hoa Lư.

Tỉnh Ninh Bình (mới) có 129 đơn vị hành chính cấp xã, phường.

Sự thay đổi đơn vị hành chính và địa danh hành chính vùng Ninh Bình qua các thời kỳ lịch sử

Thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc (khoảng thế kỷ VII - II TCN), toàn bộ khu vực thuộc phạm vi các bộ Giao Chỉ, Chu Diên và một phần bộ Quân Ninh.

Trong thời kỳ Bắc thuộc (179 TCN - 938), vùng Nam Định và Hà Nam chủ yếu thuộc quận Giao Chỉ, còn khu vực Ninh Bình thuộc quận Cửu Chân. Đến thời Đường, châu Trường Yên được thành lập ở vùng Ninh Bình.

Thời Ngô (939 - 965), nhà nước độc lập mới được thiết lập nhưng về cơ bản vẫn duy trì hệ thống hành chính cũ từ thời Bắc thuộc.

Sang thời Đinh (968 - 980), vùng Ninh Bình trở thành trung tâm chính trị của quốc gia Đại Cồ Việt với kinh đô Hoa Lư, thuộc châu Đại Hoàng. Đây là lần đầu tiên khu vực này giữ vai trò trung tâm quốc gia, trong khi vùng Nam Định và Hà Nam vẫn thuộc Đằng châu và một phần châu Đại Hoàng.

Dưới thời Tiền Lê (980 - 1009), cơ cấu hành chính tiếp tục được củng cố, trong đó châu Đại Hoàng vẫn giữ vai trò quan trọng ở khu vực Hoa Lư.

Đến thời Lý (1010 - 1225), cả nước được chia thành 24 lộ; vùng Ninh Bình thuộc phủ Trường Yên, Nam Định thuộc các lộ Hải Thanh và Hoàng Giang, còn Hà Nam thuộc phủ Ly Nhân của lộ Đông Đô.

Thời Trần (1225 - 1400), Nam Định trở thành trung tâm chính trị – kinh tế quan trọng với phủ Thiên Trường, quê hương và căn cứ của hoàng tộc nhà Trần. Vùng Ninh Bình từ lộ Trường Yên đổi thành trấn Trường Yên, còn Hà Nam thuộc châu Ly Nhân với các huyện như Thanh Liêm, Bình Lục, Duy Tiên và Kim Bảng.

Thời thuộc Minh (1407 - 1427), Phủ Thiên Trường bị đổi thành phủ Phụng Hóa; vùng Ninh Bình gồm châu Trường Yên và châu Ninh Hóa; còn Hà Nam tiếp tục thuộc phủ Ly Nhân.

Dưới thời Lê sơ (1428 - 1527), hệ thống “thừa tuyên” được xác lập rồi đổi thành “xứ”. Nam Định thuộc xứ Sơn Nam; Ninh Bình gồm phủ Trường Yên và phủ Thiên Quan; Hà Nam thuộc phủ Ly Nhân của xứ Sơn Nam Thượng. Sang thời Nam – Bắc triều và Lê Trung hưng (thế kỷ XVI – XVIII), khu vực này tiếp tục thuộc xứ Sơn Nam, sau chia thành Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Trong đó, Hà Nam và Ninh Bình thuộc Sơn Nam Thượng, còn Nam Định thuộc Sơn Nam Hạ.

Thời Tây Sơn (1788 - 1802), vùng Ninh Bình thuộc Thanh Hoa ngoại trấn, trong khi Nam Định và Hà Nam thuộc Bắc Thành.

Đến thời Nguyễn, đặc biệt dưới triều Minh Mạng, quá trình cải cách hành chính diễn ra mạnh mẽ. Năm 1831, nhà Nguyễn chính thức thành lập tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình theo mô hình tỉnh hiện đại. Trong khi đó, Hà Nam thời kỳ đầu vẫn thuộc tỉnh Hà Nội, đến năm 1890 dưới thời Pháp thuộc mới được thành lập thành tỉnh riêng trên cơ sở tách một phần từ Nam Định và Hà Nội.

Trong thời Pháp thuộc (1883 – 1945), hệ thống hành chính tiếp tục có nhiều điều chỉnh. Nam Định trở thành trung tâm công nghiệp – thương mại lớn của Bắc Kỳ với ngành dệt may phát triển mạnh; Ninh Bình duy trì hệ thống phủ, huyện tương đối ổn định; một số huyện như Kim Sơn, Ý Yên, Phong Doanh nhiều lần được điều chuyển giữa Nam Định và Ninh Bình nhằm phục vụ quản lý thuộc địa.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, toàn vùng thuộc Liên khu III trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Từ năm 1954 đến 1975, Nhà nước tiến hành

hiệu đột sáp nhập đơn vị hành chính nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và chiến tranh. Năm 1965, hai tỉnh Hà Nam và Nam Định sáp nhập thành tỉnh Nam Hà. Đến năm 1975, tỉnh Nam Hà tiếp tục sáp nhập với Ninh Bình để thành lập tỉnh Hà Nam Ninh - một đơn vị hành chính lớn ở đồng bằng Bắc Bộ.

Năm 1991, tỉnh Hà Nam Ninh được tách thành tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình. Đến năm 1997, tỉnh Nam Hà tiếp tục chia thành hai tỉnh Hà Nam và Nam Định. Đến năm 2025, theo Nghị quyết số 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định hợp nhất 3 tỉnh: Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình thành tỉnh Ninh Bình có tổng diện tích tự nhiên khoảng 3.942,61 km² và quy mô dân số khoảng hơn 4,4 triệu người, trung tâm hành chính đặt tại phường Hoa Lư.

- Điều kiện tự nhiên:

Địa hình đa dạng, bao gồm núi đá vôi, đồi thấp, đồng bằng phù sa, bãi triều ven biển cùng hệ thống sông ngòi dày đặc như sông Hồng, sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Ninh Cơ,... tạo nên không gian cảnh quan phong phú, hấp dẫn cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch đường thủy và nghỉ dưỡng biển.

- Điều kiện kinh tế - xã hội:

Tỉnh Ninh Bình đã thoát khỏi tình trạng một tỉnh nông nghiệp nghèo để trở thành điểm sáng về phát triển du lịch và công nghiệp bền vững.

Dân cư: Dân số Ninh Bình có sự phân bố tập trung tại các đô thị và vùng đồng bằng và hội tụ tinh hoa dân cư của ba vùng đất vốn có truyền thống văn hiến lâu đời. Nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ dân trí cao và tư duy đổi mới là động lực chính cho sự phát triển.

Kinh tế phát triển nhờ ngành du lịch: Du lịch của tỉnh tương đối phong phú, đa dạng, đặc biệt có Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO được ghi danh - Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới. Nhiều núi, hồ, rừng với các di tích văn hóa, lịch sử, danh lam, thắng cảnh nổi tiếng như: Tam Cốc-Bích Động, rừng quốc gia Cúc phương; khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, Nhà thờ đá Phát Diệm, động Vân Trình...[23]

- Hệ thống giáo dục và giáo dục Tiểu học:

Tỉnh Ninh Bình hiện nay có 1.607 trường học, với hơn 58.000 GV, cán bộ quản lý và hơn 953 nghìn trẻ mầm non và HS [26]. Công tác giáo dục luôn được tỉnh ưu tiên đầu tư ngân sách lớn. Hệ thống trường lớp đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ cao. Ninh Bình là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về phổ cập giáo dục và chất lượng giáo dục mũi nhọn. Tỉnh Ninh Bình vốn được mệnh danh là vùng đất học

Hệ thống giáo dục Tiểu học có 488 trường, với 332.192 HS [25]. Theo Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh, việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn thì mỗi trường tiểu học có dưới 12 lớp, số HS dưới 357 em [24]. Đội ngũ GV tiểu học tại Ninh Bình được đánh giá có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt huyết với nghề. Thực hiện Chương trình GDPT 2018, các trường tiểu học (đặc biệt là xã Gia Trần) đã chủ động chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực, phẩm chất. Hoạt động trải nghiệm không còn bó hẹp trong lớp học mà được mở rộng ra các khu di tích lịch sử, bảo tàng, các không gian văn hóa địa phương và chú trọng đưa HS đi thực tế tại các điểm di tích danh nhân trên địa bàn.

- Truyền thống lịch sử - văn hóa:

Ninh Bình là vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi từng là kinh đô của nhà Đinh, nhà Tiền Lê và buổi đầu nhà Lý (Cố đô Hoa Lư). Gia Viễn (cũ) tự hào là "đất sinh vương" - quê hương của Đinh Tiên Hoàng Đế (Đinh Bộ Lĩnh) và Thánh Nguyễn Minh Không. Tinh thần thượng võ, lòng tự hào dân tộc và truyền thống yêu nước đã thấm sâu vào huyết quản của người dân nơi đây từ thế hệ này sang thế hệ khác. Dù trải qua thời kỳ Bắc thuộc khắc nghiệt, dòng chảy văn hóa, truyền thống yêu nước vẫn luôn chảy mạnh mẽ tại các làng quê.

Ninh Bình là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời, nơi hội tụ, giao thoa và lan tỏa giá trị văn hóa đặc sắc. Toàn tỉnh hiện có hơn 5.000 di tích các loại, trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt, 33 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, hàng trăm di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh, cùng nhiều bảo vật quốc gia có giá trị lịch sử, mỹ thuật, khảo cổ, tôn giáo đặc biệt. Đây là nền tảng vô giá để phát triển các sản phẩm du lịch di sản, văn hóa, tâm linh, lễ hội và

công nghiệp văn hóa đặc trưng của vùng.

Không gian văn hóa, tôn giáo phong phú được thể hiện qua hệ thống chùa, đền, phủ, nhà thờ nổi tiếng như Phát Diệm, Bùi Chu, Phú Nhai, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, chùa Phổ Minh, cùng hàng trăm lễ hội dân gian, nghệ thuật truyền thống, làng nghề tiêu biểu như cói Kim Sơn, thêu Ninh Hải, trống Đọi Tam, gốm Bồ Bát, dệt lụa Nha Xá, mộc La Xuyên, hoa, cây cảnh Vị Khê... Tất cả hợp thành một không gian di sản văn hóa, sinh thái đặc sắc, vừa mang giá trị bản địa, vừa có sức lan tỏa quốc tế.

Các làng xã ở Ninh Bình luôn coi trọng người có học. Nơi đây có truyền thống khoa bảng của đất học hòa quyện với tinh thần tự cường của vùng đất Cố đô Ninh Bình và sự cần cù của người dân. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để nghiên cứu về các nhân vật như Tiến sĩ Đinh Thúc Thông – người vốn có tầm ảnh hưởng lan tỏa giữa các vùng đất này.

Chính sự trên nền truyền thống lịch sử, văn hóa phong phú, sâu dày như vậy đã góp phần hun đúc nên tài năng và nhân cách của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.

2.2. Nhân vật Đinh Thúc Thông

2.2.1. Tiểu sử

Tiến sĩ Đinh Thúc Thông sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử chế độ quân chủ Đại Việt trên đà phát triển đến đỉnh cao. Theo tài liệu *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075 - 1919)*, Đinh Thúc Thông (丁叔通) sinh năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3, triều vua Lê Thái Tông (1442) , [15, tr.74]. Cho đến nay, giới nghiên cứu vẫn chưa tìm thấy tài liệu chính thức nào ghi chép về năm mất của ông.

Theo lời kể của người trông coi miếu Quan Nghè (xã Gia Trấn) thì quê quán của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông hiện tồn tại hai luồng ý kiến:

- *Ý kiến thứ nhất*: Cho rằng ông quê ở làng Quán Vinh (thuộc xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư cũ).

- *Ý kiến thứ hai*: Khẳng định ông xuất thân từ làng Gián Khẩu (thường gọi là làng Gián), xã Gia Trấn (huyện Gia Viễn cũ).

Xét về mặt địa lý lịch sử, vào nửa sau thế kỷ XV, cả làng Quán Vinh và

làng Gián đều cùng thuộc xã Quán Vinh, huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, Thừa tuyên Sơn Nam. Mãi về sau, làng Quán Vinh mới được cắt về xã Ninh Hòa (Hoa Lư), còn làng Gián thuộc xã Gia Trấn (thuộc Gia Viễn cũ).

Xung quanh nguồn gốc của ông, dân gian lưu truyền những giai thoại. Làng Gián truyền rằng, Đinh Thúc Thông vốn là người gốc làng Gián. Do gia cảnh bần hàn, ông phải sang làng Quán Vinh làm con nuôi. Lên 9 tuổi, cha nuôi qua đời, mẹ đành gửi ông lên vùng Hà Đông tiếp tục nương tựa làm con nuôi người khác. Sau này, khi đã đỗ đạt thành tài và vinh quy bái tổ, biết các hào trưởng địa phương có ý khinh khi xuất thân nghèo khó nên không tổ chức nghênh đón theo đúng điển lễ, ông đã rất phẫn nộ. Sau khi dâng hương gia tiên, ông dứt áo ra đi, ném lại chiếc cối đá xuống ngã ba sông cùng lời thề sâu cay: *"Bao giờ đá nổi lông chìm, làng Gián mới nên học hành"*.

Trong khi đó, người làng Quán Vinh lại cho rằng họ Đinh là dòng họ khai cơ lập ấp ở làng này, nên ông vốn gốc Quán Vinh nhưng sang làng Gián làm con nuôi. Khi vinh quy bái tổ, các hương lão cho rằng tân khoa chưa lập được công trạng gì to lớn nên tiếp đón đạm bạc. Nỗi buồn tủi và tự ái đã khiến ông vút nghiên mực xuống ao, buông lời thề rồi rời đi. Dù những câu chuyện nhuộm màu huyền thoại này có sự dị bản, nhưng điểm chung là nhân dân cả hai làng Gián và Quán Vinh đều vô cùng kính trọng tài năng của ông. Sau khi ông qua đời, dân làng Gián đã lập Miếu Quan Nghè để muôn đời hương khói.

Một điểm đặc biệt trong nghiên cứu về Đinh Thúc Thông là sự gắn bó mật thiết của ông với vùng đất Thường Tín (cũ): vì gia cảnh bần hàn thiếu thốn nên từ nhỏ Đinh Thúc Thông đã phải đi làm thuê cho một gia đình giàu có ở làng Vũ Lãng (thuộc tổng Bình Lãng) huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, thừa tuyên Sơn Nam (nay thuộc xã Chương Dương, thành phố Hà Nội). Đây cũng chính là quê hương thứ hai của ông. Theo nhiều nguồn tài liệu lịch sử và phả hệ, vùng đất Thượng Phúc từng là nơi ông sinh sống, công tác và lập nghiệp mở trường dạy học trong quãng đời làm quan và sau khi cáo quan. Xã Thắng Lợi (nay sáp nhập vào xã Chương Dương, Hà Nội) được coi là "quê hương thứ hai" của ông. Sự di chuyển và gắn bó này phản ánh đặc điểm của các vị quan

thời phong kiến: thường đi kinh lý, nhận chức lý ở các địa phương quanh kinh thành Thăng Long hoặc chọn những vùng đất có truyền thống hiếu học (như đất danh hương Thường Tín - "đất trăm nghề, đất học") để giao lưu văn hóa, mở lớp truyền đạo thánh hiền. Chính tại đất Chương Dương, (thuộc huyện Thường Tín cũ) này, những di sản văn hóa, tinh thần của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông đã bén rễ sâu sắc, để lại dấu ấn đậm nét trong tâm thức của nhân dân địa phương. Tại xã Chương Dương, người ta thờ ông ở đình làng Vũ Lăng, Văn từ huyện Thường Tín (cũ). Nhưng nay Văn Từ không còn, chỉ còn Đình làng Vũ Lăng (Ở đình làng Vũ Lăng là phối thờ cùng với thờ Thành hoàng). Đình làng Vũ Lăng nay là Đình Kiều Thị.

2.2.2. Sự nghiệp

Sự nghiệp của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là minh chứng rõ nét cho hành trình vươn lên bằng con đường khoa cử chân chính và sự cống hiến hết mình cho triều đình, nhân dân.

Vốn bản tính thông minh và hiếu học, trong những ngày làm thuê, Đinh Thúc Thông đã được phú ông và thầy đồ mến tài, tạo điều kiện cho ngôi học cùng con em trong nhà. Khoa thi Hội năm Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận thứ 4 (1463) có hơn 4.400 người ứng thí, chỉ lấy đỗ Tứ trường trúng cách 44 người. Đến kỳ thi Đình, vua Lê Thánh Tông trực tiếp ra đề văn sách hỏi về đạo trị nước của các đế vương. Đinh Thúc Thông đỗ Đề nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) khi mới 22 tuổi, được ghi danh trên bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa (khoảng khu vực Cửa Nam, Hà Nội ngày nay). Cùng khoa này có Lương Thế Vinh đỗ Đề nhất giáp Tiến sĩ cập đệ (Trạng nguyên), Nguyễn Đức Trinh (Bảng nhãn) và Quách Đình Bảo (Thám hoa).

Năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua Lê Thánh Tông chủ trương dựng bia đá tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám để lưu danh các nhà khoa bảng.

Lịch sử khoa cử ở nước ta bắt đầu từ thời Lý, nhưng trên thực tế, khoa cử đi vào nề nếp quy củ bắt đầu từ thời Lê. Từ thời Trần, chính sách tuyển dụng quan lại qua khoa cử mới được thực hiện ở mức độ dè dặt. Đội ngũ quan lại nhà Trần chủ yếu thuộc dòng tôn thất, Nho sĩ đã trực tiếp tham dự triều chính

nhưng vẫn còn rất hạn chế. Trong suốt thời Lê, Mạc và Nguyễn sau này, khoa cử là phương thức tuyển dụng quan lại được thực hiện triệt để nhất, do đó Nhà nước ban hành nhiều chính sách ưu đãi hiền tài, coi “hiền tài là nguyên khí của quốc gia” như lời văn do Thân Nhân Trung soạn khắc trên tấm bia đề danh Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442). Các sĩ tử sau “thập niên đăng hoả, thập tải độc thư”, thi đỗ là bắt đầu được ban chức tước. Cảnh hàn nho cơm hẩm, áo vải đã vĩnh viễn lùi xa. Những người theo nghiệp quan trường, quan lộ hanh thông sẽ được đảm nhiệm nhiều trọng trách ở triều đình.

Thời Lê, từ Lê Thái Tông (1433 - 1442) trở đi, kẻ sĩ bắt đầu được coi trọng. Đặc biệt thời Lê Thánh Tông (1460 - 1497) bắt đầu định tư cách cho các Tiến sĩ. Theo quy chế thời Hồng Đức (1470 - 1497) chuẩn định thưởng tư cách cho các tân Tiến sĩ: Trạng nguyên 8 tư, Bảng nhãn 7 tư, Thám hoa 6 tư, Hoàng giáp 5 tư, đồng Tiến sĩ 4 tư. Đối với những người đỗ Tiến sĩ, từ triều Lê trở về sau, chế độ đãi ngộ rất hậu, bổ nhiệm rất cao. Theo Lê Quý Đôn thì có 5 ân điển dành cho những người mới đỗ Tiến sĩ [7, tr.88]:

- Ban cho mũ áo và cân đai triều phục, cho vinh quy về quê hương, có đủ các hạng cờ quạt, nghi trượng, phường trống và phường nhạc đón rước.
- Viên quan có trách nhiệm bắt dân làng trước hết dựng phủ đệ cho Tiến sĩ.
- Không những người đỗ Tam khôi hoặc ứng thí chế khoa trúng cách được bổ vào viện Hàn lâm mà cả người đỗ đồng Tiến sĩ cũng được bổ giữ chức quan trong các khoa, các đạo, không phải bổ làm quan ở phủ hoặc huyện.
- Trong mỗi khoa, một người đỗ trẻ tuổi được bổ giữ chức Hiệu thảo.
- Người nào bổ quan ở ngoài các trấn, thì bổ vào hai ty Thừa chính hoặc Hiến sát, đều trao chương ấn chính thức, không phải giữ chức tá nhị.

Theo quy định bổ nhiệm quan chức đầu tiên cho các tân Tiến sĩ được ban hành từ đời Hồng Đức (1470 - 1497) thì Trạng nguyên được trao chức Thị giảng, Bảng nhãn chức Thị thư, Thám hoa chức Thị chế, Hoàng giáp chức Hiệu lý, còn Tiến sĩ trao cho chức Cấp sự trung. Đây là những chức quan trong Hàn lâm viện.

Như vậy, với học vị Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), Đình

Thúc Thông được bổ nhiệm vào làm việc ở Hàn lâm viện, chuyên phụng chỉ soạn chiếu chỉ thay vua, Trải qua các triều đại, những người đảm nhiệm chức vụ ở Hàn Lâm viện “đều là nhà Nho nổi tiếng về văn học.

Chức quan đầu tiên Đình Thúc Thông đảm nhiệm sau khi thi đỗ Tiến sĩ là Hàn lâm viện Hiệu lý, có chức trách giữ việc hiệu lý kinh tịch, văn thư (phẩm trật chánh Thất phẩm). Tháng Chạp năm Kỷ Sửu, niên hiệu Quang Thuận thứ 10 (1469), Đình Thúc Thông được thăng lên làm Hàn lâm viện Trục học sĩ, là một chức quan cao cấp trong Hàn lâm viện. Tuy làm phó cho Hàn lâm viện Chương viện Học sĩ, nhưng phẩm hàm ngang với Chương viện. Đầu thời Hồng Đức (năm 1471), hiệu định Hoàng triều quan chế thì không thấy nhắc đến quan hàm này nữa.

Cuối năm (1470), Đình Thúc Thông được cử làm Án sát sứ Nghệ An (bao gồm Nghệ An - Hà Tĩnh ngày nay) là vùng gần giáp với Chiêm Thành. Trước năm 1471, hệ thống hành chính của Đại Việt gồm 12 thừa tuyên, mỗi thừa tuyên đều đặt Đô ty (trông coi về mặt quân sự) và Thừa ty (trông coi về dân sự), ngoài ra có chức Án sát sứ phụ trách việc kiện tụng, thanh tra, kiểm sát hành vi của quan lại địa phương. Chức Án sát sứ còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong quân đội cũng như kỷ luật hành quân.

Tháng Chạp năm Canh Dần (đầu năm 1471) vua Lê Thánh Tông đến Thiết Sơn (Nghệ An) ban thưởng cho Án sát sứ Đình Thúc Thông và Nguyễn Tài theo thứ bậc khác nhau. Lê Thánh Tông sắc khen và khẳng định Đình Thúc Thông đã làm đúng chức trách của một vị Án sát là nắm bắt và báo cáo trung thực tình hình quân cơ, từ đó quyết định ngợi khen và ban thưởng cho ông.

Chức Án sát sứ cũng chính là chức Hiến sát sứ được đặt năm Hồng Đức thứ 2 (1471) khi Lê Thánh Tông kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính ở các thừa tuyên gồm 3 ty: Đô ty, Thừa ty và Hiến ty. Hiến ty gồm có các chức Hiến sát sứ và Hiến sát phó sứ, trong đó Hiến sát sứ là trưởng quan của Hiến sát sứ ty, trật hàm chánh lục phẩm. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473) định rõ chức vụ của Hiến ty, chuyên giữ các việc nói bày, đàn hặc, khám đoán, xét hỏi, hội đồng kiểm soát, khảo khóa, tuần hành, cộng 32 điều, chức việc rất phiền kịch.

Đinh Thúc Thông được bổ nhiệm làm Án sát sứ Nghệ An đúng vào thời điểm Lê Thánh Tông mở cuộc Nam chinh, nhằm ổn định tình hình cũng như tăng cường lực lượng, hậu cần nơi biên giới phục vụ công cuộc Nam tiến. Việc chọn những văn thân có năng lực ra trấn trị Nghệ An được Lê Thánh Tông đặc biệt quan tâm, và Đinh Thúc Thông đã làm tròn chức trách của mình, góp phần vào thắng lợi của cuộc Nam tiến quy mô lớn nhất từ trước tới lúc đó.

Năm Nhâm Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 3 (1472), nhà Lê mở khoa thi Hội, lấy đỗ tứ trường trúng cách 26 người. Trong kỳ Đình thí, vua Lê Thánh Tông trực tiếp ra đề văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ. Đinh Thúc Thông và 3 vị văn thân (trong đó có Thám hoa Quách Đình Bảo, đỗ cùng khoa) được cử làm quan độc quyền (là chức quan đọc và chấm bài thi cho các sĩ tử). Khoa thi này, lấy Vũ Kiệt đỗ Trạng nguyên, Nguyễn Toàn An đỗ Bảng nhãn và Vương Khắc Thuật đỗ Thám hoa cùng 7 người đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và 16 người Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Được triều đình tin cậy chọn làm quan độc quyền trong kỳ thi Tiến sĩ, điều đó chứng tỏ Đinh Thúc Thông đã khẳng định được trình độ học vấn uyên bác với chân tài thực học của mình trước đội ngũ Nho thần đông đảo và nổi tiếng đương thời.

Theo *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* cho biết Đinh Thúc Thông làm quan đến chức Thượng thư [11] - là một chức quan đứng đầu các bộ. Điều đó cho thấy tài năng của Đinh Thúc Thông được Lê Thánh Tông rất xem trọng.

2.2.3. Đóng góp của Đinh Thúc Thông với quê hương, đất nước

Cuộc đời làm quan của Đinh Thúc Thông là một bản trường ca về sự cống hiến. Dưới góc độ nghiên cứu để xây dựng tài liệu trải nghiệm cho HS, tôi tổng hợp những đóng góp của ông trên ba phương diện chính: Đối với quốc gia dân tộc, đối với nền giáo dục, và đối với quê hương (Ninh Bình và Hà Nội).

Thứ nhất, đối với công cuộc xây dựng và quản lý đất nước

Làm quan dưới triều Lê Thánh Tông - giai đoạn đất nước đang tiến hành những cuộc cải cách sâu rộng, Đinh Thúc Thông đã đóng góp đặc lực trí tuệ của mình vào việc hoàn thiện bộ máy nhà nước. Với cương vị Thượng thư, ông là người trực tiếp tham mưu cho nhà vua trong việc ban hành các chính sách trị

quốc, vỗ yên lòng dân. Ông thuộc tầng lớp Nho sĩ đề cao "pháp trị" kết hợp với "đức trị". Những ý kiến đóng góp của ông trên triều đình đã góp phần củng cố kỷ cương phép nước, bài trừ nạn tham ô, những nhiễu của quan lại địa phương. Ở những nơi ông cai quản, đời sống nhân dân được ấm no, phong tục được chấn chỉnh, các tệ nạn được dẹp bỏ. Có thể nói, sự thịnh trị của kỷ nguyên Hồng Đức có một phần không nhỏ sự đóng góp mồ hôi, công sức của những vị quan tài đức vẹn toàn như Đinh Thúc Thông.

Thứ hai, đối với nền giáo dục và văn hóa nước nhà

Là một Tiên sĩ xuất thân Nho học, Đinh Thúc Thông rất quan tâm đến việc mở mang dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Không chỉ thực hiện nhiệm vụ quản lý, ông còn được là một nhà giáo dục mẫu mực, luôn đề cao tinh thần "tôn sư trọng đạo", thường xuyên khuyến khích việc lập trường ốc ở các địa phương, chọn lựa những người có học vấn để dạy dỗ con em nhân dân. Tư tưởng giáo dục của ông không chỉ dừng lại ở việc dạy chữ để thi đỗ làm quan, mà quan trọng hơn là dạy đạo lý làm người: trung với nước, hiếu với cha mẹ, nghĩa tình với xóm làng. Tấm gương tự học thành tài của ông chính là bài học sống động nhất; truyền cảm hứng mạnh mẽ cho nhiều thế hệ sĩ tử đương thời và hậu thế.

Thứ ba, đối với quê hương Gia Trấn (Ninh Bình) và Chương Dương (Hà Nội)

Đây là khía cạnh quan trọng nhất để đưa vào HDTN địa phương cho HS.

- Đối với vùng đất Gia Trấn (Ninh Bình): Ông là biểu tượng của tinh thần vượt khó, niềm tự hào của quê hương. Trong lịch sử khoa bảng huyện Gia Viễn trước đây, Đinh Thúc Thông là một trong những người mở đường, làm rạng danh truyền thống hiếu học của vùng đất chiêm trũng này. Sự đỗ đạt của ông đã phá vỡ định kiến "vùng trũng khó sinh nhân tài", khơi dậy phong trào học tập sôi nổi tại địa phương. Nhân dân Gia Trấn vô cùng tự hào về ông. Sau khi ông mất, để tưởng nhớ công ơn, chính quyền và nhân dân địa phương đã lập đền thờ, đưa ông vào thờ phụng tại các di tích lịch sử, văn hóa của xã. Tên tuổi của ông được nhắc đến trong các dịp lễ hội, các buổi giáo dục truyền thống địa phương như một vị phúc thần bảo trợ cho sự học của con em quê hương.

- Đối với vùng đất Chương Dương (Hà Nội): Nếu Gia Trần là nơi sinh thành, thì Chương Dương - Hà Nội là nơi gắn bó mật thiết trong sự nghiệp và cuộc sống của ông. Mảnh đất Thượng Phúc văn hiến đã lưu giữ những dấu ấn của ông trong quá trình ông làm quan hoặc dạy học tại đây. Tại xã Chương Dương ngày nay, những câu chuyện truyền miệng, những di tích liên quan đến Đình Thúc Thông vẫn được người dân trân trọng giữ gìn. Ông mang ánh sáng của tri thức, của văn minh Nho giáo thời Lê sơ bồi đắp thêm cho truyền thống khoa bảng của đất này. Đối với nhân dân Chương Dương, ông không chỉ là một vị quan lớn của triều đình mà còn là người thầy, người cha tinh thần, một danh nhân văn hóa có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến phong tục, tập quán và sự hiếu học của vùng quê này.

Tóm lại, từ một cậu bé sinh ra ở vùng chiêm trũng Ninh Bình, bằng ý chí và nghị lực phi thường, Đình Thúc Thông đã vươn lên trở thành một vị Hoàng giáp, một Thượng thư tài ba. Ông đã dành trọn cuộc đời để cống hiến cho sự nghiệp xây dựng vương triều Lê sơ thịnh vượng, để lại một di sản tinh thần vô giá về lòng yêu nước, thương dân, sự liêm khiết và tinh thần hiếu học.

Từ một thân phận nghèo khổ phải đi làm thuê kiếm sống, nhưng bằng sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi trong học hành, Đình Thúc Thông đã đạt được đến đỉnh cao của khoa cử. Trên quan lộ, ông đã thể hiện tài năng, phẩm hạnh và trở thành một danh thần lương đồng của triều đình, có nhiều công hiến đối với sự phát triển cường thịnh của quốc gia Đại Việt trong thế kỷ XV.

Ninh Bình là nơi Đình Thúc Thông chào đời, làng quê Vũ Lăng là nơi nuôi dưỡng ý chí, hun đúc tài năng, nhân cách và cũng là quê hương thứ hai của ông. Mặc dù sau khi thành danh ông đã chuyển cư về sống ở làng Vũ Lăng nhưng dân làng Gián (Gia Trần) và Quán Vinh (Ninh Hòa) vẫn luôn dành cho ông tình cảm quý trọng. Từ nhiều thế kỷ trước, trên nền nhà cũ của cha mẹ ông, dân làng và dòng họ đã xây dựng một ngôi miếu thờ phụng ông, thể hiện tấm lòng kính mộ của các thế hệ người dân đối với bậc bậc đại khoa.

Làng Gián (Gia Trần) có Miếu Quan Nghè thờ Tiên sĩ Đình Thúc Thông. Miếu Quan Nghè (làng Gián, Gia Trần) được xây dựng với lối kiến trúc kiểu

chữ đình gồm Tiền đường và Hậu cung, quay hướng đông nhìn ra sông Đáy. Đây là công trình mới được trùng tu tôn tạo lại sau thời gian dài bị mai một. Ngày 15/10 hàng năm, tại di tích, nhân dân vẫn tổ chức lễ hội tri ân Tiên sỹ Đình Thúc Thông. Trong phần lễ có tổ chức tế nam quan, rước kiệu quanh làng; phần hội có tổ chức các trò chơi dân gian. Miếu Quan Nghè được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình xếp hạng là di tích lịch sử cấp tỉnh năm 2012.

Tiểu kết chương 2

Chương 2, khóa luận đã trình bày một cách hệ thống và chi tiết về bối cảnh lịch sử kỷ nguyên vương triều Lê sơ thế kỷ XV, cũng như truyền thống văn hóa của vùng đất Ninh Bình, từ đó làm nổi bật môi trường đã nuôi dưỡng và rèn luyện nên nhân cách Tiên sỹ Đình Thúc Thông. Qua việc tổng hợp các nguồn tài liệu, tôi đã tái hiện lại chân dung của ông từ xuất thân, quá trình học tập vượt khó, thành tích đỗ Hoàng giáp năm 1463 cho đến những công hiến xuất sắc trong vai trò một vị Thượng thư vì nước vì dân.

Đặc biệt, nghiên cứu đã làm rõ mối liên hệ khăng khít và những đóng góp to lớn của ông đối với cả hai quê hương: quê cha đất tổ Gia Trấn (Ninh Bình) và quê hương thứ hai Chương Dương (Hà Nội). Tiên sỹ Đình Thúc Thông thực sự là một tấm gương sáng ngời về đạo đức, trí tuệ và tinh thần hiếu học.

Những giá trị lịch sử và văn hóa to lớn này là chất liệu thực tiễn vô cùng quý giá, sinh động và gần gũi. Đây sẽ là nền tảng nội dung cốt lõi để tôi tiến hành thiết kế, xây dựng và đề xuất các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm mang tính giáo dục sâu sắc dành cho HS lớp 4 tại hai địa phương, vốn sẽ được trình bày chi tiết trong Chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM QUA VIỆC SỬ DỤNG TÀI LIỆU VỀ TIỀN SĨ ĐÌNH THỨC THÔNG

3.1. Cơ sở xây dựng hoạt động trải nghiệm

Việc đưa một nhân vật lịch sử địa phương vào giảng dạy không thể thực hiện một cách ngẫu hứng, mà cần phải bám sát vào những "kim chỉ nam" của nền giáo dục hiện đại. Quá trình thiết kế các hoạt động trải nghiệm về Tiền sĩ Đình Thúc Thông được tôi xây dựng dựa trên ba trụ cột cơ sở vững chắc sau đây.

3.1.1. Mục tiêu và định hướng nội dung theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã tạo ra một cuộc cách mạng khi chuyển từ nền giáo dục "nặng về truyền thụ kiến thức" sang nền giáo dục "phát triển phẩm chất và năng lực". Trong đó, hoạt động trải nghiệm đã được nâng lên thành một môn học bắt buộc.

- Về mặt phẩm chất: Câu chuyện về cuộc đời Tiền sĩ Đình Thúc Thông là minh chứng sống động nhất để bồi dưỡng các phẩm chất chủ yếu theo yêu cầu của chương trình. Đó là phẩm chất chăm chỉ (thông qua nỗ lực tự học lúc hàn vi), phẩm chất trung thực và trách nhiệm (thông qua thái độ làm quan thanh liêm, thẳng thắn), và trên hết là phẩm chất yêu nước (thông qua lòng tự hào về danh nhân quê hương mình).

- Về mặt năng lực: Khi tham gia các hoạt động trải nghiệm như sắm vai, thảo luận nhóm, hay đi thực tế tại di tích, HS sẽ được rèn luyện trực tiếp các năng lực cốt lõi: Năng lực tự chủ và tự học, Năng lực giao tiếp và hợp tác, cùng Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Về định hướng phương pháp và không gian giáo dục: Chương trình môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học) 2018, đặc biệt nhấn mạnh việc đưa học sinh ra khỏi không gian lớp học truyền thống để trải nghiệm thực tế. Văn bản hướng dẫn rõ: “Tùy theo điều kiện cụ thể ở địa phương, giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học ở ngoài lớp học và ngoài khuôn viên nhà trường như gặp gỡ các cá nhân, tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động

xã hội; tham quan các cảnh quan, di tích lịch sử - văn hoá, triển lãm, bảo tàng;...” [3, tr.26]. Việc tổ chức cho học sinh đến tham quan, học tập trực tiếp tại Miếu Quan Nghè (xã Gia Trăn) và Đình Kiều Thị (xã Chương Dương) hoàn toàn bám sát định hướng này. Các hình thức sân khấu hóa, vẽ tranh, rung chuông vàng được đề xuất trong khóa luận chính là công cụ hữu hiệu để hình thành nhóm “năng lực nhận thức khoa học lịch sử và địa lí” [3, tr.4], chuyển hóa những kiến thức trên giấy thành năng lực thực tiễn của học sinh.

3.1.2. Nguyên tắc lựa chọn nội dung, hình thức trải nghiệm

Đề hoạt động trải nghiệm không rơi vào tình trạng "cưỡi ngựa xem hoa" hay quá hàn lâm, nhàm chán, tôi quán triệt tuân thủ các nguyên tắc thiết kế sau:

- Tính vừa sức và sinh động: Lịch sử vốn có nhiều số liệu và sự kiện phức tạp. Tuy nhiên, khi đưa vào tiểu học, tôi nguyên tắc hóa việc tinh giản các mốc thời gian khô khan, thay vào đó là chất lọc những "điểm sáng" giàu tính kể chuyện (ví dụ: chi tiết bắt đom đóm bỏ vỏ trứng, chi tiết xử án oan). Nội dung phải ngắn gọn, dễ hiểu, hình thức phải vui tươi, hấp dẫn.

- Tính thực tiễn và kết nối: Hoạt động trải nghiệm phải gắn liền với môi trường sống của các em. Nếu ở Gia Trăn, hoạt động phải gắn với Miếu Quan Nghè. Nếu ở Chương Dương, hoạt động phải gắn với truyền thống hiếu học của đất Thượng Phúc xưa. HS phải thấy được lịch sử đang hiển hiện ngay trong không gian làng xã của mình.

- Trải nghiệm tức là HS phải là "chủ thể". GV chỉ đóng vai trò người thiết kế và tổ chức, dẫn dắt. HS phải được tự tay làm (vẽ tranh, làm báo tường), tự miệng nói (thuyết minh, kể chuyện, diễn kịch), tự chân bước (đi tham quan thực tế).

- Tính an toàn và khả thi: Các hoạt động, đặc biệt là tham quan thực tế bên ngoài nhà trường, phải được lên kế hoạch tỉ mỉ, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho HS lớp 4 và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường ở nông thôn.

3.1.3. Đặc điểm tâm lý HS lớp 4

HS lớp 4 (khoảng 9-10 tuổi) đang ở vào một giai đoạn chuyển tiếp tâm

lý cực kỳ quan trọng và thú vị. Đây là "thời điểm vàng" để giáo dục các giá trị truyền thống nếu áp dụng đúng phương pháp.

Sự chuyển biến về tư duy: Các em đang dần bước từ tư duy trực quan hình tượng sang tư duy logic, trừu tượng, nhưng hình ảnh trực quan vẫn chiếm ưu thế. Các em không thích nghe thuyết giảng suông. Vì thế, học về Đinh Thúc Thông thông qua việc nhìn thấy sắc phong, xem một vở kịch, hay tự tay vẽ chân dung ông sẽ khiến não bộ các em ghi nhớ cực kỳ lâu.

Đời sống tình cảm phong phú: Trẻ lên 9 - 10 tuổi rất nhạy cảm với các yếu tố đạo đức. Các em dễ dàng thân tượng những nhân vật anh hùng, những người vượt qua gian khó, và tỏ thái độ bất bình rõ rệt với cái ác, sự bất công. Những mẫu chuyện về sự vất vả thuở ấu thơ hay sự cương trực trừ gian diệt ác của ông sẽ dễ dàng chạm đến lòng trắc ẩn và sự khâm phục từ sâu thẳm tâm hồn các em.

Nhu cầu khẳng định bản thân và thích giao tiếp: Ở lứa tuổi này, HS rất thích được làm việc nhóm, thích được giao nhiệm vụ (như làm "hướng dẫn viên nhí", làm "nhóm trưởng" báo tường) để chứng tỏ bản thân. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm mang tính hợp tác sẽ kích thích sự hào hứng tối đa của các em.

3.2. Đề xuất các hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm cụ thể

3.2.1. Hoạt động tham quan – tìm hiểu di tích

Khái niệm tham quan, tìm hiểu di tích

Di tích lịch sử - văn hóa là những công trình xây dựng, địa điểm, hiện vật, cổ vật và các giá trị vật chất khác có liên quan đến sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa - xã hội của dân tộc, có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học và giáo dục [22]. Theo Luật Di sản văn hóa Việt Nam năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2009, di tích lịch sử - văn hóa là một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, cần được bảo tồn và phát huy giá trị trong giáo dục thế hệ trẻ [14].

Theo tác giả Phan Ngọc Liên trong *Phương pháp dạy học lịch sử, Tập I*, Nxb Đại học Sư phạm (2010) Hoạt động tham quan là quá trình GV tổ chức

cho HS đến tận địa điểm có di tích để trực tiếp quan sát, tiếp xúc với các chứng tích vật chất của quá khứ, từ đó thu nhận kiến thức lịch sử một cách sinh động và chân thực nhất [12, tr.214-215].

Trên cơ sở đó, Hoạt động tham quan, tìm hiểu di tích được hiểu là quá trình tổ chức cho HS tiếp cận trực tiếp với các di tích lịch sử - văn hóa nhằm quan sát, tìm hiểu, khai thác thông tin lịch sử, văn hóa và giáo dục truyền thống thông qua trải nghiệm thực tế. Đây là một hình thức dạy học gắn lý thuyết với thực tiễn, giúp HS hình thành biểu tượng lịch sử cụ thể và sinh động hơn so với việc tiếp nhận kiến thức qua sách giáo khoa đơn thuần.

Các hình thức tham quan, tìm hiểu di tích

Hoạt động tham quan, tìm hiểu di tích có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu giáo dục, điều kiện thực tế và đặc điểm tâm lý lứa tuổi HS:

Tham quan trực tiếp tại di tích:

Đây là hình thức phổ biến và có hiệu quả giáo dục cao nhất. HS được trực tiếp đến di tích để quan sát kiến trúc, hiện vật, không gian lịch sử và nghe giới thiệu về giá trị của di tích. Việc tiếp xúc trực tiếp với môi trường lịch sử giúp HS hình thành biểu tượng lịch sử cụ thể, từ đó nâng cao hứng thú học tập và khả năng ghi nhớ kiến thức. Và việc tổ chức cho HS học tập tại thực địa giúp tăng cường tính trực quan và phát huy vai trò chủ thể của người học trong quá trình nhận thức lịch sử.

Tham quan kết hợp hoạt động trải nghiệm:

Ngoài việc nghe thuyết minh, HS có thể tham gia các hoạt động như ghi chép tài liệu, chụp ảnh, phỏng vấn người quản lý di tích, làm phiếu học tập, đóng vai nhân vật lịch sử hoặc tham gia trò chơi học tập liên quan đến di tích. Hình thức này giúp HS chủ động khám phá kiến thức và phát triển kỹ năng thực hành.

Theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Hoạt động trải nghiệm góp phần hình thành phẩm chất và năng lực cho HS thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn [1].

Tham quan trực tuyến, tìm hiểu qua tài liệu số:

Trong điều kiện không thể tổ chức tham quan thực tế, GV có thể sử dụng video, hình ảnh, tài liệu số hoặc các chuyến tham quan ảo để hỗ trợ HS tìm hiểu di tích. Hình thức này giúp mở rộng khả năng tiếp cận di sản văn hóa, đồng thời phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học hiện nay.

Tuy nhiên, hình thức này khó tạo được cảm xúc và trải nghiệm chân thực như tham quan trực tiếp, vì vậy cần được kết hợp linh hoạt với các phương pháp dạy học khác.

Ý nghĩa của hoạt động

Cụ thể hóa kiến thức lịch sử địa phương: Lịch sử là những gì đã qua, thường khó tiếp thu đối với trẻ em. Việc "nhìn tận mắt, sờ tận tay" vào những văn bia, sắc phong hay kiến trúc từ đường giúp các khái niệm về "Tiền sĩ", "Khoa bảng" trở nên gần gũi, thực tế. Điều này đặc biệt quan trọng khi thực hiện đề tài về Tiền sĩ Đinh Thúc Thông, giúp chuyển hóa những cứ liệu văn bản khô khan thành bài học trực quan.

Phát triển năng lực và phẩm chất: Hoạt động giúp hình thành các phẩm chất cốt lõi như: *Yêu nước, Nhân ái, Trách nhiệm*. Đối với HS tiểu học việc tham quan di tích gắn liền với danh nhân địa phương giúp các em nuôi dưỡng lòng tự hào về truyền thống hiếu học của quê hương

Rèn luyện kỹ năng mềm: Thông qua việc làm việc nhóm, quan sát và trình bày thu hoạch sau chuyến tham quan, HS được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy phản biện. Đây là mục tiêu quan trọng của mô hình dạy học phát triển năng lực hiện nay.

Hoạt động tham quan di tích Tiền sĩ Đinh Thúc Thông

Tại xã Gia Trấn

Với nhân vật Đinh Thúc Thông và trường Tiểu học Gia Trấn, tôi xây dựng Hoạt động tham quan, tìm hiểu di tích Miếu Quan Nghè [phụ lục 2].

Đây là hình thức trải nghiệm mang tính trực quan cao nhất. Không gì thuyết phục hơn việc để HS được trực tiếp hít thở bầu không khí lịch sử, tận mắt nhìn thấy những di vật mà cha ông để lại.

(a) Mục tiêu hoạt động:

- Giúp HS có cái nhìn chân thực, sống động về không gian thờ tự và những dấu ấn của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông tại địa phương.
- Rèn luyện kỹ năng quan sát, ghi chép, phỏng vấn và kỹ năng hoạt động tập thể khi di chuyển bên ngoài trường học.
- Giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ cảnh quan di tích lịch sử của quê hương.

(b) Kế hoạch tổ chức cụ thể:

Hoạt động tham quan, tìm hiểu thực tế (áp dụng tại Trường Tiểu học Gia Trần, Ninh Bình): Tổ chức tham quan Miếu Quan Nghè.

Bước 1: Công tác chuẩn bị (Trước chuyến đi 1 tuần)

- GV liên hệ với các cán bộ địa phương để chuẩn bị kế hoạch tham quan.
- GV liên hệ với nhà trường và phụ huynh để phổ biến kế hoạch.
- GV phổ biến nội quy an toàn, mục đích chuyến đi cho HS.
- Chia lớp thành các nhóm (5-6 em/nhóm) và phân công nhóm trưởng.

Bước 2: Quá trình trải nghiệm tại di tích

- *Khởi động hát múa:* Khi đến cổng Miếu Quan Nghè, GV tổ chức cho HS hát múa để khởi động.

- *Nghi thức tri ân:* Khi đến Miếu Quan Nghè, GV hướng dẫn HS xếp hàng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục, tiến hành dâng hương. Hoạt động này giáo dục thái độ thành kính, trang nghiêm trước tiền nhân.

- *Lắng nghe lịch sử:* Mời Ban quản lý di tích hoặc những bậc cao niên trong làng kể lại những giai thoại về cụ Tiến sĩ Đinh Thúc Thông cho các em nghe ngay tại sân miếu. Không gian linh thiêng sẽ làm tăng sức nặng cho câu chuyện.

- *Khám phá tự do có định hướng:* Các nhóm tỏa ra quan sát kiến trúc miếu, các tấm bia đá, sắc phong (bản sao). HS ghi chép lại thông tin vào phiếu, có thể phỏng vấn trực tiếp người trông coi miếu.

- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm 7 người và yêu cầu HS tự đóng vai là một "hướng dẫn viên nhí" để kể lại câu chuyện về Đinh Thúc Thông cho bạn bè trong nhóm nghe. Sau đó các nhóm sẽ chọn 1-2 bạn kể chuyện hay và tốt nhất nhóm để đại diện lên thi kể chuyện về vị Tiến sĩ quê hương.

- Tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Rung chuông vàng” trả lời các câu hỏi vào bảng con để khắc sâu kiến thức [phụ lục 4].

- *Hành động ý nghĩa*: Tổ chức cho HS "Làm sạch không gian di tích" (nhặt rác, quét lá khô quanh sân miếu). Đây là một hành động nhỏ nhưng gieo vào lòng các em trách nhiệm bảo vệ di sản.

Bước 3: Tổng kết và báo cáo (Tiết Sinh hoạt lớp sau chuyến đi)

- Các nhóm trình bày Phiếu thu hoạch, chia sẻ cảm nhận và những điều HS học được sau chuyến tham quan.

- GV nhận xét tinh thần tham gia của HS, tuyên dương những nhóm có ý thức tốt, ghi chép đầy đủ và tích cực trong hoạt động.

- GV hướng dẫn HS liên hệ thực tế, từ đó giáo dục lòng yêu quê hương, niềm tự hào về truyền thống lịch sử – văn hóa địa phương và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa dân tộc.

Tại xã Chương Dương (Hà Nội)

Với HS Trường Tiểu học Chương Dương, tôi xây dựng Hoạt động trải nghiệm tham quan, tìm hiểu di tích Đình Kiều Thị – một di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu của địa phương xã Chương Dương.

Đây là hình thức trải nghiệm thực tế giúp HS được trực tiếp tiếp xúc với không gian văn hóa truyền thống của quê hương, từ đó nâng cao hiểu biết về lịch sử địa phương, bồi dưỡng tình yêu quê hương và ý thức giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.

(a) Mục tiêu hoạt động

Giúp HS hiểu biết thêm về lịch sử hình thành, giá trị văn hóa và ý nghĩa của Đình Kiều Thị đối với đời sống tinh thần của nhân dân địa phương.

Giúp HS bước đầu tìm hiểu về truyền thống lịch sử – văn hóa của xã Chương Dương và mối liên hệ với việc giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường.

Rèn luyện cho HS kỹ năng quan sát, ghi chép, lắng nghe, làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp khi tham gia hoạt động thực tế.

Giáo dục HS ý thức giữ gìn, bảo vệ di tích lịch sử – văn hóa của quê hương; hình thành thái độ tôn trọng và biết ơn các thế hệ cha ông đi trước.

(b) Kế hoạch tổ chức cụ thể

Hoạt động tham quan, tìm hiểu thực tế (áp dụng tại Trường Tiểu học Chương Dương – Hà Nội): Tổ chức tham quan Đình Kiều Thị.

Bước 1: Công tác chuẩn bị (Trước chuyến đi 1 tuần)

GV liên hệ với Ban quản lý di tích Đình Kiều Thị và chính quyền địa phương để xây dựng kế hoạch tham quan phù hợp.

GV phối hợp với nhà trường và phụ huynh để thông báo kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS.

GV phổ biến mục đích, yêu cầu và nội quy an toàn trong quá trình tham quan.

Chuẩn bị Phiếu học tập, bảng câu hỏi tìm hiểu di tích và một số nhiệm vụ trải nghiệm dành cho HS.

Chia lớp thành các nhóm nhỏ (5–6 HS/nhóm), phân công nhóm trưởng và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm.

Bước 2: Quá trình trải nghiệm tại di tích

- *Nghi thức dâng hương và tri âm*: Khi đến Đình Kiều Thị, GV hướng dẫn HS xếp hàng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục và thực hiện nghi thức dâng hương tưởng niệm. Hoạt động này nhằm giáo dục HS thái độ trang nghiêm, lòng biết ơn và sự kính trọng đối với các bậc tiền nhân của quê hương.

- *Lắng nghe giới thiệu về di tích*: Đại diện Ban quản lý di tích hoặc các bậc cao niên tại địa phương giới thiệu cho HS về lịch sử hình thành của Đình Kiều Thị, những giá trị văn hóa – lịch sử tiêu biểu và vai trò của đình trong đời sống sinh hoạt cộng đồng của nhân dân địa phương.

GV giới thiệu và kể chuyện lịch sử về tiêu sử, sự nghiệp và mối quan hệ gần bó, mật thiết của Tiên sĩ Đình Thúc Thông với mảnh đất thôn Vũ lăng (nay thuộc xã Chương Dương – Hà Nội)

Thông qua việc lắng nghe trực tiếp tại không gian di tích, HS sẽ cảm nhận rõ hơn giá trị lịch sử và nét đẹp văn hóa truyền thống của quê hương và biết thêm kiến thức về vị Tiên sĩ Đình Thúc Thông.

- *Khám phá và tìm hiểu di tích*:

Các nhóm HS quan sát kiến trúc đình, khuôn viên, đồ thờ tự, các câu đối, hoành phi và những hiện vật còn lưu giữ tại di tích.

HS ghi chép các thông tin cần thiết vào Phiếu học tập; đồng thời có thể phỏng vấn người quản lý di tích để tìm hiểu thêm về các lễ hội truyền thống, phong tục địa phương và những câu chuyện lịch sử liên quan đến đình.

- Hoạt động trải nghiệm theo nhóm:

+ GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 7 người và thực hiện nhiệm vụ: giới thiệu về Tiên sĩ Đình Thúc Thông và Đình Kiều Thị như một “hướng dẫn viên nhí” và cùng nhau vẽ sơ đồ hoặc phác họa một góc của đình mà em yêu thích.

Sau đó, mỗi nhóm cử đại diện trình bày kết quả trước tập thể lớp.

- Tổ chức trò chơi học tập

GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” hoặc “Ô cửa bí mật” với các câu hỏi liên quan đến tiêu sự, sự nghiệp của Tiên sĩ Đình Thúc Thông nhằm giúp HS củng cố kiến thức một cách nhẹ nhàng, sinh động và tạo không khí hào hứng cho hoạt động trải nghiệm.

- Hoạt động bảo vệ di tích

GV hướng dẫn HS tham gia vệ sinh khuôn viên đình như nhặt rác, quét lá khô, sắp xếp khu vực tham quan gọn gàng. Qua đó giáo dục HS ý thức giữ gìn môi trường và trách nhiệm bảo vệ các di sản văn hóa của quê hương.

Bước 3: Tổng kết và báo cáo (Thực hiện trong tiết Sinh hoạt lớp sau chuyển đi)

- Các nhóm lên trình bày lại Phiếu thu hoạch của mình. GV nhận xét, khen ngợi những nhóm có ghi chép chi tiết, thái độ nghiêm túc, qua đó khắc sâu lại kiến thức.

3.2.2. Hoạt động Kể chuyện lịch sử – Sân khấu hóa

Khái niệm Kể chuyện lịch sử– Sân khấu hóa

- Kể chuyện lịch sử là một phương pháp dạy học đặc thù, trong đó GV (hoặc HS) dùng ngôn ngữ nói để trình bày một cách sinh động, có hình ảnh và truyền cảm về các sự kiện, nhân vật hoặc hoạt động của con người trong quá

khứ. Đối với HS tiểu học, kể chuyện không chỉ là truyền đạt thông tin mà còn là nghệ thuật tái hiện không gian lịch sử.

Kể chuyện lịch sử là một trong những phương pháp quan trọng nhằm tạo biểu tượng lịch sử, giúp HS tiếp cận kiến thức lịch sử bằng hình ảnh cụ thể, dễ nhớ và giàu cảm xúc hơn.

- Sân khấu hóa (hay còn gọi là đóng vai, diễn kịch lịch sử): là hình thức phát triển cao hơn của kể chuyện, trong đó HS trực tiếp tham gia đóng vai các nhân vật lịch sử để tái hiện lại các sự kiện hoặc tình huống tiêu biểu bằng các yếu tố nghệ thuật như diễn xuất, lời thoại, hóa trang, âm nhạc hoặc tình huống kịch. Trong dạy học môn Lịch sử và Hoạt động trải nghiệm, sân khấu hóa giúp HS nhập vai nhân vật lịch sử, từ đó hiểu sâu sắc hơn về bối cảnh, diễn biến và ý nghĩa của các sự kiện lịch sử.

Theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, Hoạt động trải nghiệm cần tạo điều kiện để HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn, phát huy tính tích cực, sáng tạo và khả năng hợp tác [1]. Như vậy, hoạt động Kể chuyện – Sân khấu hóa trong dạy học Lịch sử địa phương được hiểu là quá trình tổ chức cho HS sử dụng lời kể, diễn xuất hoặc nhập vai nhằm tái hiện các nhân vật, sự kiện, truyền thống lịch sử của địa phương. Đây là hình thức giáo dục mang tính trực quan, sinh động, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhận thức của HS tiểu học.

Các hình thức Kể chuyện lịch sử– Sân khấu hóa

- Kể chuyện kết hợp trực quan: GV kể về cuộc đời Tiến sĩ Đinh Thúc Thông kết hợp với trình chiếu hình ảnh, video về di tích, sắc phong hoặc tranh vẽ minh họa. Việc kết hợp giữa âm thanh và hình ảnh giúp HS dễ dàng hình thành biểu tượng lịch sử.

- Kể chuyện sáng tạo: Sau khi tham quan di tích, HS tự đóng vai là một "hướng dẫn viên nhí" hoặc một người chứng kiến lịch sử để kể lại câu chuyện về danh nhân cho bạn bè và người thân nghe.

- Kể chuyện kết hợp công nghệ thông tin: Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, GV có thể tổ chức cho HS kể chuyện lịch sử thông qua video, tranh

ảnh, trình chiếu hoặc clip hoạt hình ngắn. Hình thức này giúp tăng tính trực quan, hấp dẫn và phù hợp với xu hướng ứng dụng công nghệ trong giáo dục.

- Hoạt động đóng vai: HS được chia nhóm để đóng vai trong các tiểu phẩm ngắn. Đối với đề tài về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, có thể xây dựng kịch bản về các sự kiện như: cảnh cụ Đinh Thúc Thông dùi mài kinh sử, Lễ vinh quy bái tổ về làng hoặc cảnh cụ thực hiện trọng trách của một vị quan thanh liêm...

- Hội thi "Sân khấu hóa lịch sử quê hương": Hình thức này tái hiện một sự kiện lịch sử thông qua tiểu phẩm, kịch ngắn hoặc hoạt cảnh. HS tham gia tự xây dựng kịch bản, chuẩn bị đạo cụ, hóa trang và biểu diễn trước tập thể.

Ý nghĩa của hoạt động Kể chuyện lịch sử– Sân khấu hóa

- Hoạt động kể chuyện – sân khấu hóa có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử địa phương ở tiểu học:

+ Tái hiện sinh động quá khứ: Lịch sử vốn là những sự kiện đã qua và không thể lặp lại. Kể chuyện và sân khấu hóa giúp "phá vỡ" rào cản thời gian, mang những nhân vật như cụ Đinh Thúc Thông từ trang sách bước ra đời thực, giúp HS tiểu học tiếp nhận kiến thức một cách tự nhiên, không gò bó.

+ Phát triển trí tưởng tượng và ngôn ngữ: Khi tham gia sân khấu hóa, HS phải tự tìm tòi cách biểu cảm, lời thoại và hành động. Điều này góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, sự tự tin trước đám đông và khả năng thấu cảm với các giá trị đạo đức của tiền nhân. Hoạt động sân khấu hóa đã giúp HS chuyển từ trạng thái quan sát thụ động sang cảm nhận chủ động qua việc hóa thân vào nhân vật.

+ Giáo dục tư tưởng, đạo đức và truyền thống yêu nước cho HS. Khi nhập vai các nhân vật lịch sử hoặc tái hiện các sự kiện lịch sử của quê hương, HS sẽ hiểu sâu sắc hơn về những đóng góp, hi sinh của thế hệ cha ông, từ đó hình thành lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

+ Tạo hứng thú học tập: Sân khấu hóa biến giờ học lịch sử thành một "sân chơi" trí tuệ, giải tỏa áp lực học tập và tạo ra sợi dây gắn kết giữa HS với di sản văn hóa địa phương.

+ Ngoài ra, hoạt động kể chuyện – sân khấu hóa còn giúp HS phát triển nhiều kỹ năng quan trọng như kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, xử lý tình huống và khả năng sáng tạo. Đây là những năng lực cần thiết đối với HS trong chương trình giáo dục hiện nay.

+ Đối với giáo dục lịch sử địa phương, hoạt động kể chuyện – sân khấu hóa còn góp phần bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc tái hiện các câu chuyện lịch sử, truyền thuyết và nhân vật tiêu biểu của địa phương.

Xây dựng Hoạt động Kể chuyện – Sân khấu hóa về nhân vật Đinh Thúc Thông

Với nhân vật Đinh Thúc Thông và trường tiểu học Chương Dương, tôi xây dựng hoạt động Kể chuyện – Sân khấu hóa với hình thức cho HS đóng kịch: Vở kịch "Ánh sáng từ vỏ trứng đom đóm" [phụ lục 7].

(a) Mục tiêu hoạt động:

- HS thuộc và hiểu sâu sắc hoàn cảnh xuất thân, tinh thần vượt khó của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ, khả năng biểu cảm, sự tự tin trước đám đông và kỹ năng làm việc nhóm.
- Khơi dậy mạnh mẽ sự đồng cảm và lòng quyết tâm học tập.

(b) Kế hoạch tổ chức cụ thể:

Đây là hoạt động có thể tổ chức vào tiết Sinh hoạt lớp, Sinh hoạt dưới cờ hoặc lồng ghép vào môn Hoạt động trải nghiệm, môn Tiếng Việt (phần Kể chuyện).

Bước 1: Xây dựng kịch bản và phân vai

- GV cung cấp cho HS một kịch bản ngắn (hoặc hướng dẫn các em tự viết) mang tên: "Ánh sáng đom đóm".

+ Nội dung phân cảnh:

Cảnh 1: Cậu bé Thông đi làm thuê bị chủ nhà mắng vì mãi nhìn trộm lớp học.

Cảnh 2: Đêm khuya tĩnh lặng, cậu lúi húi bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng, vạch que củi luyện chữ dưới nền đất.

Cảnh 3: Thầy đồ đi ngang qua, kinh ngạc trước nghị lực của cậu bé, quyết

định nhận cậu làm học trò miễn phí.

+ *Phân vai*: Một em đóng Đinh Thúc Thông lúc nhỏ (ưu tiên HS có biểu cảm tốt), một em đóng lão phú ông, một em đóng thầy đồ, các em khác đóng vai bạn HS hoặc dẫn truyện.

Bước 2: Tập luyện và chuẩn bị đạo cụ

- HS tự tay chuẩn bị những đạo cụ tái chế đơn giản: Dùng giấy bìa làm nón lá to, mượn áo nâu sòng cũ, dùng quả bóng bàn nhựa đục lỗ và cho đèn pin nhỏ vào trong để làm "vỏ trứng đom đóm", dùng ống hút làm que củi viết chữ. Việc tự làm đạo cụ kích thích sự sáng tạo vô biên của trẻ.

Bước 3: Trình diễn và Thảo luận tương tác

- Các nhóm tiến hành biểu diễn trên sân khấu (bục giảng hoặc khán đài trên sân trường). Âm nhạc dân gian nhẹ nhàng được lồng ghép để tăng cảm xúc.

- *Khâu quan trọng nhất - Thảo luận sau vở kịch*: Sau khi nhóm diễn xong, GV đóng vai trò MC, đặt các câu hỏi phỏng vấn "diễn viên" và khán giả bên dưới:

- *Hỏi người đóng vai Đinh Thúc Thông*: "Khi em phải diễn cảnh viết chữ bằng que củi trong đêm tối, em cảm thấy thế nào?"

- *Hỏi HS dưới lớp*: "Nếu là em sống trong hoàn cảnh nghèo đói như vậy, em có tiếp tục đi học không? Điều kiện học tập của các em hiện nay so với cụ Đinh Thúc Thông ngày xưa khác nhau như thế nào?"

- *Tiểu kết*: GV chốt lại thông điệp: Truyền thống hiếu học của quê hương được xây đắp từ mồ hôi và nước mắt. Chúng ta hôm nay có trường lớp khang trang, có sách đẹp, đèn sáng, không có lý do gì để lười biếng.

3.2.3. Hoạt động Sáng tạo nghệ thuật

Khái niệm Sáng tạo nghệ thuật:

Sáng tạo nghệ thuật trong dạy học Lịch sử và Hoạt động trải nghiệm là hình thức tổ chức mà ở đó HS sử dụng các phương tiện nghệ thuật (hội họa, thủ công, âm nhạc, thơ ca...) để thể hiện lại sự hiểu biết, cảm xúc và suy nghĩ của mình về các sự kiện, nhân vật hoặc di tích lịch sử.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo trong *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, hoạt động trải nghiệm và hoạt động nghệ thuật góp phần phát triển phẩm chất, năng lực thẩm mỹ, khả năng sáng tạo và năng lực biểu đạt của HS thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động thực tiễn [1].

Trong dạy học Lịch sử địa phương, Hoạt động sáng tạo nghệ thuật được hiểu là quá trình tổ chức cho HS tái hiện, biểu đạt hoặc thể hiện những hiểu biết về sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương thông qua các hình thức nghệ thuật khác nhau. Hoạt động này giúp HS tiếp cận kiến thức lịch sử bằng cảm xúc, hình ảnh và trải nghiệm cá nhân thay vì chỉ ghi nhớ lý thuyết một cách máy móc.

Các hình thức Sáng tạo nghệ thuật

Hoạt động sáng tạo nghệ thuật trong dạy học Lịch sử địa phương có thể được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, phù hợp với đặc điểm tâm lý và khả năng nhận thức của HS tiểu học:

Vẽ tranh theo chủ đề lịch sử địa phương:

Đây là hình thức phổ biến và phù hợp với HS tiểu học. Sau khi tìm hiểu về một nhân vật, sự kiện hoặc di tích lịch sử địa phương, HS sử dụng tranh vẽ để tái hiện nội dung đã học theo cảm nhận của bản thân.

Thông qua hoạt động này, HS không chỉ củng cố kiến thức lịch sử mà còn phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng và năng lực thẩm mỹ. Những hình ảnh lịch sử vốn mang tính khái quát sẽ trở nên cụ thể và gần gũi hơn đối với HS.

Sáng tác thơ, văn, khẩu hiệu hoặc thông điệp:

HS có thể sáng tác thơ, đoạn văn ngắn, khẩu hiệu hoặc thông điệp nhằm thể hiện cảm nghĩ về nhân vật lịch sử, truyền thống quê hương hoặc các sự kiện lịch sử địa phương.

Hình thức này giúp HS bộc lộ cảm xúc cá nhân, đồng thời góp phần giáo dục tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

Thiết kế mô hình, sản phẩm thủ công:

HS sử dụng các vật liệu đơn giản để làm mô hình di tích lịch sử, hiện vật hoặc biểu tượng văn hóa của địa phương. Đây là hình thức kết hợp giữa hoạt động học tập và thực hành sáng tạo, giúp HS phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Theo định hướng giáo dục phát triển năng lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các hoạt động thực hành sáng tạo giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề và khả năng hợp tác.

Biểu diễn nghệ thuật:

HS có thể tham gia hát, múa, đọc thơ hoặc biểu diễn các tiết mục nghệ thuật liên quan đến lịch sử và văn hóa địa phương trong các buổi sinh hoạt tập thể hoặc Hoạt động trải nghiệm.

Hình thức này giúp tạo không khí học tập sinh động, đồng thời góp phần lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống trong nhà trường.

Thiết kế sản phẩm truyền thông lịch sử:

Trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin hiện nay, GV có thể hướng dẫn HS thiết kế poster, video ngắn, tập san hoặc slide trình chiếu giới thiệu về nhân vật, di tích hoặc truyền thống lịch sử địa phương.

Đây là hình thức phù hợp với xu hướng đổi mới giáo dục, giúp HS phát triển khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập.

Ý nghĩa của hoạt động sáng tạo nghệ thuật

Hoạt động sáng tạo nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử địa phương ở tiểu học.

Trước hết, hoạt động này giúp HS tiếp cận kiến thức lịch sử bằng nhiều giác quan và cảm xúc khác nhau. Việc chuyển hóa kiến thức lịch sử thành tranh vẽ, mô hình, thơ ca hoặc sản phẩm nghệ thuật giúp HS ghi nhớ kiến thức sâu sắc và bền vững hơn so với hình thức học tập thụ động.

Bên cạnh đó, hoạt động sáng tạo nghệ thuật còn góp phần phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng sáng tạo của HS. Trong quá trình tham gia hoạt động, HS được tự do thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và ý tưởng cá nhân, từ đó hình thành sự tự tin và hứng thú học tập.

Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, trong đó năng lực thẩm mỹ và sáng tạo là một trong những năng lực quan trọng cần được hình thành cho HS.

Ngoài ra, hoạt động sáng tạo nghệ thuật còn góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa và tình yêu quê hương cho HS. Khi tái hiện các giá trị lịch sử địa phương thông qua nghệ thuật, HS sẽ hiểu sâu sắc hơn về quê hương mình, từ đó hình thành ý thức trân trọng và giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống.

Hoạt động này đồng thời giúp HS rèn luyện nhiều kỹ năng cần thiết như kỹ năng quan sát, giao tiếp, hợp tác nhóm, trình bày ý tưởng và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Đây là những kỹ năng quan trọng phù hợp với mục tiêu đổi mới giáo dục hiện nay.

Xây dựng hoạt động Sáng tạo nghệ thuật về nhân vật Đinh Thúc Thông

Với nhân vật Đinh Thúc Thông và trường Tiểu học Chương Dương (Hà Nội), tôi xây dựng các Hoạt động mỹ thuật sáng tạo.

(a) Mục tiêu hoạt động:

- HS tái hiện lại hình ảnh, sự kiện lịch sử thông qua lăng kính thẩm mỹ và trí tưởng tượng của tuổi thơ.
- Phát triển tư duy hình ảnh, năng lực thẩm mỹ và rèn luyện tính kiên nhẫn, tỉ mỉ.
- Tạo ra các sản phẩm cụ thể để trưng bày, lan tỏa giá trị lịch sử đến toàn trường.

(b) Kế hoạch tổ chức cụ thể:

Hoạt động này có thể triển khai dưới dạng một Dự án học tập kéo dài 1-2 tuần, tích hợp chặt chẽ với môn Mỹ thuật.

Hình thức 1: Cuộc thi vẽ tranh "Ông Trạng làng em"

- GV đưa ra các chủ đề gợi ý để HS vẽ: *Cậu bé Thông chăn trâu học bài; Lễ vinh quy bái tổ cờ lọng rợp trời; Vị quan thanh liêm xử án bảo vệ dân lành; Miếu Quan Nghè trong mắt em.*

- HS được tự do lựa chọn chất liệu (sáp màu, màu nước, xé dán giấy). Quan trọng không phải là vẽ đẹp như họa sĩ, mà là các em truyền tải được thông điệp lịch sử qua góc nhìn ngộ nghĩnh của trẻ thơ.

Hình thức 2: Sơ đồ tư duy (Mindmap) và Báo tường mini

- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu các nhóm vẽ một Sơ đồ tư duy tóm tắt về cuộc đời Đinh Thúc Thông (Gốc cây là quê quán năm sinh; các cành lớn là: Vượt khó học tập, Đỗ Hoàng giáp, Làm quan thanh liêm, Đóng góp cho quê hương...).

- Hoặc làm một tờ báo tường nhỏ (khổ A3) lấy tên "Hào khí quê hương". Trên đó các em dán tranh vẽ, viết những bài thơ sưu tầm, hoặc tự viết những đoạn văn ngắn cảm nghĩ về ông.

Hình thức 3: Tổ chức Triển lãm "Tự hào quê hương"

- Vào cuối dự án, GV biến không gian lớp học (hoặc dọc hành lang lớp) thành một "Phòng triển lãm lịch sử". Treo tất cả các bức tranh, sơ đồ tư duy, báo tường của các em lên.

- Tổ chức giờ học đi "tham quan" chính sản phẩm của lớp mình. Đại diện các nhóm sẽ đứng tại vị trí sản phẩm và làm "thuyết minh viên" giới thiệu ý tưởng bức tranh của nhóm mình cho cô và các bạn cùng nghe. Việc sản phẩm của mình được trân trọng treo lên sẽ đem lại cho các em một niềm tự hào và sự tự tin vô bờ bến.

3.3. Thực nghiệm sư phạm

3.3.1. Mục đích thực nghiệm

Kiểm chứng mức độ hứng thú, sự tham gia tích cực của HS đối với các hình thức trải nghiệm gắn liền với nhân vật Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.

Đánh giá sự chuyển biến trong nhận thức của HS (khả năng ghi nhớ kiến thức lịch sử) và sự thay đổi về mặt thái độ, tình cảm (tình yêu quê hương, ý thức tự học).

Thu thập ý kiến phản hồi từ GV chủ nhiệm và bản thân HS để tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện các mô hình thiết kế.

3.3.2. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực nghiệm

Để đo lường khách quan hiệu quả của đề tài, tôi tiến hành thực nghiệm song song tại hai lớp: Lớp Thực nghiệm (Lớp 4A có 35 HS) và Lớp Đối chứng (Lớp 4B có 35 HS) của trường Tiểu học Gia Trấn. Cả 2 lớp đều có số lượng HS bằng nhau và khả năng nhận thức, tiếp thu kiến thức như nhau nên khi thực nghiệm sẽ phản ánh được kết quả của thực nghiệm.

- Tại lớp Đối chứng (4B): GV tiến hành dạy học theo phương pháp truyền thống. HS tìm hiểu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông qua sách báo, tranh ảnh và lời kể của GV ngay tại phòng học. Sau đó phát phiếu bài tập cho HS về làm.

- Tại lớp Thực nghiệm (4A): GV tổ chức Hoạt động trải nghiệm thực tế tìm hiểu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông tại Miếu Quan Nghè. Sau đó phát phiếu bài tập cho HS về làm.

3.3.3. Nội dung tiến hành thực nghiệm

Bước 1: Tham quan thực tế: Tổ chức cho HS hát múa để khởi động, tập trung hướng dẫn HS dâng hương tại Miếu Quan Nghè. Tại đây, HS được trực tiếp quan sát không gian thờ tự, các hiện vật và nghe GV và người trông coi đền thuyết minh về cuộc đời danh nhân Đinh Thúc Thông.

Bước 2: Thi Kể chuyện sáng tạo: Sau khi tham quan di tích và được nghe thuyết trình về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, GV cho HS thảo luận nhóm 7 người và yêu cầu HS tự đóng vai là một "hướng dẫn viên nhí" để kể lại câu chuyện về Đinh Thúc Thông cho bạn bè trong nhóm nghe. Sau đó các nhóm sẽ chọn 1-2 bạn kể chuyện hay và tốt nhất nhóm để đại diện lên thi kể chuyện về vị Tiến sĩ quê hương.

Bước 3: GV và tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Rung chuông vàng”:

+ GV phổ biến luật chơi: Mỗi HS sẽ được phát một bảng con để ghi đáp án cho các câu hỏi liên quan đến Tiến sĩ Đinh Thúc Thông(gồm 10 câu hỏi). Sau khi GV đọc câu hỏi, HS có thời gian 10 giây suy nghĩ và ghi câu trả lời vào bảng. Khi có hiệu lệnh, tất cả HS đồng loạt giơ bảng đáp án. HS trả lời sai hoặc không có đáp án sẽ tạm dừng cuộc chơi và trở thành khán giả cổ vũ cho các bạn còn lại. Trò chơi tiếp tục cho đến khi tìm được HS cuối cùng trả lời đúng

tất cả các câu hỏi. HS đó sẽ là người xuất sắc nhất và được quyền lên rung “Chuông vàng” chiến thắng. Trong quá trình tham gia trò chơi, HS cần giữ trật tự, không nhắc bài hoặc trao đổi đáp án với bạn để đảm bảo tính công bằng của cuộc thi.

Sau khi tìm ra được “Trạng nguyên nhí” chiến thắng của trò chơi “Rung chuông vàng”, GV sẽ phát phần thưởng cho HS và cho HS rung chuông vàng tại đền.

- *Bước 4: Tổ chức cho HS “Làm sạch không gian di tích”*: GV hướng dẫn và cùng các HS nhặt rác, quét lá trong sân Miếu,... nhằm bảo vệ, giữ gìn di tích lịch sử.

3.3.4. Kết quả thực nghiệm và đánh giá

Sau hoàn thành thực nghiệm, để đánh giá được kết quả cuối cùng của bài học, tiến hành kiểm tra việc nắm kiến thức của HS hai lớp bằng phiếu bài tập về nhà làm. Câu hỏi kiểm tra hoạt động nhận thức các lớp có nội dung hoàn toàn giống nhau theo bài học. Tiến hành chấm bài, đánh giá kết quả của hai lớp thực nghiệm và đối chứng theo đúng tiêu chí đánh giá và thang điểm bài kiểm tra (xem phần phụ lục).

- Kết quả về kiến thức

Số liệu thống kê cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về mức độ tiếp thu kiến thức giữa hai phương pháp dạy học:

Bảng 3.1. Thống kê kết quả thực hành đối chứng

Lớp	Số HS	THỐNG KÊ ĐIỂM							
		Điểm 4	Điểm 5	Điểm 6	Điểm 7	Điểm 8	Điểm 9	Điểm 10	Tổng Điểm
4A (TN)	35	0	2	3	8	8	8	6	280
4B (ĐC)	35	6	6	7	6	5	4	1	224

Bảng 3.2. Tổng hợp kết quả thực hành đối chứng

Lớp	Số HS	KẾT QUẢ							
		Giỏi (9 – 10)		Khá (7 – 8)		Trung bình (5 – 6)		Yếu (Dưới 5)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
4A (TN)	35	14	40%	16	45,7%	5	14,3%	0	0%
4B (ĐC)	35	5	14,3%	11	31,4%	13	37,1%	6	17,2%

Để so sánh chính xác độ chênh lệch giữa kết quả kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, tính giá trị trung bình (X) cho điểm số hai lớp theo công thức:

$$X = \text{Tổng số điểm} / \text{Tổng số HS}$$

Lớp	Tổng số điểm	Tổng số HS	Điểm TB (X)	Độ chênh lệch
4A(TN)	280	35	8	1,6
4B(ĐC)	224	35	6,4	

- Kết quả về thái độ và kỹ năng

Kết quả khảo sát sau thực nghiệm trên cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về chất lượng nhận thức giữa lớp đối chứng (4B) và lớp thực nghiệm (4A) như sau:

+ Điểm Giỏi ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng là 25,7% (40,0% so với 14,3%).

+ Điểm Khá ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng là 14,3% (45,7% so với 31,4%).

+ Điểm Trung bình ở lớp thực nghiệm thấp hơn lớp đối chứng là 22,8% (14,3% so với 37,1%).

+ Điểm Yếu ở lớp thực nghiệm thấp hơn lớp đối chứng là 17,2% (0% so với 17,2%).

Chất lượng dạy học ở lớp thực nghiệm luôn cao hơn lớp đối chứng, điều đó chứng tỏ HS ở lớp thực nghiệm (4A) đã nắm vững kiến thức về thân thể, sự nghiệp của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông cũng như giá trị lịch sử của Miếu Quan Nghè hơn hẳn lớp đối chứng (4B). Sự chênh lệch tích cực về mặt định lượng này một lần nữa khẳng định giả thuyết đề tài đưa ra là hoàn toàn đúng đắn.

Đây là một kết quả hoàn toàn trùng khớp với thực tiễn dạy học ở lớp thực nghiệm. GV đã hướng dẫn, tổ chức cho HS lĩnh hội kiến thức thông qua việc sử dụng nguồn tài liệu về danh nhân Tiến sĩ Đinh Thúc Thông kết hợp chuỗi các hoạt động trải nghiệm thực tế (tham quan di tích, kể chuyện lịch sử, trò chơi Rung chuông vàng) để minh họa, dẫn chứng làm cho bài học thêm sinh động, phong phú và hấp dẫn. Do vậy, không khí học tập tại lớp 4A rất sôi nổi, các em tích cực làm việc với các nguồn tài liệu được GV cung cấp, hăng hái phát biểu xây dựng bài, nên tiếp thu nhanh và sâu sắc kiến thức.

Ngược với lớp thực nghiệm, ở lớp đối chứng (4B), HS tuy ngoan ngoãn, chăm chú nghe giảng nhưng các em chỉ quan sát sách giáo khoa, tranh ảnh trực quan thông thường và nghe cô giáo giảng giải một chiều, dẫn đến việc tham gia xây dựng bài một cách chiếu lệ. Sự tương tác của HS lớp đối chứng rất nhỏ giọt, không khí lớp học trầm lắng, dẫn tới hiệu quả giờ học không cao, HS nhanh quên và dễ nhầm lẫn các sự kiện lịch sử. Kết quả trên đã khẳng định tính khả thi và hiệu quả vượt trội của các biện pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm đã đề xuất trong đề tài khóa luận này.

Như vậy, việc xây dựng và sử dụng hệ thống tài liệu về danh nhân Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong dạy học nội dung Giáo dục địa phương cho HS lớp 4 là rất cần thiết, bởi điều đó sẽ mang lại hiệu quả cao trong giáo dục, giúp HS gắn kết với cội nguồn và góp phần đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học theo tinh thần Chương trình GDPT 2018.

- Đánh giá chung

Qua quá trình thực nghiệm sư phạm tại lớp 4A và lớp 4B của trường Tiểu học Gia Trấn, có thể khẳng định rằng việc sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc

Thông thông qua các Hoạt động trải nghiệm thực tế đã mang lại hiệu quả rõ rệt cả về kiến thức, thái độ và kỹ năng cho HS lớp 4.

Kết quả khảo sát cho thấy HS lớp Thực nghiệm (4A) có mức độ tiếp thu kiến thức cao hơn hẳn so với lớp Đối chứng (4B). Tỷ lệ HS đạt mức Giỏi và Khá của lớp thực nghiệm lên tới 85,7%, trong khi lớp đối chứng chỉ đạt 45,7%. Đặc biệt, lớp thực nghiệm không có HS đạt mức Yếu, điều này chứng tỏ các hoạt động trải nghiệm như Tham quan di tích, Kể chuyện sáng tạo và trò chơi “Rung chuông vàng” đã giúp HS ghi nhớ kiến thức lịch sử địa phương một cách sâu sắc, lâu bền và chính xác hơn.

Bên cạnh hiệu quả về nhận thức, thực nghiệm còn cho thấy sự chuyển biến tích cực về thái độ học tập của HS. Các em tham gia hoạt động với tinh thần hào hứng, chủ động và tích cực hơn so với hình thức học tập truyền thống. Qua việc trực tiếp tìm hiểu tại Miếu Quan Nghè, HS không chỉ hiểu thêm về cuộc đời và sự nghiệp của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông mà còn hình thành tình cảm yêu quý, tự hào đối với quê hương và truyền thống hiếu học của địa phương.

Ngoài ra, các Hoạt động trải nghiệm còn góp phần phát triển nhiều kỹ năng cần thiết cho HS tiểu học như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình trước tập thể và khả năng tự tin bày tỏ ý kiến cá nhân. Hoạt động “Làm sạch không gian di tích” cũng giúp HS nâng cao ý thức giữ gìn, bảo vệ các giá trị văn hóa – lịch sử của quê hương.

Từ kết quả thực nghiệm có thể khẳng định rằng việc sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 là hoàn toàn khả thi và có tính giáo dục cao. Phương pháp này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử địa phương mà còn tạo hứng thú học tập, bồi dưỡng tình yêu quê hương và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS tiểu học. Chương 3 của khóa luận đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ hiện thực hóa lý thuyết lịch sử thành các hành động giáo dục cụ thể. Bám sát các mục tiêu cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đặc điểm tâm lý của HS lớp 4, tôi đã xây dựng và đề xuất ba hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm mang tính ứng dụng cao: Hành trình tham quan di tích, Sân khấu hóa câu chuyện lịch

sử, và Sáng tạo mỹ thuật.

Mỗi hoạt động được thiết kế không phải để tạo ra những hoạt động bề nổi, mà hướng tới chiều sâu của cảm xúc và nhận thức. Kết quả thực nghiệm sư phạm tại Trường Tiểu học xã Gia Trấn (Ninh Bình) và Trường Tiểu học xã Chương Dương (Hà Nội) đã tạo ra những số liệu và phản hồi vô cùng tích cực. Nó phá vỡ định kiến "học lịch sử là khô khan, nhàm chán", minh chứng sức mạnh kỳ diệu của phương pháp học tập trải nghiệm. Việc đưa nhân vật Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vào trường học theo phương pháp mới này không chỉ giúp các em HS có thêm kiến thức, mà còn thắp sáng lên trong các em lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương xứ sở, và tiếp thêm một nguồn nội lực mạnh mẽ để các em nỗ lực vươn lên trong học tập, xứng đáng với truyền thống vẻ vang của cha ông.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của khóa luận đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ hiện thực hóa lý thuyết lịch sử thành các hành động giáo dục cụ thể. Bám sát các mục tiêu cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đặc điểm tâm lý của HS lớp 4, tôi đã xây dựng và đề xuất ba hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm mang tính ứng dụng cao: Hành trình tham quan di tích, Sân khấu hóa câu chuyện lịch sử, và Sáng tạo mỹ thuật.

Mỗi hoạt động được thiết kế không phải để tạo ra những hoạt động bề nổi, mà hướng tới chiều sâu của cảm xúc và nhận thức. Kết quả thực nghiệm sư phạm tại Trường Tiểu học xã Gia Trấn (Ninh Bình) và Trường Tiểu học xã Chương Dương (Hà Nội) đã tạo ra những số liệu và phản hồi vô cùng tích cực. Nó phá vỡ định kiến "học lịch sử là khô khan, nhàm chán", minh chứng sức mạnh kỳ diệu của phương pháp học tập trải nghiệm. Việc đưa nhân vật Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vào trường học theo phương pháp mới này không chỉ giúp các em HS có thêm kiến thức, mà còn thắp sáng lên trong các em lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương xứ sở, và tiếp thêm nguồn nội lực mạnh mẽ để các em nỗ lực vươn lên trong học tập, xứng đáng với truyền thống của cha ông ta.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là một nhân vật lịch sử tiêu biểu của vương triều Lê sơ trong thế kỷ XV, đại diện sáng ngời cho tinh thần hiếu học và ý chí kiên cường vươn lên từ nghịch cảnh. Dù xuất thân bần hàn, trải qua tuổi thơ nhọc nhằn làm con nuôi và đi làm thuê, ông vẫn kiên trì theo đuổi con đường khoa cử chân chính và xuất sắc đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) vào năm 1463 khi mới 22 tuổi.

Trong suốt sự nghiệp quan lộ dưới triều vua Lê Thánh Tông – giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của thời kỳ phong kiến Việt Nam, Đinh Thúc Thông đã chứng minh được tài năng toàn diện trên nhiều phương diện. Từ cương vị của một Nho thần nơi Hàn lâm viện với vốn học vấn uyên bác, một vị Quan độc quyền công tâm tuyển chọn nhân tài cho đất nước, cho đến một Án sát sứ thanh liêm, cương trực giữ nghiêm kỷ luật quân đội nơi biên ải Nghệ An, và sau cùng là bậc đại quan Thượng thư rường cột của triều đình.

Cuộc đời ông không chỉ là minh chứng rõ nét cho chính sách trọng dụng hiền tài, "coi hiền tài là nguyên khí quốc gia" của triều Lê sơ, mà còn để lại những di sản văn hóa, tinh thần sâu sắc. Hình ảnh vị quan tài đức Đinh Thúc Thông đã vượt qua ranh giới địa lý để sống mãi trong tâm thức và sự tri ân của nhân dân ở cả vùng đất quê hương Ninh Bình lẫn quê hương thứ hai tại Hà Nội.

Trên cơ sở nghiên cứu sâu sắc về đời sống, sự nghiệp và những giá trị tinh thần cao đẹp của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, khóa luận đã tiến hành nghiên cứu thực tiễn, thiết kế các hình thức hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại trường Tiểu học Chương Dương (Hà Nội) và trường Tiểu học Gia Trấn (Ninh Bình). Qua quá trình phát triển khai, nghiên cứu đi đến các kết luận cụ thể sau:

Qua quá trình khảo sát thực trạng và xây dựng các hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm, có thể khẳng định rằng việc đưa tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông vào dạy học không chỉ phù hợp với mục tiêu giáo dục lịch sử địa phương trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 mà còn mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với HS tiểu học.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV đều nhận thức được vai trò và sự cần thiết của việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong HĐTN. GV đánh giá các hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử địa phương có khả năng tạo hứng thú học tập, giúp HS tiếp thu kiến thức một cách trực quan, sinh động và dễ ghi nhớ hơn so với hình thức dạy học truyền thống. Đồng thời, các hoạt động này còn góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và ý thức giữ gìn các giá trị lịch sử – văn hóa địa phương cho HS.

Trên cơ sở lí luận và thực tiễn nghiên cứu, đề tài đã xây dựng một số hình thức tổ chức HĐTN phù hợp với đặc điểm tâm lí và nhận thức của HS lớp 4 như: tham quan di tích lịch sử, kể chuyện lịch sử, sân khấu hóa nhân vật lịch sử, trò chơi học tập, hoạt động nhóm, vẽ tranh và các hoạt động sáng tạo khác. Trong đó, hình thức tham quan thực tế tại các di tích gắn với Tiên sĩ Đinh Thúc Thông như Miếu Quan Nghè (xã Gia Trăn) hay Đình Kiều Thị (xã Chương Dương) được đánh giá là hình thức có hiệu quả giáo dục cao nhất bởi HS được trực tiếp quan sát, lắng nghe và trải nghiệm trong không gian văn hóa – lịch sử thực tế của địa phương.

Thông qua các hoạt động trải nghiệm, HS không chỉ được mở rộng hiểu biết về lịch sử quê hương mà còn được rèn luyện nhiều kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, quan sát, ghi chép, trình bày ý kiến và xử lí tình huống. Đặc biệt, việc hóa thân vào nhân vật lịch sử, tham gia kể chuyện hoặc trở thành “hướng dẫn viên nhí” đã giúp HS phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập.

Tuy nhiên, quá trình nghiên cứu cũng cho thấy việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương trong các trường tiểu học hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: thiếu tài liệu phù hợp với HS tiểu học, hạn chế về thời gian và kinh phí tổ chức, kỹ năng tổ chức Hoạt động trải nghiệm của GV còn chưa đồng đều, sự phối hợp giữa nhà trường – gia đình – địa phương đôi khi còn hạn chế. Điều này cho thấy việc tăng cường đầu tư học liệu, tổ chức tập huấn chuyên môn và xây dựng các mô hình Hoạt động trải nghiệm phù hợp là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Từ những kết quả đạt được, có thể khẳng định rằng việc sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong tổ chức HĐTN cho HS lớp 4 là hướng đi phù hợp, có tính khả thi và mang ý nghĩa giáo dục thiết thực. Hướng đi này đáp ứng xuất sắc yêu cầu cần đạt cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí 2018 là học sinh phải kể được câu chuyện về danh nhân địa phương [3, tr.10], đồng thời bám sát định hướng đổi mới phương pháp dạy học thông qua trải nghiệm thực tế tại di tích lịch sử [3, tr.26]. Đây không chỉ là con đường giúp học sinh tiếp cận lịch sử một cách gần gũi mà còn bồi đắp lòng tự hào, tình yêu quê hương đất nước một cách tự nhiên và sâu sắc nhất.

Qua đề tài này, tôi mong muốn góp phần khẳng định vai trò của giáo dục lịch sử địa phương trong nhà trường tiểu học; đồng thời góp phần gìn giữ, lan tỏa những giá trị lịch sử – văn hóa tốt đẹp của quê hương thông qua việc giáo dục thế hệ trẻ hôm nay.

2. Kiến nghị

- Về công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử: Chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý văn hóa tại Ninh Bình cần quan tâm, có kế hoạch hỗ trợ kinh phí để trùng tu, tôn tạo các cơ sở thờ tự liên quan đến ông, tiêu biểu là Miếu Quan Nghè (xã Gia Trán). Đồng thời, cần có sự kết nối với các di tích tại Hà Nội để tạo thành một hệ thống không gian văn hóa tâm linh đồng bộ, vinh danh Tiến sĩ Đinh Thúc Thông.

- Về công tác giáo dục và phát huy truyền thống: Cần sớm đưa nhân vật lịch sử Đinh Thúc Thông vào tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cũng như xã Chương Dương (Hà Nội). Việc tuyên truyền về tấm gương vượt khó học tài, phụng sự đất nước của ông sẽ là chất liệu sinh động để giáo dục truyền thống hiếu học, bồi dưỡng nhân cách và khơi dậy niềm tự hào quê hương cho thế hệ trẻ.

- Về công tác nghiên cứu chuyên sâu: Đề nghị các cơ quan nghiên cứu lịch sử, Hán Nôm tiếp tục tổ chức các đợt điền dã, sưu tầm thêm các nguồn thư tịch cổ, gia phả, sắc phong và bia ký tại các địa phương liên quan. Qua đó, nhằm giải mã và làm sáng tỏ những khoảng trống lịch sử về ông (như xác minh

chính xác năm mất, hoặc cụ thể chức vị Thượng thư ông đảm nhiệm thuộc Bộ nào), từ đó tạo tiền đề tổ chức các hội thảo khoa học chuyên đề nhằm đánh giá toàn diện, xứng tầm hơn về những công hiến của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (cấp Tiểu học)*, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Bùi Ngọc Diệp (2015), “Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (113).
6. Hoàng Văn Định (2018), *Tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS các trường tiểu học huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.
7. Lê Quý Đôn (2007), *Kiến văn tiểu lục* (Viện Sử học dịch), Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Vũ Minh Giang, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên) (2021), *Sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí 6 (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
9. Mai Thị Lê Hải (2020), *Dạy học tích hợp lịch sử, địa lí địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí cho HS tiểu học tỉnh Phú Yên*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Nguyễn Hoàn (Chủ biên), Vũ Miên, Phan Trọng Phiền, Uông Sĩ Lãng (1779), *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* (Bản dịch), Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Trần Thị Thu Hiền (2019), *Sử dụng tài liệu lịch sử địa phương nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn Lịch sử phần Lịch sử Việt Nam - học kỳ I lớp 12*, Sáng kiến kinh nghiệm, Trường THPT Nguyễn Trãi, Thanh Hoá.
12. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2010), *Phương pháp dạy học Lịch sử (Tập 1)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

13. Phan Ngọc Liên (Chủ biên), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2010), *Phương pháp dạy học Lịch sử (Tập 2)*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Luật Di sản văn hóa* (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thuý Nga, Nguyễn Hữu Mùi (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam (1075-1919)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
16. Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên) (2018), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
17. Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên) (2023), *Sách giáo khoa Hoạt động trải nghiệm lớp 4* (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), Nxb Giáo dục Việt Nam.
18. Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên) (2023), *Sách GV Hoạt động trải nghiệm lớp 4* (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), Nxb Giáo dục Việt Nam
19. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025 và thành lập thành phố Hoa Lư thuộc tỉnh Ninh Bình*, Hà Nội.
20. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2025*, Hà Nội.

2/ Website

21. <https://chuongduong.hanoi.gov.vn/thong-tin-can-biet/xa-chuong-duong-nhung-thong-tin-chi-tiet-sau-sap-xep-2799250709085116855.htm> ngày truy cập: ngày 17/12/2025
22. <https://www.vanhoatinnguon.vn/bai-viet/di-tich-lich-su-van-hoa-la-gi-tieu-chi-phan-loai-di-tich-lich-su-van-hoa-31013.html> ngày truy cập: ngày 11/01/2026
23. <https://ninhbinh.gov.vn/dieu-kien-tu-nhien> ngày truy cập: ngày 18/2/2026

24. <https://phatdiem.ninhbinh.gov.vn/cai-cach-hanh-chinh/ubnd-tinh-trien-khai-sap-xep-to-chuc-lai-cac-co-so-giao-duc-mam-non-pho-thong-cap-xa-706.html> ngày truy cập: ngày 19/2/2026
25. <https://ninhbinh.edu.vn/tinh-ninh-binh-sau-sap-nhap-co-quy-mo-hon-953-nghin-hoc-sinh/> ngày truy cập: ngày 19/2/2026
26. <https://laodong.vn/giao-duc/sap-xep-mang-luoi-truong-hoc-o-ninh-binh-khong-de-xao-tron-giua-hoc-ky-1629067.ldo> ngày truy cập: ngày 20/2/2026
27. <https://giatran.ninhbinh.gov.vn/gioi-thieu/gioi-thieu-chung-1.html> ngày truy cập: ngày 6/3/2026

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TÀI LIỆU VỀ TIẾN SĨ ĐÌNH THỨC THÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HS LỚP 4

Kính gửi quý thầy/cô giáo!

Phiếu khảo sát này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đình Thức Thông trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 tại trường tiểu học. Kết quả khảo sát là cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp và hình thức tổ chức Hoạt động trải nghiệm phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử địa phương theo định hướng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Kính mong quý thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc ghi câu trả lời vào chỗ trống. Mọi thông tin thu thập được chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học và hoàn toàn được bảo mật.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy/cô!

I. THÔNG TIN CHUNG

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:
2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ
3. Trường công tác:
4. Thâm niên công tác:
☐ Dưới 5 năm ☐ 5-10 năm ☐ 10-15 năm ☐ 15-20 năm ☐ Trên 20 năm

PHẦN II: NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo thầy/cô, việc sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4 là:

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Bình thường
- ☐ Không cần thiết

Câu 2. Mức độ hiểu biết của thầy/cô về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là:

- ☐ Rất rõ
- ☐ Khá rõ
- ☐ Biết sơ lược
- ☐ Chưa biết

Câu 3. Thầy/cô có thường xuyên sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm không?

- ☐ Thường xuyên
- ☐ thỉnh thoảng
- ☐ Hiếm khi
- ☐ Chưa bao giờ

Câu 4. Thầy/cô thường sử dụng những nguồn tài liệu nào khi tổ chức hoạt động về nhân vật lịch sử địa phương (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Sách giáo khoa
- ☐ Tài liệu lịch sử địa phương
- ☐ Internet
- ☐ Tài liệu sưu tầm
- ☐ Video, hình ảnh tài liệu
- ☐ Khác:

Câu 5. Thầy/cô thường sử dụng những hình thức hoạt động trải nghiệm nào khi tổ chức cho HS tìm hiểu nhân vật lịch sử địa phương?

(Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Kể chuyện lịch sử
- ☐ Tham quan di tích lịch sử
- ☐ Sân khấu hóa nhân vật lịch sử
- ☐ Vẽ tranh, hoạt động sáng tạo
- ☐ Hoạt động nhóm

☐ Trò chơi học tập

☐ Khác:

Câu 6. Theo thầy/cô, mức độ hứng thú của HS đối với các hoạt động trải nghiệm gắn với lịch sử địa phương là:

☐ Rất hứng thú

☐ Hứng thú

☐ Bình thường

☐ Không hứng thú

Câu 7. Theo thầy/cô, việc sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong Hoạt động trải nghiệm mang lại hiệu quả như thế nào đối với HS?

☐ Rất hiệu quả

☐ Hiệu quả

☐ Ít hiệu quả

☐ Không hiệu quả

☐ Thiếu sự hỗ trợ từ nhà trường và phụ huynh

☐ Khác:

Câu 8. Mức độ khó khăn khi tổ chức hoạt động trải nghiệm gắn với Lịch sử địa phương là:

☐ Rất khó

☐ Khó

☐ Bình thường

☐ Dễ

Câu 9. Thầy/cô gặp những khó khăn nào khi tổ chức các Hoạt động trải nghiệm gắn với nhân vật lịch sử địa phương?

(Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Thiếu tài liệu phù hợp

☐ Thiếu thời gian tổ chức

- ☐ Thiếu kinh phí tổ chức hoạt động
- ☐ Thiếu kỹ năng tổ chức các Hoạt động trải nghiệm
- ☐ HS chưa thực sự chủ động, tích cực
- ☐ Thiếu sự hỗ trợ từ nhà trường và phụ huynh
- ☐ Khác:

Câu 10. Thầy/cô mong muốn được hỗ trợ những nội dung nào để nâng cao hiệu quả tổ chức Hoạt động trải nghiệm? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Tài liệu giảng dạy
- ☐ Kịch bản tổ chức Hoạt động trải nghiệm
- ☐ Tập huấn chuyên môn
- ☐ Tổ chức tham quan thực tế
- ☐ Học liệu điện tử, video minh họa
- ☐ Khác:

Câu 11. Theo thầy/cô, hình thức hoạt động nào phù hợp nhất với HS lớp 4 khi tìm hiểu lịch sử địa phương?

- ☐ Tham quan thực tế
- ☐ Kể chuyện lịch sử
- ☐ Sân khấu hóa
- ☐ Hoạt động sáng tạo
- ☐ Trò chơi học tập

Câu 12. Thầy/cô có đề xuất gì nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông trong Hoạt động trải nghiệm cho HS lớp 4?

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý thầy/cô!

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH DẠY HỌC (TIẾT THỰC NGHIỆM)
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4

Chủ đề: Quê hương em tươi đẹp

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giáo dục địa phương

Tên bài dạy thực hành: Hành trình tìm hiểu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông

Ngày soạn: 20/02/2026

Người soạn: Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS nắm được những thông tin về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp cho quê hương, đất nước của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.
- Trình bày được những thông tin cơ bản về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.
- Biết cách quan sát hiện vật.
- Hiểu được giá trị của Miếu Quan Nghè.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe GV thuyết minh; chủ động trao đổi, thảo luận các bạn trong nhóm để hoàn thành kế hoạch và chuẩn bị nội dung thuyết trình sau chuyến đi.
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập (quan sát, ghi chép) tại không gian di tích; biết cách tự động tìm kiếm thông tin trên các chỉ dẫn trong bảng hoặc qua lời kể của nhân chứng, hướng dẫn viên.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng những hiểu biết của bản thân để trả lời các câu hỏi.

2.2. Năng lực đặc thù

- Năng lực tìm hiểu lịch sử và văn hóa địa phương: HS bước đầu biết khai thác thông tin từ di tích lịch sử, hiện vật, lời thuyết minh và tư liệu trực quan để tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông cũng như giá trị lịch sử của Miếu Quan Nghè.

- Năng lực tham gia hoạt động trải nghiệm: HS tích cực tham gia các hoạt động tham quan, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày kết quả sau trải nghiệm; biết thực hiện đúng nội quy tại khu di tích lịch sử.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Khơi dậy lòng tự hào về truyền thống khoa bảng của quê hương Gia Trần; có ý thức bảo vệ và giữ các di tích lịch sử tại địa phương.

- Chăm chỉ: Hình thành ý chí học tập noi gương Tiến sĩ Đinh Thúc Thông – một tấm gương sáng về sự nỗ lực, bền bỉ vượt qua nghịch cảnh để thành tài.

- Trách nhiệm: Tuân thủ các quy định tại di tích (không làm ồn, không vứt rác bừa bãi, giữ thái độ tôn trọng).

4. Nội dung tích hợp

- Giáo dục lịch sử địa phương.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Phương pháp, kỹ thuật dạy học

- Phương pháp: trực quan, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình, trò chơi học tập,...

2. Đồ dùng dạy học

- GV: Tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, kế hoạch bài dạy, bộ câu hỏi trong phần thi “Rung chuông vàng”,..

- HS: bút, vở, bảng con, phấn...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - Mục tiêu: Tạo hứng thú, phần khởi cho HS. - Cách tiến hành:	
- Khi tới Miếu Quan Nghè, GV tập trung HS trước cổng Miếu và cho HS múa hát theo bài “Quê hương tươi đẹp	- HS tập trung trước cổng Miếu và múa hát.

(Dân ca Nùng). - GV dẫn dắt: Quê hương Ninh Bình mình không chỉ có đồng lúa xanh, hàng cây đẹp như trong bài hát, mà còn có những người thầy, những vị vĩ nhân học rộng tài cao như cụ Đinh Thúc Thông. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng vào Miếu Quan Nghè tham quan và tìm hiểu về cụ nhé!"	-HS lắng nghe.
2. Khám phá chủ đề - Mục tiêu: - HS nắm được những thông tin về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp cho quê hương, đất nước của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông. - Trình bày được những thông tin cơ bản về Đinh Thúc Thông. - Biết cách quan sát hiện vật. - Hiểu được giá trị của Miếu Quan Nghè. - Cách tiến hành:	
-GV hướng dẫn HS xếp hàng ngay ngắn, chỉnh đốn trang phục và tiến hành dâng hương. - GV cùng với người trông coi Miếu Quan Nghè kể cho HS nghe về tiểu sử, sự nghiệp, những đóng góp của Đinh Thúc Thông đồng thời yêu cầu HS ghi chép lại. - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và đi tham quan xung quanh di tích. - GV yêu cầu thảo luận nhóm 7 người	- HS dâng hương. -HS lắng nghe. -HS đi tham quan xung quanh di tích. -HS thực hiện nhiệm vụ.

và yêu cầu HS tự đóng vai là một "hướng dẫn viên nhí" để kể lại câu chuyện về Đinh Thúc Thông cho bạn bè trong nhóm nghe. Sau đó các nhóm sẽ chọn 1-2 bạn kể chuyện hay và tốt nhất nhóm để đại diện lên thi kể chuyện về vị Tiến sĩ quê hương. - GV nhận xét. tuyên dương.	
3. Tổng kết, mở rộng - Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức về Đinh Thúc Thông để trả lời các câu hỏi. - Cách tiến hành:	
-GV tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng”. - GV phổ biến luật chơi: Mỗi HS sẽ được phát một bảng con để ghi đáp án cho các câu hỏi liên quan đến Tiến sĩ Đinh Thúc Thông (gồm 10 câu hỏi). Sau khi GV đọc câu hỏi, HS có thời gian 10 giây suy nghĩ và ghi câu trả lời vào bảng. Khi có hiệu lệnh, tất cả HS đồng loạt giơ bảng đáp án. HS trả lời sai hoặc không có đáp án sẽ tạm dừng cuộc chơi và trở thành khán giả cổ vũ cho các bạn còn lại. Trò chơi tiếp tục cho đến khi tìm được HS cuối cùng trả lời đúng tất cả các câu hỏi. HS đó sẽ được gọi là “Trạng nguyên nhí” và được quyền lên rung “Chuông vàng”	-HS lắng nghe luật chơi và tích cực tham gia chơi.

tại Miếu. Trong quá trình tham gia trò chơi, HS cần giữ trật tự, không nhắc bài hoặc trao đổi đáp án với bạn để đảm bảo tính công bằng của cuộc thi. - Sau khi tìm ra được “Trạng nguyên nhí”- người chiến thắng của trò chơi “Rung chuông vàng”, GV sẽ phát phần thưởng cho HS và cho HS rung chuông vàng tại Miếu. - GV nhận xét, đánh giá buổi tham quan.	- HS lắng nghe.
4. Cam kết hành động - Mục tiêu: HS biết bảo vệ, giữ gìn di tích. - Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn, tổ chức cho HS “Làm sạch không gian di tích”. - GV hướng dẫn và cùng các HS nhặt rác, quét lá trong sân Miếu,... nhằm bảo vệ, giữ gìn di tích lịch sử. - GV dặn dò, giao phiếu bài tập cho HS về nhà làm - GV tập trung, tổ chức đưa HS về trường, nhà.	-HS dọn dẹp vệ sinh.

III. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 3

KẾ HOẠCH DẠY HỌC (TIẾT ĐỐI CHỨNG)

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4

Chủ đề: Quê hương em tươi đẹp

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giáo dục địa phương

Tên bài dạy thực hành: Hành trình tìm hiểu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông

Ngày soạn: 20/02/2026

Người soạn: Đỗ Đoàn Mỹ Huyền

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- HS nắm được những thông tin về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp cho quê hương, đất nước của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.
- Trình bày được những thông tin cơ bản về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe GV thuyết minh; chủ động trao đổi, thảo luận các bạn trong nhóm để hoàn thành kế hoạch
- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác thực hiện các nhiệm vụ học

2.2. Năng lực đặc thù

- Năng lực tìm hiểu lịch sử địa phương: HS bước đầu biết khai thác thông tin từ tranh ảnh, tư liệu và lời giới thiệu của giáo viên để tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông đối với quê hương, đất nước.
- Năng lực quan sát và nhận xét tranh ảnh lịch sử: HS biết quan sát tranh ảnh, hiện vật, tư liệu trực quan; nhận biết và nêu được những đặc điểm tiêu biểu liên quan đến Tiên sĩ Đinh Thúc Thông và di tích Miếu Quan Nghè.
- Năng lực trình bày và chia sẻ hiểu biết: HS biết trao đổi, thảo luận nhóm và trình bày những điều đã tìm hiểu được về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông thông qua hoạt động học tập trên lớp.

3. Phẩm chất

- Yêu nước: Khơi dậy lòng tự hào về truyền thống khoa bảng của quê hương Gia Trần; có ý thức bảo vệ và giữ các di tích lịch sử tại địa phương.
- Chăm chỉ: Hình thành ý chí học tập noi gương Tiến sĩ Đinh Thúc Thông – một tấm gương sáng về sự nỗ lực, bền bỉ vượt qua nghịch cảnh để thành tài.

4. Nội dung tích hợp

- Giáo dục lịch sử địa phương.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Phương pháp, kỹ thuật dạy học

- Phương pháp: trực quan, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình,..

2. Đồ dùng dạy học

- GV: Tài liệu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông, kế hoạch bài dạy, các hình ảnh về Đinh Thúc Thông,..
- HS: bút, vở,..

III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động: - Mục tiêu: Tạo hứng thú, phần khởi cho HS. - Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS múa hát theo bài “Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng). - GV dẫn dắt: Quê hương Ninh Bình mình không chỉ có đồng lúa xanh, hàng cây đẹp như trong bài hát, mà còn có những người thầy, những vị vĩ nhân học rộng tài cao như cụ Đinh Thúc Thông. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về cụ và nơi thờ tụng của cụ - Miếu Quan Nghè!"	- HS múa hát. - HS lắng nghe

2. Khám phá chủ đề - Mục tiêu: - HS nắm được những thông tin về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp cho quê hương, đất nước của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông. - Trình bày được những thông tin cơ bản về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông. - Cách tiến hành:	
- GV chiếu các bức tranh về Miếu Quan Nghè và đồ HS: + Miếu Quan Nghè thờ vị danh nhân nào? - GV gọi 1 số HS trả lời - GV gọi HS nhận xét - GV nhận xét, kết luận: + Miếu Quan Nghè thờ Tiến sĩ Đinh Thúc Thông - GV giới thiệu cho HS về Miếu Quan Nghè - GV thuyết trình cho HS về tiểu sử, sự nghiệp và những đóng góp của Đinh Thúc Thông đối với quê hương, đất nước - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 7 để cùng nhau kể lại về cuộc đời Đinh Thúc Thông - GV gọi các nhóm lên thuyết trình - GV nhận xét, tuyên dương	- HS quan sát tranh - HS trả lời - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS lắng nghe - HS thực hiện nhiệm vụ
3. Tổng kết, mở rộng - Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về Đinh Thúc Thông để trả lời các câu hỏi.	

- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia trả lời các câu hỏi trong cuộc thi “Rung chuông vàng” trên lớp. - GV phổ biến luật chơi: Mỗi HS sẽ được phát một bảng con để ghi đáp án cho các câu hỏi liên quan đến Tiến sĩ Đinh Thúc Thông (gồm 10 câu hỏi). Sau khi GV đọc câu hỏi, HS có thời gian 10 giây suy nghĩ và ghi câu trả lời vào bảng. Khi có hiệu lệnh, tất cả HS đồng loạt giơ bảng đáp án. HS trả lời sai hoặc không có đáp án sẽ tạm dừng cuộc chơi và trở thành khán giả cổ vũ cho các bạn còn lại. Trò chơi tiếp tục cho đến khi tìm được HS cuối cùng trả lời đúng tất cả các câu hỏi. HS đó sẽ được gọi là “Trạng nguyên nhí” và sẽ được nhận bông hoa điểm 10. Trong quá trình tham gia trò chơi, HS cần giữ trật tự, không nhắc bài hoặc trao đổi đáp án với bạn để đảm bảo tính công bằng của cuộc thi. - GV tổ chức cho HS tham gia trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS tích cực tham gia trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe.
4. Cam kết hành động - Mục tiêu: HS biết bảo vệ và giữ gìn di tích.	

- Cách tiến hành:	
- GV hỏi HS: + Em hãy cho biết Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là nhân vật lịch sử quê ở đâu? + Sau khi học bài, em rút ra được bài học hoặc điều em yêu thích nhất về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là gì? + Để bảo vệ, giữ gìn di tích thì em cần làm gì? - GV gọi 1 số HS trả lời - GV gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, kết luận. - GV nhận xét giờ học. - GV củng cố dặn dò và phát phiếu bài tập cho HS về làm.	- HS lắng nghe các câu hỏi. -HS trả lời: + Tiến sĩ Đinh Thúc Thông là nhân vật lịch sử quê ở xã Gia trấn (Ninh Bình) và xã Chương Dương (Hà Nội). + Sau bài học, em rút ra bài học là: phải cố gắng vượt khó, chăm chỉ học hành. + Để bảo vệ, giữ gìn di tích, em cần thường xuyên dọn dẹp di tích, không vứt rác, vẽ bằn lên tường,.. - HS nhận xét. - HS lắng nghe.

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 4

Bộ câu hỏi trong trò chơi Rung chuông vàng

(gồm 10 câu hỏi và kèm đáp án đúng):

Câu 1: Khi còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình Đinh Thúc Thông như thế nào?

- A. Gia đình có điều kiện
- B. Gia đình nghèo khó
- C. Gia đình giàu có
- D. Gia đình tri thức nghèo

Đáp án: B

Câu 2: Thông tin nào sau đây là đúng về ngài Đinh Thúc Thông?

- A. Ông sinh năm 1442 tại Gia Trấn, Ninh Bình.
- B. Ông sinh năm 1442 tại Vũ Lăng, Thường Tín
- C. Ông sinh năm 1422 tại Gia Trấn, Ninh Bình
- D. Ông sinh năm 1422 tại Vũ Lăng, Thường Tín

Đáp án: A

Câu 3: Miếu Quan Nghè ở Gia Trấn được xếp hạng Di tích cấp tỉnh vào năm nào?

- A. 2018
- B. 2015
- C. 2012
- D. 2021

Đáp án: C

Câu 4: Lễ hội tri ân Tiến sĩ Đinh Thúc Thông ở Gia Trấn được tổ chức vào ngày nào?

- A. 15/10 dương lịch
- B. 5/10 âm lịch
- C. 10/5 dương lịch
- D. 15/10 âm lịch

Đáp án: D

Câu 5: Chức quan đầu tiên của Đinh Thúc Thông sau khi đỗ đạt là gì?

- A. Thượng Thư
- B. Hàn Lâm Viện Hiệu Lý
- C. Án sát sứ Nghệ An
- D. Trục học sĩ

Đáp án: B

Câu 6: Đinh Thúc Thông đỗ Tiến sĩ khi nào?

- A. Khi ông 22 tuổi, năm 1442
- B. Khi ông 22 tuổi, năm 1643
- C. Khi ông 22 tuổi, năm 1464
- D. Khi ông 22 tuổi, năm 1463

Đáp án: D

Câu 7: Danh hiệu "Hoàng giáp" của Đinh Thúc Thông tương đương với hạng mấy trong kỳ thi?

- A. Đệ nhất giáp
- B. Đệ nhị giáp
- C. Đệ tam giáp
- D. Đệ tứ giáp

Đáp án: B

Câu 8: Vị vua nào đã trực tiếp ra đề thi cho Đinh Thúc Thông?

- A. Vua Lê Hiến Tông
- B. Vua Lê Thái Tông
- C. Vua Lê Thánh Tông
- D. Vua Lê Nhân Tông

Đáp án: C

CÂU 9: Tên của Đinh Thúc Thông được khắc trên bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử Giám vào năm nào?

- A. 1463
- B. 1484
- C. 1494
- D. 1483

Đáp án: A

Câu 10: Việc ngày nay, HS Gia Trần được tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông có ý nghĩa quan trọng nhất là gì?

A. Các em sẽ học giỏi hơn

B. Giúp các em biết thêm một câu chuyện lịch sử

C. Khơi dậy lòng tự hào về truyền thống quê hương, nuôi dưỡng ý chí vượt khó và tinh thần hiếu học

D. Phục vụ cho kỳ thi

Đáp án: C

Phụ lục 5

PHIẾU BÀI TẬP HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4

Chủ đề: Quê hương em tươi đẹp

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giáo dục địa phương

Tên bài dạy thực hành: Hành trình tìm hiểu về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông

(Dành cho HS lớp 4A và lớp 4B)

Họ và tên:

Lớp:

PHẦN 1: NHÀ SỬ HỌC NHÍ

Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất dựa trên những gì em đã quan sát và nghe thuyết minh:

Câu 1: Tiến sĩ Đinh Thúc Thông sinh ra trong một gia đình có hoàn cảnh như thế nào?

- A. Gia đình giàu có, quyền quý.
- B. Gia đình nghèo khó nhưng giàu lòng học.
- C. Gia đình làm nghề buôn bán.
- D. Gia đình phú ông.

Câu 2: Năm 1463, ông đã đỗ danh hiệu gì dưới thời vua Lê Thánh Tông?

- A. Trạng nguyên.
- B. Bảng nhãn.
- C. Hoàng giáp (Tiến sĩ Đệ nhị giáp).
- D. Thám Hoa

Câu 3: Di tích Miếu Quan Nghè đã được xếp hạng là di tích lịch sử cấp nào?

- A. Cấp Quốc Gia.
- B. Cấp Tỉnh.
- C. Cấp Xã.
- D. Cấp Thành phố.

PHẦN 2: PHÓNG VIÊN NHÍ

Hãy trả lời ngắn gọn các câu hỏi sau:

Câu 1: Kể tên 3 vật hoặc chi tiết kiến trúc mà em ấn tượng của Miếu Quan Nghè.

.....

.....

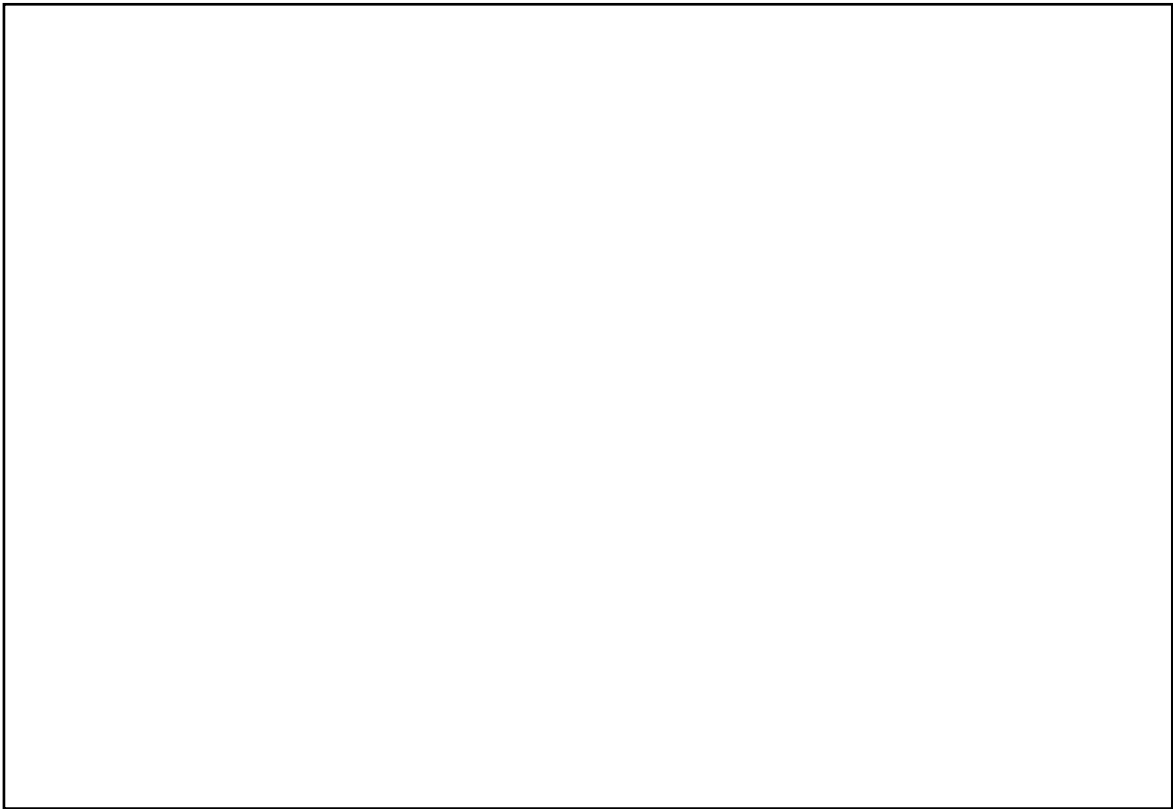
Câu 2: Kể tên 3 tính từ để nói về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông.

.....

.....

PHẦN 3: HỌA SĨ NHÍ

Hãy vẽ lại một hình ảnh em yêu thích nhất tại di tích (ví dụ: cổng Miếu, văn bia,...) vào khung dưới đây:



PHẦN 4: THÔNGIỆP GỬI TIỀN NHÂN

Sau khi tìm hiểu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông, em sẽ hứa điều gì với cụ để xứng đáng là người con của quê hương Gia Trấn?

.....

.....

Phụ lục 6

HƯỚNG DẪN CHẤM PHIẾU BÀI TẬP PHIẾU BÀI TẬP HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4

Chủ đề: Quê hương em tươi đẹp

Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Giáo dục địa phương

Tên bài dạy thực hành: Hành trình tìm hiểu về Tiên sĩ Đinh Thúc Thông

(Dùng để đánh giá kết quả nhận thức và thái độ của HS sau thực nghiệm)

PHẦN 1: NHÀ SỬ HỌC NHÍ (3,0 ĐIỂM)

Mỗi câu trả lời đúng đạt 1,0 điểm.

Câu 1: Đáp án đúng: B. Gia đình nghèo khó nhưng giàu lòng học.

Câu 2: Đáp án đúng: C. Hoàng giáp (Tiên sĩ Đệ nhị giáp).

Câu 3: Đáp án đúng: B. Cấp tỉnh.

PHẦN 2: PHÓNG VIÊN NHÍ (2,0 ĐIỂM)

Câu 1 (1,0đ): HS kể tên đúng 3 chi tiết kiến trúc hoặc đồ vật (Ví dụ: Bia đá, sắc phong, ban thờ, hoành phi, câu đối, cổng tam quan, cây cổ thụ trong sân miếu...).

-Kể đúng 3 chi tiết: 1,0đ.

-Kể đúng 1-2 chi tiết: 0,5đ.

Câu 2 (1,0đ): Ghi được các tính từ phù hợp với nhân vật (Ví dụ: Chăm chỉ, tài giỏi, thanh liêm, nghị lực, đức độ...).

-Đúng ít nhất 2 tính từ: 1,0đ.

PHẦN 3: HỌA SĨ NHÍ (3,0 ĐIỂM)

Đánh giá dựa trên sự quan sát và nỗ lực của HS:

Mức Tốt (2,5 - 3,0đ): Hình vẽ rõ ràng, được nhận biết đặc điểm của di tích (vẽ được trang trí thoải mái, bia đá hoặc cổng miếu), có đầu tư về chi tiết hoặc màu sắc.

Mức Khá (1,5 - 2,0đ): Hình vẽ có nội dung liên quan đến buổi tham quan nhưng nét vẽ còn đơn giản, chưa rõ cụ thể.

Mức Trung bình (1,0đ): Có vẽ nhưng hình ảnh còn nguệch ngoạc, chưa thể xác định được nội dung di tích.

PHẦN 4: THÔNGIỆP GỬI TIỀN NHÂN (2,0 ĐIỂM)

Đánh giá dựa trên thái độ và tình cảm:

Mức Tốt (1,5 - 2,0đ): Lời hứa chân thành, thiết thực (Ví dụ: hứa chăm chỉ học tập để xây dựng quê hương, hứa sẽ giữ vệ sinh khi đến miếu, hứa sẽ kể cho bạn bè nghe về cụ...). Câu văn mạch lạc, giàu cảm xúc.

Mức Đạt (0,5 - 1,0đ): Lời hứa còn chung chung (ví dụ: hứa học giỏi), câu văn chưa hoàn chỉnh.

Thang điểm bài kiểm tra

Căn cứ vào những mức độ đã đề ra trong tiêu chí, tôi đưa ra thang điểm bài kiểm tra và xếp loại như sau:

Mức giao động điểm	Xếp loại
9 - 10	Giỏi
7 - 8	Khá
5 - 6	Trung bình
Dưới 5	Yếu

Phụ lục 7
KỊCH BẢN SÂN KHẤU HÓA:
ÁNH SÁNG TỪ VỎ TRÚNG ĐOM ĐÓM
Dành cho HS lớp 4
(Thời lượng dự kiến: 7 - 10 phút)

I. PHÂN VAI VÀ CHUẨN BỊ

1. Nhân vật (5 - 6 HS):

- Người dẫn truyện (MC): Giọng to, rõ ràng, truyền cảm (Mặc đồng phục trường).
- Cậu bé Đình Thúc Thông: Khoảng 9-10 tuổi. Tính cách ngoan ngoãn, ham học. (trang phục: áo nâu sòng, quần xắn gấu, đi chân đất hoặc dép mộc).
- Phú ông (Chủ nhà): Dáng vẻ oai vệ, hay quát tháo nhưng không độc ác. (trang phục: áo lụa dài, đội mũ, tay cầm quạt giấy).
- Thầy đồ: Điềm đạm, hiền từ. (trang phục: áo the thâm, khăn xếp, có chòm râu giả).
- Học trò (1-2 em): Con nhà khá giả. (trang phục: áo dài the, cầm sách).

2. Đạo cụ (Để làm, thân thiện môi trường):

- Một chiếc chổi rế (chổi tre).
- Một cành cây nhỏ (hoặc que củi) để viết chữ.
- Đạo cụ đắt giá nhất - "Vỏ trứng đom đóm": Dùng một quả bóng bàn đục lỗ nhỏ, cho một chiếc đèn LED mini (loại dùng pin cúc áo) vào trong để phát sáng nhấp nháy, buộc thêm sợi dây thun để cầm.
- Một chiếc chiếu cói nhỏ và vài cuốn sách cũ.

II. TIẾN TRÌNH VỞ KỊCH

1. Mở màn

- Nhạc nền dân gian nhẹ nhàng cất lên
- Người dẫn truyện bước ra giữa sân khấu: “Kính thưa các thầy cô giáo và các bạn! Thế kỷ 15, dưới thời vua Lê Thánh Tông, đất nước ta thái bình thịnh trị, việc học hành được đề cao hơn bao giờ hết. Lúc bấy giờ, tại vùng đất Thường

Tín (nay thuộc xã Chương Dương, Hà Nội), có một cậu bé nghèo quê gốc ở Gia Trấn, Ninh Bình phải đi làm thuê kiếm sống. Nhưng cái nghèo không ngăn được khát vọng vươn lên của cậu. Mời quý vị và các bạn cùng đón xem trích đoạn kịch: "Ánh sáng từ vỏ trứng đom đóm" kể về tuổi thơ của Tiến sĩ Đinh Thúc Thông!"

- Sau đó người dẫn truyện lùi vào trong và vở kịch bắt đầu:

Cảnh 1: Lớp học nhà phú ông

Bối cảnh: Trên sân khấu trải một chiếc chiếu. Thầy đồ ngồi vuốt râu. Hai học trò đang ngồi khoanh chân, tay cầm sách đưng đưa đọc. Bên rìa sân khấu, cậu bé Thông đang cầm chổi quét rác, nhưng mắt cứ nhìn chăm chăm vào lớp học, tay thỉnh thoảng cầm chổi vạch vạch xuống đất bắt chước viết chữ.

Thầy đồ gõ thước xuống chiếu và nói:

-Các trò đọc lại theo thầy! Nhân chi sơ, tính bản thiện!

Học trò đồng thanh:

- Nhân chi sơ, tính bản thiện!

Thầy đồ:

- Câu này có nghĩa là: Con người sinh ra, bản tính ban đầu vốn dĩ rất tốt đẹp.

Lúc này, Cậu bé Thông mãi nghe quá, đánh rơi chiếc chổi "Cạch" xuống sàn. Phú ông từ trong cánh gà bước ra, phe phẩy quạt, vẻ mặt khó chịu. Phú ông quát lớn:

- Thằng Thông kia! Mày làm thuê hay mày đứng chơi đấy hả? Nhà tao trả gạo cho mày để mày đi quét sân hay để mày đứng nghe lỏm chữ?

Cậu bé Thông lắp bắp, cúi đầu:

- Dạ... bẩm ông... con thấy chữ của thầy đồ đẹp quá, lời thầy dạy hay quá nên con lơ mãi xem ạ. Xin ông tha cho con.

Phú ông gằn giọng:

- Chữ với nghĩa! Phận làm kẻ ở như mày thì học chữ làm gì cho nhọc thân! Quét sạch cái sân rồi vào bằm bèo cho lợn nhanh lên! Đêm nay chưa xong thì nhịn cơm!

Cậu bé Thông khoanh tay và nói:

- Dạ vâng thưa ông...

Phú ông đi vào. Thầy đồ nhìn theo cậu bé Thông, khẽ gật gù, ánh mắt đầm chiêu, thương xót. Cậu bé Thông lúi húi quét sân rồi ôm chổi đi vào.

Cảnh 2: Đêm khuya thanh vắng

Bối cảnh: Đèn sân khấu tắt bớt, chỉ để ánh sáng mờ ảo màu xanh dương, tạo cảnh đêm tối. Tiếng dế kêu râm ran. Cậu bé Thông bước ra, trên tay cầm vỏ trứng đom đóm. Cậu ngồi sụp xuống nền đất, nét mặt vui mừng:

- May quá! Bắt được mấy chú đom đóm bỏ vào vỏ trứng rồi. Ánh sáng này đủ để mình học chữ.

Nói rồi, Thông đặt vỏ trứng đom đóm xuống cạnh mình, dùng cành cây hì hục vạch xuống đất. Cậu bé Thông vừa viết vừa lẩm bẩm đọc:

- Nét này... kéo xuống đây... Nhân chi sơ, tính bản thiện... Mình phải cố gắng học. Chỉ có con đường học chữ mới giúp mình thoát nghèo, mới làm rạng danh dòng họ Đình quê hương Gia Trấn của mình. Mẹ ở quê chắc đang vất vả lắm...

Thông tiếp tục miệt mài vạch chữ xuống đất, thỉnh thoảng đưa vỏ trứng sát xuống đất để nhìn cho rõ).

Cảnh 3: Người thầy có tâm

Bối cảnh: Thầy đồ đi dạo đêm, tay cầm chiếc gậy nhỏ, từ từ bước ra sân khấu. Thầy đồ Nói thầm:

- Đêm khuya thanh vắng, sương rơi lạnh buốt thế này, góc vườn đằng kia có ánh sáng gì nhấp nháy lạ thế nhỉ?

Thầy đồ bước rón rén lại gần Cậu bé Thông. Thầy nhìn xuống đất, giật mình kinh ngạc. Thầy đồ:

- Ôi! Chữ viết nét nào ra nét nấy, vuông vức, có lực lắm! Này cậu bé, trò đang làm gì thế?

Cậu bé Thông giật mình, đánh rơi que củi, vội vàng đứng lên khoanh tay:

- Ôi! Bẩm thầy... con... con đang luyện chữ ạ. Nhà nghèo không có tiền mua dầu thắp sáng, cũng chẳng có giấy bút, con đành bắt đom đóm cho vào vỏ

trứng để lấy ánh sáng, rồi dùng que củi vạch xuống đất thay bút ạ. Xin thầy đừng mách phú ông...

Thầy đồ đưa tay xoa đầu Thông:

- Ta không mách phú ông đâu! Con nhà nghèo mà có chí khí như ông này, chịu khó như ông này... thật hiếm có! Khí chất này ắt sau này làm nên nghiệp lớn, trở thành rường cột của quốc gia!

Cậu bé Thông ngược lên nhìn thầy:

- Dạ... bẩm thầy... nhưng con là thân đi làm thuê... làm sao được đi học ạ?

Thầy đồ cười hiền từ:

- Khó khăn thử thách chỉ là ngọn lửa thử vàng! Bắt đầu từ ngày mai, lúc nào quét xong sân, con cứ việc vào hiên nhà đứng nghe ta giảng. Ta sẽ nhận con làm học trò, không lấy một đồng tiền gạo nào cả!

Cậu bé Thông quỳ xuống bái lạy:

- Ôi, con tạ ơn thầy! Con thề sẽ dùi mài kinh sử, không phụ lòng chỉ dạy của thầy ạ!

Thầy đồ đỡ cậu bé dậy. Hai thầy trò cùng nhìn về phía xa, ánh đèn sân khấu bừng sáng rực rỡ.

1. Kết Màn

- Tất cả diễn viên xếp hàng ngang trên sân khấu. Người dẫn truyện bước ra đứng giữa).

- Người dẫn truyện: “Kính thưa quý vị, nhờ ánh sáng từ vở trứng đom đóm năm xưa và tấm lòng của người thầy giáo làng, cậu bé nghèo Đinh Thúc Thông đã làm nên kỳ tích. Năm 1463, khi mới 22 tuổi, ông đã đỗ Hoàng giáp, được ghi danh trên bảng vàng triều Lê Thánh Tông và làm quan đến chức Thượng thư, hết lòng vì nước vì dân. Câu chuyện của Tiên sĩ Đinh Thúc Thông không chỉ là niềm tự hào của quê hương Gia Trấn, Ninh Bình mà còn là dấu ấn văn hóa sâu đậm của đất Chương Dương, Hà Nội. Thế hệ HS lớp 4 chúng ta hôm nay được ngồi trong trường lớp khang trang, có điện sáng, có sách đẹp, chúng

ta xin hứa sẽ noi gương cụ Đình Thúc Thông, nỗ lực học tập để xây dựng quê hương đất nước!”

- Tất cả diễn viên đồng thanh, vung tay quyết tâm: “Chúng em xin hứa!”

- Nhạc dân gian nổi lên vui nhộn. Các diễn viên cúi chào khán giả. Kết thúc vở kịch.

*** Hướng dẫn ứng dụng thực tế cho GV**

- Về mặt đạo diễn: GV không cần yêu cầu HS diễn quá chuyên nghiệp, chủ yếu khuyến khích các em bộc lộ cảm xúc tự nhiên, nói to, đồng dục.

- Về mặt tích hợp: Kịch bản này đã lồng ghép đầy đủ các từ khóa lịch sử quan trọng trong Chương 2 như: xã Gia Trấn, xã Chương Dương, Hoàng giáp năm 1463, chức Thượng thư, triều Lê Thánh Tông. Qua việc đóng kịch, HS không chỉ được trải nghiệm cảm xúc mà còn thuộc lòng các dữ kiện lịch sử một cách thụ động, đáp ứng hoàn hảo mục tiêu Phát triển năng lực và phẩm chất của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Phụ lục 8

Một số hình ảnh di tích liên quan đến Tiến sĩ Đinh Thúc Thông



Hình 1: Bia đá ghi tên Văn bia đề danh Tiến sĩ khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận năm thứ 4 (1463) tại Văn Miếu Quốc Giám (Hà Nội)

(Nguồn: Tác giả chụp, ngày 2/5/2026)



Hình 2: Miếu Quan Nghè thờ Tiến sĩ Đinh Thúc Thông tại xã Gia Trăn (Ninh Bình)

(Nguồn: Người dân xã Gia Trăn cung cấp)



Hình 3: Đình Kiều Thị tại xã Chương Dương (Hà Nội)
(Nguồn: Tác giả chụp, ngày 2/4/2026)

Phụ lục 9

Hình ảnh buổi thực nghiệm HĐTN của HS lớp 4 Trường Tiểu học Gia Trần tại Miếu Quan Nghè



Hình 4: HS tham quan thực tế tại Miếu quan Nghè
(Nguồn: Tác giả chụp, ngày 3/12/2025)



Hình 5: HS thi kể chuyện về Tiến sĩ Đinh Thúc Thông
(Nguồn: Tác giả chụp, ngày 3/12/2025)



Hình 6: HS đang tham gia trò chơi Rung chuông vàng
(Nguồn tác giả chụp, ngày 3/12/2025)



Hình 7: Trạng nguyên nhí của trò chơi Rung chuông vàng
(Nguồn tác giả chụp, ngày 3/12/2025)



Hình 8: Trạng nguyên nhí đang rung chuông vàng
(Nguồn tác giả chụp, ngày 3/12/2025)